

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO
QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO
QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

Mã số: 9310102

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ



2. TS. ĐINH VĂN TRUNG



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Nguyễn Mạnh Cường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN.....	10
1.1. Các công trình nghiên cứu về lý luận phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	10
1.2. Các nghiên cứu về kinh nghiệm thực tiễn gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	13
1.3. Các nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	16
1.4. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội và hướng nghiên cứu của đề tài luận án.....	21
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ.....	32
2.1. Khái niệm và sự cần thiết phải gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh.....	32
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cấp tỉnh, thành phố.....	51
2.3. Kinh nghiệm gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh cấp tỉnh, thành phố.....	63
Chương 3. THỰC TRẠNG GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	71
3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.....	71
3.2. Chủ trương và cơ chế, chính sách tổ chức thực hiện gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.....	76
3.3. Đánh giá thực trạng gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.....	90
Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	120
4.1. Dự báo bối cảnh và phương hướng tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2035.....	120
4.2. Giải pháp tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.....	136
4.3. Kiến nghị về điều kiện để tăng cường gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.....	153
KẾT LUẬN.....	156
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	158
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	159
PHỤ LỤC.....	174

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AN	: An ninh
ANPTT	: An ninh phi truyền thống
TTATXH	: Trật tự, an toàn xã hội
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CN	: Công nghệ
CNC	: Công nghệ cao
CNTT	: Công nghệ thông tin
CSDL	: Cơ sở dữ liệu
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KH&ĐT	: Kế hoạch và Đầu tư
KH&CN	: Khoa học và công nghệ
KH	: Khoa học
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
KT-QP	: Kinh tế - Quốc phòng
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
R&D	: Research and Development (R&D) (Nghiên cứu và triển khai)
QP	: Quốc phòng
TP	: Thành phố
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: XHCN

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh	46
Bảng 3.1. Quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Nội theo giá so sánh giai đoạn 2015-2025	90
Bảng 3.2: Cơ cấu kinh tế ngành của Hà Nội theo giá hiện hành giai đoạn 2015-2025.....	94
Bảng 3.3. Thống kê dự án hạ tầng lưỡng dụng tiêu biểu Hà Nội và vùng lân cận giai đoạn 2015-2025	96
Bảng 3.4. Kết quả đạt được về quốc phòng, an ninh của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2025.....	101
Bảng 4.1. Tổng hợp các giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội	154

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Xu hướng gia tăng quy mô GRDP và các ngành kinh tế của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 - 2025	91
Hình 3.2. Kết quả tăng trưởng kinh tế Thành phố Hà Nội	92
giai đoạn 2015 - 2025	92
Hình 3.3. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Hà Nội năm 2015 và 2025	94

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh (QP, AN) là vấn đề có tính quy luật trong tiến trình phát triển của mọi quốc gia, đặc biệt đối với các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, sự phát triển của lực lượng sản xuất luôn gắn liền với việc củng cố những điều kiện chính trị, xã hội cần thiết nhằm bảo đảm quá trình tái sản xuất mở rộng của nền kinh tế. Trong điều kiện đó, kinh tế vừa là cơ sở vật chất của sức mạnh quốc gia, vừa là nền tảng để xây dựng tiềm lực QP và AN. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng khẳng định mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa hai lĩnh vực này khi nhấn mạnh rằng kinh tế phải đi đôi với QP và QP phải phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. Điều đó cho thấy phát triển kinh tế và củng cố QP, AN có mối quan hệ biện chứng, vừa là điều kiện, vừa là mục tiêu của nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN đang có những biến đổi sâu sắc cả về nội dung và phương thức thực hiện. Sự phát triển của kinh tế số, hạ tầng công nghệ và các mạng lưới sản xuất, tài chính toàn cầu làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, đồng thời xuất hiện nhiều thách thức AN phi truyền thống ngày càng nổi bật như AN kinh tế, AN năng lượng, AN thông tin và AN mạng. Trong đó, AN mạng được hiểu là trạng thái bảo đảm an toàn, ổn định và tin cậy của các hệ thống thông tin, dữ liệu và hạ tầng số trước các nguy cơ tấn công, xâm nhập, phá hoại hoặc thao túng từ bên ngoài; qua đó bảo vệ hoạt động của nền kinh tế số, hệ thống quản trị quốc gia và các lợi ích chiến lược của đất nước trong không gian mạng. Những yếu tố này đang làm thay đổi phương thức tổ chức sản xuất,

quản trị kinh tế và bảo vệ lợi ích quốc gia, đặt ra yêu cầu phải có cách tiếp cận mới trong việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN.

Ở Việt Nam, trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội (KT-XH) với tăng cường QP, AN. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong các chiến lược và nghị quyết của Đảng qua các thời kỳ. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (2026) tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời tăng cường tiềm lực QP, AN nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa. Điều này cho thấy việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN không chỉ là yêu cầu chiến lược lâu dài mà còn là điều kiện quan trọng để duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Tuy nhiên, trong thực tiễn phát triển hiện nay, quá trình kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN vẫn đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Ở một số địa phương, việc lồng ghép các yêu cầu về QP, AN trong quy hoạch và phát triển KT-XH chưa thật sự đồng bộ; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý kinh tế và lực lượng QP, AN còn hạn chế; một số dự án phát triển chưa gắn chặt với yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ và bảo đảm AN kinh tế. Trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, các yếu tố AN phi truyền thống có xu hướng tác động mạnh hơn đến quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đòi hỏi phải đổi mới tư duy và hoàn thiện cơ chế kết hợp giữa kinh tế với QP, AN trong điều kiện mới.

Những vấn đề này thể hiện rõ nét hơn tại các đô thị lớn, nơi tập trung cao độ các nguồn lực phát triển và đồng thời cũng là địa bàn trọng yếu về chính trị, kinh tế và AN. Thành phố Hà Nội, với vai trò là trung tâm chính

trị, hành chính quốc gia và một trong những đầu tàu kinh tế của cả nước, đang phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn kinh tế, chính trị nổi lên trong quá trình phát triển. Một mặt, TP cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, mở rộng không gian đô thị, phát triển hạ tầng hiện đại và thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và giữ vai trò động lực phát triển của vùng Thủ đô và cả nước. Mặt khác, với vị trí là địa bàn chiến lược về QP và AN, Hà Nội phải bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các không gian phát triển có ý nghĩa chiến lược, bảo vệ AN chính trị, AN kinh tế và an toàn của các mục tiêu trọng yếu quốc gia.

Chính trong quá trình đó đã nảy sinh những mâu thuẫn khách quan cần được giải quyết một cách khoa học, như: mâu thuẫn giữa yêu cầu mở rộng không gian đô thị, phát triển hạ tầng và các khu công nghiệp với yêu cầu bảo đảm quy hoạch thể trận QP và khu vực phòng thủ; mâu thuẫn giữa nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế với yêu cầu bảo đảm AN kinh tế và kiểm soát các lĩnh vực, khu vực nhạy cảm về chiến lược; hay mâu thuẫn giữa quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số với yêu cầu bảo vệ chủ quyền dữ liệu, bảo đảm AN mạng và an toàn thông tin quốc gia. Nếu những mâu thuẫn này không được nhận diện đầy đủ và giải quyết một cách hợp lý, quá trình phát triển kinh tế có thể làm gia tăng các nguy cơ mất cân đối hoặc tiềm ẩn rủi ro đối với QP, AN của Thủ đô.

Trong những năm qua, TP Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong việc gắn kết phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN, thể hiện qua việc lồng ghép các yêu cầu QP, AN trong quy hoạch phát triển KT-XH, củng cố thể trận QP toàn dân gắn với thể trận AN nhân dân và từng bước ứng dụng các hệ thống quản lý, giám sát AN hiện đại trong quản trị đô thị. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển Thủ đô theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045, việc nghiên cứu một cách toàn diện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN tại Hà Nội vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục làm rõ cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “*Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội*” để nghiên cứu trong luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị. Nghiên cứu này không chỉ góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, mà còn cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với giữ vững ổn định chính trị xã hội và bảo đảm QP, AN của Thủ đô trong giai đoạn tới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN cấp địa phương (tỉnh/TP); đánh giá thực trạng quá trình kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2015-2025; đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận cơ bản về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN dưới góc độ Kinh tế chính trị; phân tích các nhân tố tác động đến quá trình kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở cấp độ địa phương, với đô thị đặc biệt như Hà Nội.

Thứ hai, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2025, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

Thứ ba, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn 2026-2030, phù hợp với bối cảnh phát triển mới và yêu cầu chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ vững ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn Thủ đô.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Luận án nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, tiếp cận dưới góc nhìn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trong đó, trọng tâm là các chính sách, cơ chế, phương thức tổ chức, vận hành và điều phối nguồn lực nhằm phát triển kinh tế Thủ đô Hà Nội một cách bền vững, đồng thời củng cố tiềm lực QP và giữ vững AN chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN; phân tích cách thức lồng ghép các mục tiêu, chính sách và giải pháp phát triển kinh tế với yêu cầu xây dựng tiềm lực QP, thế trận AN nhân dân trên địa bàn TP Hà Nội.

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn TP Hà Nội, bao gồm cả khu vực nội thành, ngoại thành và các vùng KT-QP trọng điểm có liên quan đến nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Thủ đô.

Về thời gian: Luận án khảo sát và phân tích thực trạng trong giai đoạn 2015-2025, có tham chiếu các giai đoạn trước và sau khi cần thiết; đề xuất định hướng và giải pháp cho giai đoạn 2026-2035.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận án được thực hiện dựa trên thế giới quan và phương pháp luận của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm,

đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh quan điểm biện chứng giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN, xem đây là mối quan hệ mang tính hai chiều, tác động qua lại trong quá trình phát triển bền vững; quan điểm lịch sử cụ thể, đặt vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay; quan điểm toàn diện và hệ thống, kết hợp giữa các yếu tố kinh tế - chính trị - xã hội - QP và AN nhằm bảo đảm phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; và quan điểm phát triển, bảo đảm các giải pháp đề xuất có khả năng thích ứng với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của Hà Nội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận trên, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp trừu tượng hóa KH*: Được sử dụng để khái quát các hiện tượng cụ thể về phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN trong xây dựng hệ thống khái niệm, phạm trù lý luận, như liên kết kinh tế với QP, AN, kinh tế lưỡng dụng, phát triển bền vững gắn QP, AN.

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp*: Được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm, lý thuyết về mối quan hệ giữa kinh tế và QP, AN; phân tích các tài liệu lý luận và thực tiễn liên quan.

- *Phương pháp logic kết hợp với lịch sử*: Nghiên cứu sự hình thành, phát triển và vận động của mối quan hệ giữa kinh tế và QP, AN từ góc độ lý luận và thực tiễn trong lịch sử phát triển Thủ đô Hà Nội và cả nước.

- *Phương pháp so sánh - đối chiếu*: Sử dụng khi phân tích chính sách, mô hình và hiệu quả thực hiện gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội so với một số địa phương lớn trong nước và quốc tế.

- *Phương pháp phân tích hệ thống, mô hình hoá định hướng chính sách*: Các phương pháp này được vận dụng để nhận diện cấu trúc thể chế (các mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành phát triển kinh tế, đảm bảo QP và AN trong một chỉnh thể thống nhất), cơ chế vận hành, và đề xuất mô hình tổ chức thực hiện phù hợp với bối cảnh mới nhằm đảm bảo tính logic trong giải pháp. Phương pháp mô hình hóa định hướng chính sách được sử dụng để đề xuất hệ thống quan điểm, định hướng và giải pháp gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trong bối cảnh cụ thể của Hà Nội giai đoạn 2026- 2035.

- *Phương pháp tiếp cận liên ngành*: Việc sử dụng phương pháp này là cần thiết, vì nội dung gắn kết kinh tế với QP-AN không thể chỉ nhìn thuần túy từ kinh tế chính trị học, mà còn liên quan chặt chẽ đến khoa học quân sự và AN trong đánh giá yếu tố QP địa phương, thể trận AN nhân dân, khu vực phòng thủ; quản lý công và phát triển vùng (thể chế, quy hoạch, phân cấp, liên kết vùng Thủ đô); đến khoa học chính trị và xã hội học phát triển (quan hệ lợi ích, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang). Để thực hiện các nội dung trên, luận án sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành giữa kinh tế chính trị, khoa học quân sự, quản lý công và chính trị học nhằm phân tích tổng thể mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trong điều kiện đặc thù của Thủ đô Hà Nội.

- *Phương pháp tổng kết thực tiễn*: Do đề tài có phạm vi lãnh thổ cụ thể là TP Hà Nội và hướng tới đề xuất chính sách, nên việc khái quát bài học từ thực tiễn kết hợp kinh tế với QP, AN tại địa bàn TP, đối chiếu với mô hình tương tự ở các địa phương khác (như TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, hoặc quốc tế như Bắc Kinh, Seoul) và làm cơ sở thực chứng cho việc rút ra quy luật, nguyên tắc, và kiến nghị chính sách là cần thiết. Mục đích của việc sử dụng phương pháp này nhằm hệ thống hóa các mô hình, kết quả và hạn chế trong việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trên địa bàn Hà Nội, từ đó rút ra những

kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn; phân tích và đánh giá sâu sắc hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội.

Ngoài ra, trong công trình nghiên cứu, tác giả còn sử dụng phương pháp dự báo nhằm mục đích xác định kịch bản hoặc xu hướng phát triển gần kinh tế với đảm bảo QP, AN đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong chương 4.

Việc kết hợp đồng bộ các phương pháp trên giúp việc nghiên cứu hiểu đúng bản chất, nội dung và ý nghĩa của mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN; nhận thức được tính kế thừa, tính phát triển và tính lịch sử - xã hội của tư duy về mối quan hệ này và nâng cao năng lực vận dụng để giải quyết vấn đề của TP Hà Nội.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

5.1. Về lý luận

Bổ sung và phát triển lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Làm rõ nội hàm, vai trò và cơ chế lồng ghép giữa mục tiêu phát triển kinh tế với yêu cầu QP, AN từ góc nhìn Kinh tế chính trị, qua đó góp phần cụ thể hóa tư duy phát triển mới mang tính tích hợp liên ngành trước yêu cầu phát triển bền vững.

Hệ thống hóa các tiêu chí đánh giá kết quả gắn kết giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN cấp địa phương (TP trực thuộc Trung ương), từ đó đề xuất khung phân tích có thể áp dụng cho các đô thị lớn có vị trí chiến lược.

Đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường phát triển cho Thủ đô Hà Nội theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế đô thị với xây dựng khu vực phòng thủ, AN con người và AN phi truyền thống trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

5.2. Về thực tiễn

Phân tích, đánh giá thực trạng gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN tại TP Hà Nội giai đoạn 2015-2025, chỉ ra những kết quả nổi bật,

tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trên cơ sở số liệu, chính sách và khảo sát thực tiễn.

Đề xuất hệ thống giải pháp khả thi và phù hợp với đặc thù của TP Hà Nội nhằm tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chính quyền, lực lượng và các thành phần kinh tế trong việc lồng ghép các mục tiêu phát triển.

Cung cấp luận cứ KH cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN trong chiến lược phát triển Thủ đô giai đoạn 2026 - 2035, góp phần nâng cao hiệu quả thực tiễn trong xây dựng Thủ đô “văn hiến, văn minh, hiện đại” gắn với “vững về chính trị, mạnh về QP, an toàn về AN”.

Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể làm tài liệu tham khảo bổ ích cho những nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, tổ chức thực tiễn việc gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của các tỉnh, TP trong cả nước nói chung và cho những ai quan tâm đến chủ đề này.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội và hướng nghiên cứu của luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN cấp tỉnh, TP

Chương 3: Thực trạng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội

Chương 4: Phương hướng và giải pháp tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN là một chủ đề hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách trong nước và quốc tế. Mục đích của chương này nhằm nhận diện khoảng trống tri thức và xác định hướng nghiên cứu của luận án tiếp cận từ lĩnh vực Kinh tế chính trị từ các nền tảng lý luận, phương pháp tiếp cận, dữ liệu và bối cảnh nghiên cứu, từ đó chỉ ra những giá trị kế thừa, những vấn đề còn tranh luận, chưa được giải quyết hoặc chưa được nghiên cứu đầy đủ. Phạm vi về nội dung, tổng quan về các nghiên cứu liên quan đến lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN; các công trình về kinh tế - QP, AN ở cấp quốc gia, địa phương và các đô thị lớn; kinh nghiệm quốc tế có thể vận dụng vào TP Hà Nội. Phạm vi về không gian, gồm các nghiên cứu ở Việt Nam và quốc tế, tập trung vào các bối cảnh tương đồng với Hà Nội. Phạm vi về thời gian, tập trung vào các nghiên cứu trong 10-15 năm gần đây khi yêu cầu phát triển bền vững và bảo đảm QP, AN ngày càng được nhấn mạnh. Việc tổng quan không chỉ cung cấp nền tảng tri thức cho luận án mà còn định vị rõ đóng góp mới, tránh trùng lặp, đảm bảo tính KH và tính thực tiễn của đề tài.

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ LÝ LUẬN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

Trên thế giới, vấn đề gắn kết phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ và trong các bối cảnh lịch sử, kinh tế, chính trị khác nhau. Nghiên cứu của Rati Ram (1993) trong "*Mối liên hệ khái niệm giữa chi tiêu QP và tăng trưởng và phát triển kinh tế: Một đánh giá có chọn*

lọc [140] chỉ ra tác động hai mặt giữa chi tiêu QP với tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Có một số mối liên hệ lý thuyết chính giữa chi tiêu QP và tăng trưởng và phát triển kinh tế và phúc lợi. Đó là các mối liên hệ về phía cung tổng hợp và các mối liên hệ liên quan đến cầu tổng hợp. Các cân nhắc về cung tổng hợp, thường liên quan đến chi tiêu QP theo "chi phí cơ hội" hoặc các phương án thay thế bị hy sinh. Nếu chi tiêu QP làm giảm đầu tư tổng hợp và nếu, như CN mới được "thể hiện" trong vốn, tiến bộ kỹ thuật và tăng trưởng kinh tế có thể bị ảnh hưởng xấu bởi chi tiêu QP. Quan điểm chung hơn, chi tiêu QP của một quốc gia có thể cấu thành tác động bên ngoài tiêu cực nếu chi tiêu đó khiến các quốc gia khác cảm thấy bị đe dọa nhiều hơn hoặc kém an toàn hơn và tăng cường họ tăng chi tiêu QP của riêng mình.

Bài viết của Walter Block (2003), "*Quốc phòng và lý thuyết về ngoại tác, hàng hóa công cộng và tổ chức xã hội*" [146] cho rằng lịch sử Kinh tế chính trị thực sự đầy rẫy những ví dụ đã chống lại việc sản xuất những sản phẩm quân sự. Nhưng nó chỉ đúng khi người ta quân sự hóa nền kinh tế, nhân danh việc chống lại một nền kinh tế quân sự hóa. Đồng thời, chỉ ra việc sản xuất các sản phẩm quân sự như là một hàng hoá công cộng, có thể tạo những tác động bên ngoài tích cực cần thiết để tạo ổn định và phát triển kinh tế.

Nghiên cứu của R Smith, J. Fontanel (2008) về "*An ninh quốc tế, kinh tế QP và quyền lực của các quốc gia*" [139] đã xem kinh tế QP được nảy sinh trong giao điểm giữa các lĩnh vực chiến lược (nghệ thuật của một vị tướng, chuyên gia trong việc sử dụng vũ lực) và lĩnh vực kinh tế (các quy trình sản xuất, phân phối và khuyến khích). Sự giao thoa hoặc chồng chéo này là một địa hạt tranh chấp vì các nhà kinh tế và chuyên gia nghiên cứu chiến lược mang đến cho đảng những tiền đề rất khác nhau. Các nhà kinh tế phải nghiên cứu thực tế của chiến lược và mô hình phát triển kinh tế khi có sự quan tâm đến mối quan hệ với QP của một quốc gia.

Dr MM Jayawardena (2013): "*Một khuôn khổ khái niệm để nghiên cứu QP và phát triển kinh tế*" [106], nghiên cứu nguồn gốc kinh tế của QP như một lợi ích công cộng. Sự yếu kém trong việc phân tích nguồn gốc kinh tế của. Sự mơ hồ và không nhất quán của QP đã đưa ra các kết luận trong các nghiên cứu đã bị thiếu hụt về nền tảng lý thuyết. Do đó, cần có các nghiên cứu mang tính cách mạng cho phép khám phá nguồn gốc kinh tế của QP làm cơ sở lý thuyết cho các nghiên cứu sâu hơn.

Nhóm nghiên cứu Josselin Drof, Alfredo R. Paloyo (2014): "*Đánh giá tác động kinh tế khu vực của các hoạt động QP-Khảo sát các phương pháp*" [107] chỉ ra cần phải lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp trong bối cảnh lịch sử nhất định. Các hoạt động QP được thực hiện ở một khu vực cụ thể có thể làm thay đổi hiệu quả kinh tế của khu vực đó. Việc đánh giá chính xác các tác động kinh tế tiềm tàng của các hoạt động QP là một nỗ lực có giá trị để giúp các nhà hoạch định khu vực chuẩn bị cho những thay đổi. Các phương pháp mô hình đầu vào-đầu ra, mô hình cơ sở kinh tế, các hệ số nhân khu vực theo Keynes, các ước tính hiệu ứng cố định và các phương pháp nghiên cứu tình huống có thể gây ra một tình huống khó xử. Bởi vậy, cần xem xét chi tiết bối cảnh lịch sử và lý thuyết của từng phương pháp, cũng như chọn các trường hợp mẫu trong đó các phương pháp này được áp dụng để nghiên cứu tác động kinh tế khu vực của các hoạt động QP. Theo nghĩa này, kinh tế QP cũng có thể đóng góp cho các KH xã hội liên quan bằng cách phác thảo các phương pháp đánh giá có thể áp dụng cho các lĩnh vực khác.

Farid Abushzada (2022/2023) trong "*Phân tích dữ liệu linh động: Mối quan hệ giữa chỉ tiêu cho QP và tăng trưởng kinh tế*" [108] nêu tầm quan trọng lớn của đảm bảo AN quốc gia và chỉ tiêu QP đối với nền kinh tế của đất nước. Bởi vì chúng cung cấp một môi trường an toàn tạo điều kiện quan trọng cho việc hiện thực hóa tăng trưởng kinh tế.

Ở Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận của việc kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nổi bật gần đây là nghiên cứu của Lê Văn Nam (2014), Phạm Đình Đạt (2015), Bộ Khoa học và công nghệ (2022), Lê Mạnh Cường (2023), Nguyễn Ngọc Khánh (2024), PGS, TS Nguyễn Văn Bạo (2024), PGS, TS Lương Thanh Hân (2024)... Các nghiên cứu khẳng định phát triển kinh tế là cơ sở vật chất quan trọng để xây dựng tiềm lực QP, AN; đồng thời QP, AN vững mạnh là điều kiện bảo đảm cho phát triển kinh tế bền vững. Một số công trình đã bước đầu tiếp cận mối quan hệ này trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

Nhóm tác giả MK Hassan, M Waheeduzzaman... (2003), nghiên cứu về "*Chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế ở các nước SAARC*" [131] đã xem xét liệu chi tiêu QP có tác động gì đến tăng trưởng kinh tế và FDI hay không? Từ kinh nghiệm tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh của năm trong số bảy quốc gia Hội đồng hợp tác khu vực Nam Á (SAARC), sử dụng dữ liệu bảng trong giai đoạn 1980-1999, họ cho rằng cũng như cơ sở hạ tầng CNTT, tăng trưởng GDP, vốn con người..., chi tiêu QP có ảnh hưởng tích cực đến dòng FDI chảy vào và tăng trưởng kinh tế. Do vậy, chi tiêu này là cần thiết.

V. L Elliott và nhóm nghiên cứu ở Mỹ trong cuốn: "*Phá vỡ bẫy xung đột: Nội chiến và chính sách phát triển*" [160] quan tâm đến phá vỡ bẫy xung đột và cho rằng xung đột nội chiến là vấn đề cốt lõi trong phát triển. Sự tồn tại của nội chiến có thể làm chậm đáng kể quá trình phát triển của một quốc gia, đặc biệt là ở các quốc gia thu nhập thấp dễ bị tổn thương hơn. Ngược lại, phát triển có thể cản trở nội chiến. Khi phát triển thành công, các quốc gia trở nên

an toàn hơn, còn khi phát triển thất bại, họ sẽ có nguy cơ mắc bẫy xung đột cao hơn. Cuối cùng, nội chiến là sự thất bại của phát triển.

H. Sonmez Absolu et al (2007) trong bài "*Chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế*" [113] đã dựa trên phân tích kinh tế lượng và mô hình hàm sản xuất hai khu vực của nền kinh tế, đã chỉ ra có mối liên hệ giữa chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế. Kết quả cho thấy có mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa giữa chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, khả năng phản ứng của tăng trưởng kinh tế với những thay đổi trong chi QP phòng là nhỏ.

Nghiên cứu của W. Robert J. Alexander (2007): "*Tác động của chi tiêu QP đến tăng trưởng kinh tế: Một cách tiếp cận đa ngành đối với chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế với bằng chứng từ các nền kinh tế phát triển*" [153], nêu tiếp cận mới để giải thích tác động của chi tiêu quân sự đến tăng trưởng kinh tế. Theo tác giả, chi tiêu quân sự có tác động tích cực hay tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế dựa trên các cách tiếp cận khác nhau. Theo cách tiếp cận dựa trên hàm sản xuất theo ngành thông qua mô hình hoá được đối chiếu với dữ liệu từ một nhóm các nước phát triển, thì tác động gộp của chi tiêu này đến tăng trưởng không phải là tích cực hay tiêu cực đáng kể, mặc dù ngành QP kém năng suất hơn so với "phần còn lại" của nền kinh tế. Cùng chủ đề này, Hannah Galvin (2010) trong bài "*Tác động của chi tiêu QP đến tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển: Một nghiên cứu theo chiều ngang*" [111] dựa trên kết quả thực nghiệm dữ liệu cắt ngang, mô hình cung cầu..., phân tích mối quan hệ QP và tăng trưởng tại 64 nền kinh tế đang phát triển, đã cho rằng chi tiêu QP có tác động tiêu cực đến cả tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ tiết kiệm-thu nhập. Tác động này là lớn hơn đối với các quốc gia có thu nhập trung bình, những quốc gia có thể ít được hưởng lợi từ sự lan tỏa của ngành QP. Muhammad Azam, trong "*Chi tiêu quân sự có kìm hãm tăng trưởng kinh tế không? Bằng chứng thực nghiệm từ các nước không thuộc OECD*" [132], nghiên cứu thực nghiệm tại 35

quốc gia không thuộc OECD trong giai đoạn 1988-2019 cũng khẳng định chi tiêu quân sự có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế; và có sự tồn tại mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa chi tiêu quân sự và tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu của Laura O. Braşoveanu (2010) và của MA Anwar, Z Rafique, SA Joiya (2012) [128], cũng khẳng định có mối liên hệ giữa chi tiêu QP với tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu của Uk Heo & Min Ye: "*Defense Spending and Economic Growth around the Globe: The Direct and Indirect Link*" (2016) [145], lại kết hợp các mô hình về cầu và cung để điều tra mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp giữa chi tiêu QP và tăng trưởng kinh tế, sử dụng dữ liệu từ 161 quốc gia trong giai đoạn 1990-2012 và cho kết quả, ở cấp độ toàn cầu, chi tiêu quân sự làm giảm đáng kể đầu tư tư nhân nhưng lại giảm tỷ lệ thất nghiệp. Tuy nhiên, tác động trực tiếp của chi tiêu QP đến tăng trưởng kinh tế là không đáng kể.

Nhóm tác giả Natalia Utrero-González, Jana Hromcová & Francisco J. Callado-Muñoz (2017) trong một công bố: "*Chi tiêu QP, môi trường thể chế và tăng trưởng kinh tế: Trường hợp NATO*", nêu một kết luận từ nghiên cứu mô hình lý thuyết được kiểm tra thực nghiệm đối với các quốc gia trong Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. Kết quả cho thấy triển vọng về quan hệ đối tác và tư cách thành viên liên minh quân sự được tăng cường có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, AN và ổn định gia tăng đạt được nhờ hợp tác quân sự chặt chẽ hơn củng cố mối liên hệ tích cực với tăng trưởng kinh tế.

Isiaka Akande Raifu & Alarudeen Aminu với nghiên cứu: "*Tác động của chi tiêu quân sự đến tăng trưởng kinh tế ở MENA: bằng chứng từ phương pháp hồi quy phân vị mô men*" (2023) [118] đã sử dụng phương pháp hồi quy phân vị để khám phá tác động của chi tiêu quân sự đến biến động tăng trưởng kinh tế ở 14 quốc gia khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MENA) từ năm 1981

đến 2019. Kết quả cho thấy, việc tăng chi tiêu quân sự dẫn đến tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các đơn vị khác nhau, chi tiêu quân sự có tính sản xuất và tăng cường tăng trưởng trong các quốc gia MENA.

Tại Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Các nghiên cứu tập trung làm rõ mô hình khu kinh tế - QP (Bộ Quốc phòng, 2011, 2015, 2020); xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH gắn với yêu cầu QP, AN (Học viện Quốc phòng, 2016; Lê Văn Dũng, 2018)) huy động tiềm lực kinh tế phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc (Bộ Công an - Bộ Quốc phòng, 2017); xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc (Nguyễn Xuân Thắng, 2017). Bên cạnh đó, một số công trình cũng phân tích kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biên giới, biển đảo (Thiếu tướng, PGS, TS Nguyễn Bá Dương, 2016), qua đó khẳng định tính tất yếu và những yêu cầu mới đặt ra đối với việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố QP, AN trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

1.3. CÁC NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

1.3.1. Các nghiên cứu trên bình diện quốc gia và vùng lãnh thổ

MA Adebakin, L Raimi (2012), trong bài: “*Thách thức AN quốc gia và phát triển kinh tế bền vững: Bằng chứng từ Nigeria*” [129] đã xem xét mối liên hệ giữa AN quốc gia và phát triển kinh tế bền vững ở quốc gia này. Bằng phương pháp định lượng và dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, các tác giả đã phát hiện chi tiêu của Nigeria cho AN quốc gia đang tăng nhanh hơn chi tiêu cho giáo dục, nông nghiệp, y tế và xây dựng. Điều này tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế bền vững. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị ba bên cho chính phủ, công dân và các nhà hoạch định chính sách.

Nhóm nghiên cứu gồm Lucia Retter, Erik Frinking, Stijn Hoorens, Alice Lynch, Fook Nederveen and William Phillips (2019) trong cuốn: "*Mối quan hệ giữa nền kinh tế và AN quốc gia: Phân tích và cân nhắc cho chính sách AN kinh tế tại Hà Lan*" [122], phân tích quản lý các rủi ro AN quốc gia tiềm ẩn phát sinh từ các hoạt động kinh tế, bản chất của mối đe dọa và hậu quả AN có thể xảy ra nếu mối đe dọa đó trở thành hiện thực trong các lĩnh vực, kết cấu hạ tầng và quy trình quan trọng của nền kinh tế để cung cấp thông tin cho việc phân tích các sự đánh đổi liên quan đến các hoạt động kinh tế cụ thể.

Cuốn "*Kết hợp kinh tế với QP, AN, đối ngoại trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, AN biên giới quốc gia*" (2013), các tác giả đã xác định luận cứ và phân tích, đánh giá thực trạng kết hợp kinh tế với QP, AN, đối ngoại trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, AN biên giới quốc gia ở Việt Nam, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này thời gian tới [77].

Lê Văn Nam (2014) trong cuốn: "*Phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo QP, AN ở một số tỉnh biên giới phía Bắc*" (2014) đã nghiên cứu lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo QP, AN tập trung vào ba tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng để đề xuất quan điểm và giải pháp chủ yếu phát triển KT-XH gắn với đảm bảo QP, AN trên địa bàn các tỉnh này trong thời kỳ mới. Nghiên cứu tập trung làm rõ mối quan hệ giữa phát triển KT-XH gắn với đảm bảo QP, AN; nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển KT-XH gắn với đảm bảo QP, AN ở các tỉnh này giai đoạn 2001 - 2013 [64].

Bùi Văn Nam, Nguyễn Xuân Yêm chủ biên (2015), "*Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phòng, chống tội phạm góp phần đảm bảo AN, trật tự ở Việt Nam*" [63], trong đó các tác giả có những nghiên cứu về mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với phòng chống tội phạm; ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và tái cơ cấu nền

kinh tế Việt Nam với vấn đề phòng, chống tội phạm và công tác phòng chống tội phạm kinh tế trong các lĩnh vực cụ thể và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo AN kinh tế làm nền tảng để ổn định AN chính trị ở Việt Nam.

Phạm Đình Đạt (2015), "*Xây dựng phát triển kinh tế-xã hội gắn với đảm bảo AN-QP ở Phú Quốc*" [37] tiếp cận nghiên cứu từ lĩnh vực địa lý kinh tế và văn hoá, đã xác định một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng, phát triển KT-XH gắn với đảm bảo AN-QP ở Phú Quốc; thực trạng xây dựng, phát triển KT-XH gắn với đảm bảo AN-QP ở Phú Quốc; phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng, phát triển KT-XH gắn với đảm bảo AN-QP ở Phú Quốc thời gian tới.

Nghiên cứu của Bạch Hồng Việt, Lê Việt Hùng (2019): "*Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường QP, AN ở Việt Nam hiện nay*" [89], đã chỉ ra đây là hoạt động chủ động của mọi quốc gia, là yêu cầu tất yếu, khách quan đối với mọi quốc gia có chủ quyền. Kinh tế phát triển là điều kiện tốt để xây dựng QP, AN vững mạnh. Ngược lại, quốc gia có nền QP, AN vững mạnh, sẽ tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và bảo vệ tốt thành quả đã đạt được.

TS Đặng Xuân Hoan (2020) trong bài: "*Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực QP, AN - Từ góc độ quản lý nhà nước*" [44] cùng với khẳng định đây không chỉ là một tất yếu khách quan, mà còn là một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, sự kết hợp này đòi hỏi cần xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách cũng như tổ chức thực hiện.

Đại tá, TS. Bùi Quang Huy và Trung tá Nguyễn Văn Hoạt trong bài: "*Phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trong tình hình mới*" [47] nhắc lại

tầm quan trọng của phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN và coi đó là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân trong điều kiện mới.

Nghiên cứu của Thượng tướng, PGS, TS. Trần Việt Khoa (2022), cùng với khẳng định kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường quốc QP, AN là vấn đề quan trọng, có tính xuyên suốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được khẳng định trong nhiều kỳ đại hội Đảng. Tổng kết thực tiễn, tác giả đề xuất các giải pháp trong tình hình mới như: Xây dựng, phát triển công nghiệp QP, AN, nhằm tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc gia; nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về kết hợp KT-XH với QP, AN [50].

Bài viết của Thượng tá, TS. Trịnh Xuân Việt: *“Kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại thời kỳ Đổi mới: Thành tựu, hạn chế và một số định hướng”* (2024), trên cơ sở khái quát một số thành tựu đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, và tập trung phân tích những nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế trong thực hiện chủ trương kết hợp phát triển kinh tế xã hội với QP, AN và đối ngoại thời kỳ đổi mới, đề xuất một số định hướng nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương trên [92].

Tác giả Lê Mạnh Cường (2023) trong luận án *“Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu Kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam”* [20] mục tiêu tổng hợp và bổ sung, hoàn thiện một số khía cạnh lý luận về phát triển kinh tế trên địa bàn Khu kinh tế QP làm cơ sở đánh giá, phát hiện các vấn đề bất cập trong quá trình phát triển này trên địa bàn này ở Việt Nam, đề xuất quan điểm, mục tiêu và các giải pháp trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế gắn với mục tiêu cải thiện đời sống kinh tế, xã hội cho người dân và đảm bảo AN-QP vững chắc trên địa bàn biên giới.

Nguyễn Ngọc Khánh (2024) trong luận án, *“Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo QP, AN ở tỉnh Thái Bình”* phân tích cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo QP, AN trên địa bàn cấp

tình; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022; đề xuất quan điểm và giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo QP, AN trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 từ chuyên ngành Kinh tế chính trị [49].

Trong Đề tài cấp nhà nước năm 2024, “*Kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại ở Việt Nam trong bối cảnh mới*”, nhóm tác giả đã hướng vào khái quát và luận chứng làm rõ truyền thống của dân tộc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại, nghiên cứu kinh nghiệm của Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và Cuba để rút ra 3 bài học đối với Việt Nam có thể tham khảo [2].

PGS, TS Lương Thanh Hân (2024) trong bài “*Kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại trong bối cảnh mới*” [41], đã đánh giá việc kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển KT-XH với QP, AN và đối ngoại ở nước ta là biểu hiện sinh động của việc nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ lớn giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Trong bối cảnh mới, yêu cầu của việc kết hợp này càng phải cao hơn và toàn diện hơn. Từ đó cho rằng đây là trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương và cả hệ thống chính trị để phát triển toàn diện mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngoài ra, còn có các nghiên cứu của PGS.TS Trần Đình Thiên, PGS.TS Nguyễn Đức Thành, TS. Võ Trí Thành... trong các Hội thảo KH đề cập đến mô hình phát triển vùng gắn yếu tố AN phi truyền thống, ổn định thể chế địa phương, có thể vận dụng để phân tích tại TP Hà Nội.

1.3.2. Các nghiên cứu liên quan đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh tại thành phố Hà Nội

Đã có các công trình nghiên cứu gần đây về phát triển Thủ đô Hà Nội có yếu tố gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN như: Đề tài cấp TP (Sở

KH và CN Hà Nội): “*Định hướng phát triển vùng vành đai Thủ đô gắn với đảm bảo QP*” (2018), đề xuất sử dụng không gian vùng ven làm vùng đệm chiến lược, trong đó có chú ý đến các huyện phía Tây của TP. “*Phát triển Thủ đô Hà Nội theo hướng đô thị thông minh, đảm bảo QP, AN*” (2020, do Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội thực hiện) có nội dung phân tích nguy cơ mất AN từ đô thị hóa quá nhanh, gợi ý quản trị AN đô thị bền vững.

Ngoài ra, còn có một số bài báo KH tiêu biểu như: “*Phát triển khu vực phòng thủ tỉnh, TP trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường*” của PGS.TS Đỗ Văn Dũng, “*Tích hợp quy hoạch kinh tế với AN, QP trong vùng Thủ đô*” của TS. Phạm Thị Hoài, “*Hà Nội: Kết hợp nhiệm vụ QP, AN và phát triển KT-XH trong tình hình mới*” của Hoàng Long [55]; “*Thủ đô Hà Nội: Nâng cao nhận thức về đảm bảo QP, AN trong tình hình mới*” của Tuệ Minh [68]; “*Hà Nội: Thực hiện hiệu quả việc kết hợp phát triển KT-XH gắn QP, AN*” [38]; “*Hà Nội tích cực xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong bối cảnh mới*” [54] ...

1.4. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.4.1. Đánh giá tổng quan kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu quốc tế đã nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa sức mạnh kinh tế và sức mạnh QP-AN, coi đây là hai trụ cột song hành, bổ trợ lẫn nhau nhằm bảo vệ và phát triển quốc gia. Có nghiên cứu còn phân tích sự tương tác giữa năng lực kinh tế, tiềm lực quân sự và ảnh hưởng chính trị quốc tế, chỉ ra rằng một nền kinh tế vững mạnh là cơ sở vật chất để xây dựng tiềm lực QP, đồng thời QP và AN ổn định lại tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. Ở chiều ngược lại, chi tiêu QP quá

mức có thể tạo gánh nặng ngân sách, ảnh hưởng tới tăng trưởng, nếu thiếu cân đối chiến lược. Trong các nghiên cứu về phát triển bền vững và AN quốc gia đã đưa ra khung phân tích gắn phát triển kinh tế với AN phi truyền thống, nhấn mạnh vai trò của AN kinh tế, AN năng lượng, AN lương thực và AN môi trường. Điều này mở rộng phạm vi nghiên cứu từ khía cạnh QP quân sự sang các yếu tố AN toàn diện.

Tuy các nghiên cứu quốc tế đã cung cấp hệ thống lý thuyết, khung phân tích và minh chứng thực tiễn phong phú, làm rõ các mô hình, cơ chế và điều kiện để gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN, nhưng phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào bối cảnh các quốc gia phát triển hoặc các nền kinh tế công nghiệp mới, ít có công trình chuyên sâu về các đô thị lớn tại các quốc gia đang phát triển, đặc biệt trong điều kiện đặc thù của TP Hà Nội. Đây là khoảng trống mà luận án hướng tới bổ sung.

Các nghiên cứu trong nước mới tập trung nhiều vào việc kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP và AN trên phạm vi quốc gia, hoặc vùng lãnh thổ và có một số nghiên cứu cụ thể gắn với khu kinh tế QP và ở cấp tỉnh tiếp cận từ kinh tế phát triển hay từ quản lý nhà nước về kinh tế... Những nghiên cứu này đã đóng góp quan trọng vào việc hoạch định chiến lược, định hướng và thực hiện chính sách kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP, AN của cả nước cũng như một số vùng, tỉnh ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

- Nghiên cứu về nội dung phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN:

Về lý luận, nhiều nghiên cứu trên thế giới và trong nước đã tập trung vào tính liên ngành và hướng tiếp cận đa chiều về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN thường mang tính liên ngành cao, kết hợp giữa kinh tế học, KH chính trị, AN, QP, và quan hệ quốc tế. Các tiếp cận phổ biến đã được áp dụng trong các nghiên cứu trên gồm: lý thuyết AN con người, lý thuyết về nhà nước phát triển, tiếp cận AN phi truyền thống. Chẳng hạn, Rati

Ram (1993) nghiên cứu về "*Mối liên hệ khái niệm giữa chỉ tiêu QP và tăng trưởng và phát triển kinh tế*", R Smith, J Fontanel (2008) về "*An ninh quốc tế, kinh tế QP và quyền lực của các quốc gia*", Dr MM Jayawardena (2013) hướng xây dựng khái niệm để nghiên cứu QP và phát triển kinh tế, W. Robert J. Alexander (2007) tiếp cận đa ngành viết trong Tác động đa chiều của chỉ tiêu QP đến tăng trưởng kinh tế... Có nghiên cứu chỉ ra nguyên nhân của những thách thức về AN hiện nay trên thế giới, tác động của những thách thức đó đe dọa những mối nguy hiểm mới và đòi hỏi việc nghiên cứu phải có những công cụ và khái niệm mới và các tác giả đã đưa ra được một số khái niệm có liên quan đến mối quan hệ giữa kinh tế với QP trong một thế giới toàn cầu hóa, nơi các mô hình tư duy cũ có nguy cơ lỗi thời.

Các nghiên cứu trong nước đã chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực KH quân sự, chính trị học và kinh tế học ứng dụng, thường gắn với giải thích, làm rõ quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Hướng tiếp cận thường nghiêng về phân tích định tính, tổng kết thực tiễn gắn với cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Về *thực tiễn*, các nghiên cứu về phát triển kinh tế gắn với QP, AN trên thế giới và trong nước đã được nhiều tác giả quan tâm, như: khảo sát, đánh giá tác động kinh tế khu vực của các hoạt động QP; phân tích dữ liệu về mối quan hệ giữa chỉ tiêu cho QP và tăng trưởng kinh tế; hay phân tích dữ liệu về chỉ tiêu QP và tăng trưởng kinh tế...

Các nghiên cứu thực tiễn trong nước đã có những phân tích, đánh giá thực trạng gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trên bình diện quốc gia; gắn phát triển kinh tế với củng cố QP, AN tại các địa bàn chiến lược: Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, vùng biển đảo; Phát triển kinh tế QP: xây dựng các khu KT-QP, các đoàn KT-QP; hay ứng dụng KH, CN QP vào dân sinh, tăng cường phát triển công nghiệp lưỡng dụng. Những nghiên cứu này

đã đóng góp quan trọng vào việc định hướng và thực hiện chính sách kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP, AN ở Việt Nam hiện nay.

- Nghiên cứu về tiêu chí đánh giá kết quả của việc phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN.

Trên thế giới, việc đánh giá gắn kết giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN tuy có cách tiếp cận khác nhau theo từng quốc gia, nhưng các nghiên cứu đã cho thấy một số tiêu chí phổ biến, nhất là ở các nước có nền quốc phòng hiện đại hoặc thực hiện chiến lược "AN kinh tế". Đó là, những tiêu chí đã áp dụng tại Mỹ, Israel, Hàn Quốc và Trung Quốc, như tiêu chí về khả năng kết hợp giữa tiềm lực kinh tế và sức mạnh QP, như chỉ số công nghiệp QP, khả năng sản xuất và tự chủ về vũ khí, trang thiết bị quân sự, tỷ lệ công nghiệp lưỡng dụng trong tổng công nghiệp quốc gia, đầu tư CN QP - dân sự. Tiêu chí áp dụng của các tổ chức quốc tế NATO, OECD và Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm bao gồm tiêu chí về ngân sách và đầu tư cho QP, AN từ nền kinh tế, tỷ lệ chi tiêu QP trong GDP, mức độ hợp lý giữa phát triển kinh tế và củng cố QP, xu hướng tăng/giảm ngân sách QP trong bối cảnh phát triển quốc gia. Những tiêu chí do OECD và UNCTAD đề xuất cho các nước đang phát triển như: tiêu chí về AN kinh tế; về mức độ kiểm soát các rủi ro kinh tế chiến lược (đầu tư nước ngoài, chuỗi cung ứng, năng lượng); AN năng lượng, AN lương thực, AN mạng; khả năng phục hồi trước các cú sốc AN - kinh tế (dịch bệnh, chiến tranh, khủng hoảng tài chính). Các tiêu chí về bảo vệ lãnh thổ và kiểm soát vùng chiến lược; tiêu chí về hiệu quả phối hợp quân - dân - chính trong phát triển bền vững; các chỉ số tổng hợp có yếu tố QP, AN lồng ghép như: AN nội địa, AN biên giới, chi tiêu QP, kết hợp AN con người với AN kinh tế, và đánh giá khả năng chống chịu của quốc gia trước các khủng hoảng đa chiều (kể cả QP, AN). Nhìn chung, những tiêu chí đánh giá gắn kinh tế với QP, AN trên thế giới thường mang tính định lượng cao, có chỉ số cụ thể; kết hợp giữa yếu tố

truyền thống (lực lượng vũ trang, ngân sách...) với yếu tố phi truyền thống (AN mạng, kinh tế số, đầu tư chiến lược...); và được lồng ghép trong chiến lược phát triển quốc gia, đảm bảo tính bền vững, tự chủ và linh hoạt.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu đã sử dụng hoặc gợi ý các nhóm tiêu chí nhất định, tập trung vào các hướng: (1) Nghiên cứu chuyên ngành KH quân sự, AN, chính trị như: Khả năng phối hợp liên ngành và liên vùng trong thực hiện nhiệm vụ kép (KT - QP); sự chủ động của lực lượng vũ trang trong tham gia phát triển kinh tế tại các khu vực khó khăn; và hiệu quả các chương trình, mô hình KT - QP (đoàn KT-QP, doanh nghiệp QP). (2) Các tiêu chí KT-XH lồng ghép yếu tố quốc QP, AN như: Các nghiên cứu phát triển vùng, quy hoạch KT-XH địa phương. Cụ thể như Viện Chiến lược phát triển và Viện Kinh tế Việt Nam thường dùng các chỉ tiêu như: Tăng trưởng GRDP khu vực gắn với vùng biên - vùng chuyển tiếp đô thị - nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ tiếp cận dịch vụ công (y tế, giáo dục) tại vùng trọng yếu về QP, AN; số lượng vụ việc vi phạm TTATXH, mâu thuẫn dân cư, xung đột về đất đai được xử lý. Những tiêu chí trên là những gợi ý rất quan trọng dùng để đánh giá kết quả gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trên một địa bàn tỉnh, TP trong nước.

- *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN.* Đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Chẳng hạn, nhóm nhân tố về thể chế, chính sách, như chính sách phát triển kinh tế lồng ghép QP, AN (mức độ lồng ghép giữa các chiến lược phát triển KT-XH với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, tính đồng bộ trong các quy hoạch đất đai, hạ tầng, dân cư... giữa mục tiêu kinh tế và QP, AN); cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp (hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng: chính quyền địa phương, quân đội, công an, doanh nghiệp; vai trò của cơ chế chỉ đạo thống nhất giữa trung ương và địa phương).

Nhóm nhân tố KT-XH, như mức độ phát triển kinh tế vùng, địa phương (GRDP, cơ cấu ngành kinh tế, mức độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khả năng thu hút đầu tư kể cả vào các địa bàn có vị trí QP, AN trọng yếu); chất lượng nguồn nhân lực và chuyển dịch lao động (trình độ học vấn, tay nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo; mức độ di dân tự phát ảnh hưởng đến cơ cấu dân cư và AN địa bàn). Nghiên cứu của Viện Kinh tế Việt Nam nhấn mạnh vai trò của chuyển dịch cơ cấu lao động trong đảm bảo "AN sinh kế".

Nhóm nhân tố về QP, AN, bao gồm: Thế trận QP toàn dân và AN nhân dân về mức độ tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ, phòng thủ dân sự tại cơ sở; tính chủ động của lực lượng vũ trang trong phát triển kinh tế địa bàn khó khăn; an ninh chính trị, TTATXH toàn xã hội; tình hình tội phạm, mâu thuẫn xã hội, tranh chấp đất đai; yếu tố tôn giáo, dân tộc, thông tin xuyên biên giới ở vùng nhạy cảm. tiêu biểu trong các nghiên cứu của Bộ Công an và Học viện An ninh nhân dân tập trung vào phòng ngừa nguy cơ mất ổn định xã hội từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa.

Nhóm nhân tố tự nhiên, địa lý, chiến lược, như: Vị trí địa lý chiến lược: vùng biên giới, ven biển, cửa ngõ giao thông, vùng chuyển tiếp đô thị - nông thôn; tài nguyên thiên nhiên: đất đai, rừng, khoáng sản - ảnh hưởng đến tranh chấp, bảo vệ chủ quyền; điều kiện hạ tầng (giao thông, năng lượng, thông tin) - là cơ sở vừa phát triển kinh tế, vừa triển khai lực lượng QP, AN. Những nhân tố ảnh hưởng này được thấy trong các nghiên cứu quy hoạch vùng Tây Bắc, Tây Nguyên.

Ngoài ra, còn có một số nhân tố ảnh hưởng mới được quan tâm thể hiện trong khung phân tích của một số đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước gần đây, như: An ninh phi truyền thống (biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, di cư môi trường; tác động của chuyển đổi số, thông tin xuyên biên giới, mạng xã hội đến ổn định xã hội); chiến lược cạnh tranh quốc tế (ảnh hưởng của địa chính trị, đầu tư nước ngoài, AN mạng, chuỗi cung ứng toàn cầu đến AN quốc gia.

1.4.2. Những khoảng trống và hướng nghiên cứu của luận án

1.4.2.1. Những vấn đề đã được giải quyết trong các công trình nghiên cứu và được luận án kế thừa

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN cho thấy có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng đã được các tác giả làm rõ. Những kết quả này là cơ sở khoa học quan trọng để luận án kế thừa và tiếp tục phát triển, cụ thể:

Thứ nhất, về cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với QP, AN, các công trình nghiên cứu quốc tế và trong nước đã khẳng định sự gắn bó hữu cơ giữa sức mạnh kinh tế với sức mạnh QP và AN quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng một nền kinh tế phát triển tạo cơ sở vật chất cho việc xây dựng tiềm lực QP và bảo đảm AN quốc gia; ngược lại, môi trường QP và AN ổn định là điều kiện quan trọng để duy trì tăng trưởng và phát triển kinh tế. Các nghiên cứu cũng đã phát triển nhiều cách tiếp cận lý thuyết khác nhau như: tiếp cận AN con người, AN phi truyền thống, lý thuyết nhà nước phát triển, hay các mô hình phân tích mối quan hệ giữa chi tiêu QP với tăng trưởng kinh tế. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để luận án tiếp tục vận dụng và phát triển trong điều kiện cụ thể của Việt Nam và Thủ đô Hà Nội.

Thứ hai, về nội dung và mô hình kết hợp giữa phát triển kinh tế với QP, AN, nhiều nghiên cứu đã phân tích các hình thức, cơ chế và chính sách nhằm gắn kết hai lĩnh vực này trong thực tiễn phát triển quốc gia. Các công trình đã đề cập đến các mô hình phát triển kinh tế gắn với QP như: công nghiệp QP và công nghiệp lưỡng dụng; phát triển các khu kinh tế – QP; kết hợp giữa phát triển hạ tầng kinh tế với bố trí thế trận QP; hay sự tham gia của lực lượng vũ trang vào phát triển kinh tế tại các địa bàn chiến lược. Những phân tích này góp phần làm rõ cơ chế tác động qua lại giữa các hoạt động kinh tế với nhiệm vụ bảo đảm QP và AN trong các điều kiện phát triển khác nhau.

Thứ ba, về tiêu chí và phương pháp đánh giá kết quả phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN, nhiều nghiên cứu trên thế giới đã xây dựng các khung tiêu chí khá toàn diện. Các tiêu chí này bao gồm cả những chỉ số truyền thống như chi tiêu QP, năng lực công nghiệp QP, mức độ tự chủ về trang bị quân sự; đồng thời mở rộng sang các tiêu chí AN phi truyền thống như AN kinh tế, AN năng lượng, AN lương thực, AN mạng và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc AN – kinh tế. Các tổ chức quốc tế và một số quốc gia cũng đã xây dựng các bộ chỉ số đánh giá sự gắn kết giữa phát triển kinh tế và AN quốc gia. Những kết quả này cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng để xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Thứ tư, về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra các nhóm nhân tố chủ yếu như: nhân tố thể chế và chính sách; nhân tố KT-XH; nhân tố QP và AN; nhân tố tự nhiên, địa lý và vị trí chiến lược. Gần đây, các nghiên cứu cũng đã bắt đầu chú ý nhiều hơn đến các yếu tố mới như AN phi truyền thống, tác động của toàn cầu hóa, chuyển đổi số, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia và sự biến động của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những kết quả này góp phần làm rõ bối cảnh và các điều kiện tác động đến kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP và AN.

Thứ năm, về nghiên cứu thực tiễn ở Việt Nam, nhiều công trình đã phân tích và tổng kết kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN ở phạm vi quốc gia và tại một số địa bàn chiến lược như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và các vùng biển đảo. Các nghiên cứu này đã góp phần làm rõ vai trò của các mô hình kinh tế – QP, phát triển hạ tầng lưỡng dụng, cũng như sự tham gia của lực lượng vũ trang trong phát triển KT-XH tại các khu vực có vị trí chiến lược. Đây là nguồn tư liệu và cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án tiếp tục tham khảo và vận dụng.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trước đây đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn khá phong phú về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Những kết quả này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa, vận dụng và phát triển trong nghiên cứu về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của thành phố Hà Nội.

1.4.2.2. Những khoảng trống nghiên cứu và vấn đề luận án cần giải quyết

Mặc dù các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp nhiều luận cứ lý luận và thực tiễn quan trọng về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN, song qua tổng quan có thể nhận thấy vẫn còn một số khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục được làm rõ.

Thứ nhất, về cách tiếp cận nghiên cứu, phần lớn các công trình hiện nay tiếp cận vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN từ góc độ khoa học quân sự, AN học hoặc quản lý nhà nước. Các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ kinh tế chính trị học, đặc biệt là phân tích mối quan hệ này như một quan hệ lợi ích và quan hệ phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vẫn còn chưa nhiều. Do đó, việc nghiên cứu vấn đề phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN dưới góc độ kinh tế chính trị nhằm làm rõ bản chất, nội dung và cơ chế vận động của mối quan hệ này trong điều kiện phát triển mới của Việt Nam vẫn còn là khoảng trống cần được tiếp tục bổ sung.

Thứ hai, về phạm vi nghiên cứu, phần lớn các công trình trong nước tập trung phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với QP, AN ở phạm vi quốc gia hoặc tại các địa bàn chiến lược như vùng biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa. Trong khi đó, các nghiên cứu chuyên sâu về việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN tại các đô thị lớn, đặc biệt là các trung tâm chính trị – kinh tế quốc gia, còn khá hạn chế. Điều này cho thấy còn thiếu những nghiên cứu phân tích toàn diện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ tại các đô thị lớn như Thủ đô Hà Nội.

Thứ ba, về nội dung nghiên cứu, nhiều công trình đã đề cập đến việc kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN, nhưng chủ yếu tập trung vào các mô hình truyền thống như khu kinh tế – QP, công nghiệp QP hoặc phát triển kinh tế tại các địa bàn chiến lược. Trong khi đó, những vấn đề mới phát sinh trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện đại như: AN kinh tế, AN mạng, AN chuỗi cung ứng, hay mối quan hệ giữa phát triển kinh tế số với bảo đảm QP, AN vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, đặc biệt ở cấp độ địa phương.

Thứ tư, về phân tích thực tiễn, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung đánh giá những kết quả đạt được trong việc kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN, nhưng chưa làm rõ đầy đủ những mâu thuẫn và thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển, nhất là tại các đô thị lớn. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, mở rộng không gian đô thị và thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư nước ngoài với yêu cầu bảo đảm QP, kiểm soát không gian chiến lược và giữ vững AN chính trị; hay mâu thuẫn giữa quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số với yêu cầu bảo đảm AN mạng và chủ quyền dữ liệu quốc gia. Việc nhận diện và phân tích các mâu thuẫn này có ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN một cách bền vững.

Thứ năm, về hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá, mặc dù một số nghiên cứu đã đề xuất các tiêu chí đánh giá việc kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN, song phần lớn các tiêu chí này mới được xây dựng ở phạm vi quốc gia hoặc cho các khu vực chiến lược đặc thù. Các nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc điểm của một đô thị đặc biệt như Hà Nội vẫn còn hạn chế, đặc biệt là các tiêu chí phản ánh sự gắn kết giữa phát triển kinh tế đô thị, quản trị đô thị hiện đại và yêu cầu bảo đảm QP, AN trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ những khoảng trống nghiên cứu nêu trên cho thấy, việc nghiên cứu phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của thành phố Hà Nội dưới góc độ

kinh tế chính trị học có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây, luận án tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau:

Một là, làm rõ cơ sở lý luận của phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Hai là, phân tích và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của thành phố Hà Nội trong thời gian qua, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và các mâu thuẫn, thách thức đang đặt ra.

Ba là, xác định các nhân tố ảnh hưởng và những yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh mới.

Bốn là, đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của thành phố Hà Nội trong giai đoạn tới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

2.1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

2.1.1. Khái niệm và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

- Khái niệm phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là một nội dung cơ bản trong Kinh tế chính trị học, kinh tế học và kinh tế phát triển... Tùy theo góc tiếp cận ở mỗi chuyên ngành mà khái niệm phát triển kinh tế có thể được diễn đạt khác nhau. Nhìn chung, “Phát triển kinh tế là một quá trình đa chiều bao gồm những thay đổi lớn về cấu trúc xã hội, thái độ của người dân và các thể chế quốc gia, cũng như việc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, giảm bất bình đẳng và xóa đói giảm nghèo” [144]. Khi nói về tăng trưởng kinh tế, có tác giả còn nhấn mạnh vai trò của tăng trưởng GDP, năng suất lao động và mức sống như những chỉ số then chốt để đánh giá hiệu quả kinh tế và sự phát triển của một quốc gia [141].

Kinh tế chính trị Mác - Lênin quan tâm đến khái niệm phát triển kinh tế theo nghĩa rộng và coi đó là một phần cốt lõi trong lý luận của mình. Phát triển kinh tế là quan điểm được thể hiện xuyên suốt trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt ở các khía cạnh về sản xuất, tái sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và phương thức sản xuất. C. Mác đã thể hiện tập trung nhất quan điểm này trong “*Góp phần phê phán kinh tế chính trị*” (1859) và bộ “*Tư bản*” (1867). Trong *Lời tựa* “*Góp phần phê phán kinh tế chính trị*” (1859), ông đã trình bày luận điểm nổi tiếng về quan

hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đây chính là nền tảng cho lý luận phát triển kinh tế - xã hội. Bộ "*Tư bản*" là tác phẩm trung tâm của Mác, trong đó phân tích cơ chế vận động của sản xuất tư bản chủ nghĩa, tích lũy tư bản, tái sản xuất mở rộng và khủng hoảng kinh tế, từ đó thể hiện quan niệm phát triển kinh tế như một quá trình có tính quy luật, gắn liền với mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất [60, tr 14-16]. Theo Mác, phát triển kinh tế là sự phát triển của phương thức sản xuất, gắn với biến đổi lịch sử xã hội. Đó là sự vận động và thay thế lẫn nhau của các phương thức sản xuất, mà động lực tăng cường phát triển chính là mối quan hệ biện chứng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Mục tiêu của phát triển là giải phóng con người, phát triển toàn diện con người. Nguyên nhân của tăng trưởng kinh tế không chỉ từ tác động của các nguồn lực sản xuất (bao gồm con người (ngày nay thường gọi là nhân lực) và tư liệu sản xuất [60, tr 266-267, 271] mà còn từ sự thay đổi cấu trúc trong nền kinh tế (như sự thay đổi quy mô tương đối và tỷ lệ của hai yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất và sự thay đổi cấu trúc của nền kinh tế, sự biến đổi của kết cấu tư bản và sự phân bổ tư bản vào các khu vực sản xuất của nền kinh tế cũng làm thay đổi quy mô sản lượng) [60, tr 863-865], [58, tr 908-909]. V.I. Lênin nhấn mạnh vai trò của tăng năng suất lao động đối với phát triển kinh tế, xem đó là thước đo quyết định sức mạnh kinh tế, chính trị của chế độ mới sau cách mạng. Theo ông, sự thắng lợi của CNXH không thể chỉ dựa trên lòng nhiệt tình cách mạng, mà phải dựa vào hiệu quả kinh tế cụ thể, đặc biệt là năng suất của người lao động. Chủ nghĩa xã hội chỉ thắng lợi khi nào mà nó thực hiện được việc nâng cao năng suất lao động, khi nào mà nó làm cho năng suất lao động cao hơn năng suất lao động của CNTB [52, tr 204, 217, 238-239]. “Không có kỹ thuật đại tư bản chủ nghĩa được xây dựng trên những phát minh mới nhất của KH hiện đại, không có một tổ chức nhà nước có kế hoạch khiến

cho hàng chục triệu người phải tuân theo hết sức nghiêm ngặt một tiêu chuẩn thống nhất trong công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến CNXH được" [53, tr 253]. Quan niệm này phản ánh cách tiếp cận thực tiễn, duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin về phát triển kinh tế.

Ngày nay, các tiếp cận về phát triển kinh tế của kinh tế học hiện đại còn chú ý đến tính bền vững và nhân văn. Coi đó là quá trình vừa tạo ra tăng trưởng kinh tế, vừa nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, bảo vệ môi trường, giảm bất bình đẳng và đảm bảo sự phát triển lâu dài, hài hòa giữa các mặt kinh tế, xã hội và môi trường (Liên Hiệp quốc và UNDP). Nó bao gồm các chỉ số như: Chỉ số phát triển con người (HDI), bình đẳng giới, khả năng chống chịu trước khủng hoảng (resilience) và nhấn mạnh “không để ai bị bỏ lại phía sau”(leave no one behind). Khởi đầu của quan niệm này được thể hiện trong *Những nguyên lý tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền* (1936) của J. M. Keynes với tư tưởng coi trọng vai trò của tổng cầu (AD) đối với tăng trưởng của nền kinh tế và ủng hộ mạnh mẽ sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường để đối phó với cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và tăng cường tăng trưởng [51]. Trong *Kinh tế học*, Samuelson & Nordhaus” coi phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng sản lượng bình quân đầu người đi kèm với những thay đổi cơ cấu kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao phúc lợi và chất lượng cuộc sống của dân cư” [141, tr 12] Trong *Economic Development* (2015), Todaro và Smith nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế là quá trình nâng cao bền vững mức sống của người dân, bao gồm thu nhập, chất lượng sức khỏe, giáo dục và mở rộng các lựa chọn kinh tế - xã hội cho con người” [144]. Gần đây, còn có quan niệm cho rằng, phát triển kinh tế là quá trình chính trị, trong đó nhà nước xây dựng năng lực, thiết lập luật chơi và định hướng chiến lược để biến tiềm năng quốc gia thành hiện thực

[112]; “Phát triển là một dự án chính trị: Nhà nước huy động, định hình và kiểm soát các quá trình kinh tế nhằm củng cố tính chính danh và năng lực cầm quyền.” [109]; “Không thể hiểu phát triển kinh tế mà không phân tích cấu trúc quyền lực, thể chế chính trị và quy tắc phân phối thu nhập trong xã hội.” [103].

Nhìn chung, Kinh tế chính trị coi phát triển kinh tế không chỉ dựa trên tiếp cận tăng trưởng, năng suất, hiệu quả (của kinh tế học truyền thống), và xem xét toàn diện về kinh tế, xã hội và môi trường (như lý luận về phát triển bền vững của kinh tế học hiện đại), mà chủ yếu tiếp cận trên quan hệ quyền lực, thể chế và phân phối, với QP, AN và lợi ích quốc gia trong đó chủ thể phát triển kinh tế gắn với nhà nước. Các yếu tố cơ bản nhất cấu thành phát triển kinh tế không chỉ bao gồm tăng trưởng kinh tế, mà còn là sự thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và nâng cao mức sống, chất lượng cuộc sống của người dân trong một quốc gia. Phát triển kinh tế còn nhấn mạnh tính thể chế. Nó không chỉ coi trọng cơ chế tự điều tiết của thị trường, mà còn đề cao vai trò quản lý của nhà nước, trong đó có chính sách công, hệ thống quyền lực, quan hệ lợi ích về kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường. Theo những phân tích trên, từ góc độ Kinh tế chính trị học, có thể hiểu: *Phát triển kinh tế là một quá trình lịch sử - xã hội, trong đó các nguồn lực kinh tế được phân bổ và sử dụng thông qua cơ chế thị trường và thể chế chính trị, pháp lý nhất định, nhằm đạt được tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng sống cho con người, đồng thời củng cố nền tảng quyền lực của quốc gia.* Theo khái niệm này phát triển kinh tế có mối quan hệ biện chứng với bảo đảm QP, AN, trong đó có ổn định chính trị, chủ quyền, chiến lược quốc gia. Nếu trước đây, phát triển kinh tế được hiểu chủ yếu chỉ là sự gia tăng về số lượng hay quy mô về kinh tế (phát triển theo chiều rộng), thì ngày nay, người ta còn chú ý nhấn mạnh *phát triển kinh tế*

theo chiều sâu. Phát triển kinh tế theo chiều sâu là cách thức tăng trưởng kinh tế dựa vào tiến bộ KH, CN và đổi mới sáng tạo, vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn, và cải thiện quản trị cùng cơ chế chính sách. Khái niệm phát triển kinh tế theo chiều sâu được hiểu là quá trình tăng trưởng kinh tế dựa trên việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng suất của các yếu tố đầu vào (lao động, vốn, CN), thay vì chỉ mở rộng quy mô sản xuất và khai thác thêm tài nguyên như trong phát triển theo chiều rộng.

Trong bối cảnh mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa, sự cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu hiện nay, đã nổi lên những thách thức AN phi truyền thống (như AN lương thực, AN năng lượng, AN môi trường và biến đổi khí hậu, AN mạng và không gian mạng, AN y tế và dịch bệnh, AN xã hội). Những thách thức này là mối đe dọa đến AN quốc gia và khu vực. Tuy không mang tính quân sự vũ trang trực tiếp, nhưng chúng có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế, xã hội, chính trị và môi trường sống của con người. Những thách thức này đa dạng, phức tạp, xuyên quốc gia và khó kiểm soát, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu hiện nay. Bởi vậy, việc *nhận thức khái niệm phát triển kinh tế trong bối cảnh ngày nay không chỉ coi trọng chất và lượng, mà còn là sự phát triển kinh tế bền vững. Phát triển kinh tế bền vững là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững: KT-XH - Môi trường và là một khái niệm trung tâm trong lý luận và thực tiễn phát triển hiện đại. Phát triển bền vững là quá trình phát triển kinh tế đảm bảo sự tăng trưởng ổn định trong dài hạn, nhưng không đánh đổi môi trường, xã hội và nguồn lực cho tương lai. Đó chính là sự tăng trưởng kinh tế đi đôi với: Bảo vệ môi trường sinh thái, công bằng xã hội, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên, và đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ*

tương lai. Đây không chỉ là mục tiêu phát triển mà còn là cam kết đạo đức với các thế hệ tương lai.

Với phân tích trên, trong đề tài luận án, tác giả không chỉ sử dụng khái niệm phát triển kinh tế, mà còn đặt sự chú ý vào phát triển kinh tế theo chiều sâu và gắn với tính bền vững trong quá trình phát triển của nó.

- Khái niệm quốc phòng và an ninh

Quốc phòng và AN là hai thuật ngữ dùng để chỉ hoạt động trong mỗi lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội. Việc nhận thức thuộc tính bản chất của mỗi thuật ngữ này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược, và sự gia tăng của các mối đe dọa AN phi truyền thống. Dưới đây là khái quát những quan niệm phổ biến và được chấp nhận rộng rãi hiện nay:

Quốc phòng là một khái niệm được nhận thức rất đa dạng, tùy theo hệ tư tưởng, bối cảnh chính trị, trình độ phát triển và mục tiêu chiến lược của từng quốc gia. Tuy nhiên, trên thế giới, trong nghiên cứu quốc tế hiện đại, có thể khái quát thành một số cách tiếp cận chủ yếu: (1) Theo truyền thống, QP là bảo vệ chủ quyền lãnh thổ bằng sức mạnh quân sự với các học giả người Mỹ như Hans Morgenthau, Kenneth Waltz, John Mearsheimer. (2) Tiếp cận mở rộng (toàn diện), coi QP không chỉ là sức mạnh quân sự, mà còn là sức mạnh tổng hợp của chính trị, kinh tế, xã hội, tinh thần dân tộc, ngoại giao, KH và CN... Quốc phòng được gắn với phát triển bền vững, huy động nguồn lực toàn dân, toàn quốc, toàn lĩnh vực cùng tham gia bảo vệ đất nước, và chú ý nhấn mạnh tính “phòng ngừa” từ sớm, từ xa. (3) Tiếp cận QP gắn với AN con người, nó không chỉ nhằm bảo vệ lãnh thổ quốc gia, mà phải đảm bảo an toàn, nhân phẩm và cơ hội phát triển cho mỗi người. Mục tiêu của khái niệm này nhằm chống lại các đe dọa phi truyền thống như đói nghèo, dịch bệnh, môi trường, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia..., và chú ý gắn QP với AN xã hội, nhân đạo, quyền con người.

Tại Việt Nam, quan niệm về QP được hình thành trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước. Quan niệm này vượt xa phạm vi quân sự thuần túy; nó nhấn mạnh tính toàn dân, toàn diện, tự lực, tự cường, và gắn với sự nghiệp phát triển KT-XH, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. *Quốc phòng Việt Nam là tổng hợp các hoạt động, biện pháp chính trị, kinh tế, văn hóa, KH, kỹ thuật và quân sự nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ XHCN và an toàn của nhân dân trước mọi nguy cơ, hình thức xâm phạm.*

Đặc trưng của QP ở Việt Nam là (1) QP toàn dân là quan điểm xuyên suốt. Đó là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội chứ không phải chỉ của quân đội; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng lực lượng vũ trang và thể trận lòng dân; và toàn dân tham gia vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc cả trong thời bình và chiến tranh. (2) Mang tính chất hòa bình, tự vệ, không chạy đua vũ trang, không liên minh quân sự để chống nước khác và nhấn mạnh bảo vệ từ sớm, từ xa, giữ nước trên nền tảng phát triển đất nước bền vững. (3) Gắn QP với kinh tế và xã hội, QP không tách rời kinh tế, mà là một bộ phận của phát triển bền vững; thực hiện chiến lược kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, nhất là tại các vùng trọng điểm, biên giới, biển đảo; xây dựng các khu kinh tế - QP, phát triển công nghiệp lưỡng dụng. (4) Gắn QP với AN và đối ngoại trong một tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường hợp tác QP quốc tế trên cơ sở độc lập, tự chủ.

Với những tiếp cận trên, trong luận án, tác giả quan niệm QP là hoạt động tổ chức và thực hiện các biện pháp giữ nước của một quốc gia nhằm bảo vệ, ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài bằng sức mạnh tổng hợp của quốc gia, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Có thể tổng quát: *QP là tổng thể các hoạt động nhằm bảo vệ độc*

lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia trước mọi hình thức xâm phạm từ bên ngoài, trong đó lực lượng vũ trang giữ vai trò nòng cốt, và toàn dân, toàn diện là nguyên tắc cơ bản. Ngày nay, QP không chỉ là khả năng quân sự, mà còn là sự sẵn sàng về chính trị, tinh thần, kinh tế, KH, CN và xã hội để bảo vệ lợi ích quốc gia. Nội dung cốt lõi của QP bao gồm xây dựng tiềm lực QP (chính trị, tinh thần, quân sự, kinh tế...); phòng thủ đất nước từ sớm, từ xa; kết hợp kinh tế với QP trong phát triển; và gắn QP với AN và đối ngoại theo quan niệm đặc trưng QP của Việt Nam.

An ninh là khái niệm được tiếp cận ở nhiều phương diện khác nhau, điển hình như: AN tập thể, AN chung, AN con người, AN toàn diện... Quan niệm AN toàn diện là khái niệm được đưa ra dưới thời chính phủ Ohira ở Nhật Bản vào giữa thập niên 70 của thế kỷ XX để chỉ các mối đe dọa quân sự và phi quân sự đối với sự phát triển của một quốc gia. Để đối phó với những mối đe dọa đó, cần huy động tổng hợp nguồn lực, từ nguồn lực chính trị đến kinh tế, văn hóa, ngoại giao; trong đó, nguồn lực kinh tế được coi là công cụ hữu hiệu, có vai trò quan trọng để đối phó với các vấn đề liên quan đến AN. Quan niệm này được cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á ủng hộ, do đó, được mở rộng từ phạm vi AN quốc gia đến AN khu vực với sự ra đời của Tuyên bố Khu vực hòa bình, tự do và trung lập được ký kết vào ngày 27/11/1971 tại Malaysia. Trong các nghiên cứu ở nước ngoài, khái niệm AN được hiểu theo từng giai đoạn lịch sử, từ AN truyền thống đến AN phi truyền thống và AN con người với các cách tiếp cận nổi bật: (1) *Tiếp cận truyền thống* được thể hiện trong nghiên cứu của những người theo chủ nghĩa hiện thực, đại diện là nhóm các tác giả người Mỹ như Hans Morgenthau, Kenneth Waltz, John Mearsheimer, hay trong của một số quan điểm chiến lược của của Mỹ, Nga, Trung Quốc, nhìn chung là bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. (2) *Tiếp cận mở rộng* đại diện là Barry Buzan, Ole Wæver thuộc trường phái AN Copenhagen, với điểm chung là AN

đa chiều, nó không chỉ là AN quân sự mà còn bao gồm cả AN chính trị, AN kinh tế, AN xã hội, AN môi trường và AN con người.

Ví dụ trong *Báo cáo Phát triển Con người* của UNDP năm 1994, quan niệm AN được dịch chuyển trung tâm từ nhà nước sang con người. An ninh con người bao gồm AN lương thực, AN sức khỏe, AN cá nhân, AN môi trường, AN cộng đồng và AN chính trị. Mục tiêu là bảo vệ con người khỏi đói nghèo, bệnh tật, bạo lực, thảm họa và bất ổn xã hội [154]. Với tiếp cận hậu hiện đại và phản biện như của David Campbell, Ken Booth, Richard Ashley... (Mỹ) lại phê phán quan điểm truyền thống coi nhà nước là trung tâm, để nhấn mạnh vai trò của quyền lực diễn ngôn và các chủ thể bị gạt ra ngoài (phụ nữ, dân tộc thiểu số, người tị nạn...), tính bất định và mang tính chính trị của việc “an ninh hóa” vấn đề [98].

Tại Việt Nam, khái niệm về AN được hình thành trên nền tảng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn với điều kiện thực tiễn, được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản pháp luật với những nội dung cốt lõi: (1) An ninh là đảm bảo sự ổn định vững chắc của chế độ, Nhà nước và nhân dân. An ninh là trạng thái ổn định, phát triển bền vững về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. “An ninh quốc gia là sự vững mạnh, trường tồn của Đảng, sự ổn định, phát triển bền vững về mọi mặt của đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là sự ổn định về chính trị, về biên giới, chủ quyền lãnh thổ và an ninh, an toàn xã hội” [27]. Quan niệm này thể hiện quan điểm toàn diện của Đảng về AN bao gồm các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng và TTATXH toàn xã hội. Bản chất AN gắn liền với sự sống còn của chế độ XHCN, độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ và cuộc sống bình yên của nhân dân. Những nội dung cốt lõi của AN bao gồm: đảm bảo sự ổn định vững chắc của chế độ, Nhà nước và nhân

dân; AN được chia thành nhiều lĩnh vực, trong đó có “AN quốc gia” là trọng tâm; nêu quan niệm mở rộng, lồng ghép với phát triển bền vững và AN phi truyền thống; và xác định vai trò của nhân dân trong bảo vệ AN.

Với những phân tích trên, trong luận án, tác giả quan niệm *AN quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững lợi ích của quốc gia, dân tộc, chế độ xã hội cổ liên quan đến sự đe dọa của các yếu tố quân sự; là việc đảm bảo an toàn, không có hiểm nguy cho cá nhân con người, quốc gia dân tộc và toàn nhân loại trước các mối đe dọa có nguồn gốc phi quân sự như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khan hiếm nguồn lực, dịch bệnh lây lan nhanh, khủng hoảng tài chính, AN mạng, tội phạm nguy hiểm...* An ninh quốc gia chính là tổng thể các hoạt động của đất nước trong công cuộc đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững nền văn hóa và lợi ích quốc gia dân tộc, môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an toàn cho con người trước mọi nguy cơ; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Quan niệm về đảm bảo QP, AN: Tuy có sự khác nhau về nội hàm trong các cách tiếp cận khác nhau, nhưng QP và AN đều là hai thành tố chiến lược, tạo thành nền tảng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia. Việc đảm bảo cho hoạt động của chúng được coi là một nhiệm vụ chiến lược có tính chất thường xuyên, lâu dài của mọi quốc gia nhằm giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ chế độ, nhân dân và lợi ích quốc gia - dân tộc.

Chẳng hạn, theo cách *tiếp cận truyền thống* (trường phái hiện thực - realism), đảm bảo QP, AN chính là tập trung vào bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và chống lại các mối đe dọa quân sự từ bên ngoài. Trong đó, nhà nước là chủ

thể trung tâm. Hans Morgenthau cho rằng AN quốc gia là khả năng sinh tồn của quốc gia trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ. Rằng, trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi không có một quyền lực tối cao để điều tiết hành vi của các quốc gia, mỗi quốc gia phải tự đảm bảo AN và sinh tồn của mình, thường thông qua việc tích lũy và cân bằng quyền lực [130].

Theo cách *tiếp cận mở rộng* (trường phái tự do và kiến tạo), quan niệm bảo đảm AN vượt ra ngoài lĩnh vực quân sự, nó bao gồm các vấn đề như AN kinh tế, AN xã hội, AN môi trường, AN con người... Ví dụ, Barry Buzan và trường phái Copenhagen [93] đã mở rộng phạm vi đảm bảo AN sang 5 lĩnh vực: quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường. Còn với *tiếp cận hiện đại* như của một số nước Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc..., Đảm bảo AN còn thể hiện trong chính sách quốc gia nhằm vừa duy trì năng lực QP mạnh, vừa chú trọng đến bảo đảm AN phi truyền thống.

Những nhận thức nêu trên cho thấy giữa đảm bảo QP và AN có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. *Đảm bảo QP vững mạnh tạo nền tảng cho đảm bảo AN. Đảm bảo AN ổn định góp phần giữ gìn nội bộ, hậu phương vững chắc cho QP. Trong xã hội hiện đại, đảm bảo QP, AN còn được kết hợp chặt chẽ với phát triển quan hệ đối ngoại trong chiến lược tổng thể bảo vệ Tổ quốc.*

Với điều kiện của Việt Nam hiện nay, đảm bảo QP, AN có nội hàm đặc thù, gắn liền với định hướng XHCN và tư duy phát triển bền vững. Đảm bảo QP, AN được quá trình tổ chức và triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, biện pháp của Đảng, Nhà nước và sự tham gia của toàn dân, nhằm: (i) Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; (ii) Bảo vệ chế độ XHCN; (iii) Ngăn chặn, xử lý hiệu quả các nguy cơ đe dọa AN-QP; và (iv) Xây dựng thế trận QP toàn dân và AN nhân dân vững mạnh.

- *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN và khái niệm phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố*

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN. Hiện có các quan niệm khác nhau giữa các nhà nghiên cứu về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với QP, AN. Hannah Galvin (2010) cho rằng chỉ tiêu QP tác động tiêu cực đến cả tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ tiết kiệm và thu nhập; Uk Heo & Min Ye (2016) xem tác động trực tiếp của chỉ tiêu QP đến tăng trưởng kinh tế là không đáng kể... Tiếp cận từ Kinh tế chính trị Mác - Lênin và thực tiễn các nước (như Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước), thì giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN có mối quan hệ biện chứng, vừa thống nhất và vừa mâu thuẫn với nhau.

Tính thống nhất giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN. Xét về mục tiêu, phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN đều hướng đến xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, phục vụ nhân dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giữ vững ổn định chính trị xã hội. Xét về điều kiện tồn tại và phát triển, kinh tế là nền tảng vật chất để xây dựng tiềm lực QP, AN, tăng cường nguồn lực cho bảo vệ Tổ quốc. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin xác định, giữa phát triển kinh tế với QP, AN có mối quan hệ biện chứng, Trong mối quan hệ đó, kinh tế có vai trò quyết định. Ph.Ăngghen cho rằng “Thắng lợi của bạo lực dựa vào việc sản xuất vũ khí, và việc sản xuất vũ khí lại dựa vào sản xuất nói chung, do đó lại - dựa vào “lực lượng kinh tế”, vào “tình hình kinh tế”, và những phương tiện vật chất mà bạo lực chi phối được... “Không có gì lại phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế hơn là chính ngay quân đội và hạm đội. Vũ trang, biên chế, tổ chức, chiến thuật, chiến lược phụ thuộc trước hết vào trình độ sản xuất đạt được trong một thời điểm nhất định và vào phương tiện giao thông” [58, tr. 235]. “Toàn bộ tổ chức và phương thức chiến đấu của quân đội, và do đó, thắng lợi và thất bại, đều tỏ ra là phụ thuộc vào

những điều kiện vật chất, nghĩa là điều kiện kinh tế, vào bản chất của con người và vũ khí, nghĩa là vào chất lượng của dân cư và của kỹ thuật” trong từng thời kỳ lịch sử. phương thức sản xuất và trao đổi trong từng thời kỳ lịch sử.” [58, tr 241]. Trong mỗi quan hệ đó, kinh tế là nguyên nhân nảy sinh nhu cầu QP và AN, đồng thời là nguồn cung cấp các phương tiện vật chất, kỹ thuật quyết định quy mô, chất lượng trang bị vũ khí, tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang, quân đội; quyết định nghệ thuật và khoa học quân sự; quyết định phương thức củng cố và tiến hành QP, AN.

Ngược lại, QP, AN là điều kiện thiết yếu để bảo vệ môi trường hòa bình, an toàn, ổn định, đây là những điều kiện tiên quyết để kinh tế phát triển bền vững. Trong “*Hệ tư tưởng Đức*” (1845-1846), Mác và Ăngghen chỉ ra rằng: “Cơ sở của toàn bộ lịch sử xã hội loài người là sản xuất và tái sản xuất đời sống hiện thực... Nhưng để có thể sản xuất, con người phải được bảo đảm những điều kiện tồn tại nhất định” [57, tr. 33-38]. Trong “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” (1848), các ông viết: “Giai cấp tư sản, để duy trì sự tồn tại của mình, buộc phải bảo đảm điều kiện chung cho toàn xã hội” [57, tr 464-465]. Những điều này hàm ý rằng bảo đảm điều kiện tồn tại an toàn, ổn định (tức môi trường chính trị - xã hội, AN), bảo vệ TTXH và an toàn quốc gia là tiền đề và điều kiện cần thiết cho tái sản xuất, phát triển kinh tế. Sau thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga, V.I.Lênin viết “*Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết*”. Ông yêu cầu, để phát triển sản xuất, phải phục hồi về kinh tế và đây cũng là điều kiện thiết yếu để tăng cường tiềm lực QP của đất nước [52, tr. 204]. Ngược lại, AN là rất cần thiết cho phát triển kinh tế, rằng tình trạng mất AN trong nước có thể gây ra sự tàn phá kinh tế còn to lớn hơn cả sự tàn phá của cuộc chiến tranh với nước ngoài (chống xâm lược) và liên quan đến hàng ngàn, hàng triệu trường hợp dao động và đảo ngũ từ bên này sang bên kia, ngụ ý một trạng thái cực kỳ mơ hồ, thiếu cân bằng và

hỗn loạn [58, tr. 238-239]. Như vậy, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và QP, AN là mối quan hệ biện chứng hai chiều. Nếu kinh tế là nền tảng vật chất của QP và AN, thì ngược lại, QP và AN lại là điều kiện thiết yếu bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an toàn cho phát triển kinh tế. Chỉ trong điều kiện chính quyền vững mạnh, AN được bảo đảm, mới có thể xây dựng và phát triển nền kinh tế XHCN.

Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN *thể hiện*:

Về phân bổ nguồn lực, phát triển kinh tế đòi hỏi tập trung nguồn lực cho tăng trưởng, đầu tư sinh lời; trong khi QP, AN cần nguồn lực dự phòng, đầu tư dài hạn, hiệu quả không đo ngay bằng lợi nhuận.

Về sử dụng không gian và hạ tầng, kinh tế (nhất là đô thị hóa, công nghiệp hóa) có xu hướng mở rộng không gian, sử dụng triệt để tài nguyên đất, biển, không gian mạng...; trong khi đó, QP, AN yêu cầu khu vực phòng thủ, khu vực cấm, không gian chiến lược... được bảo vệ hoặc hạn chế khai thác.

Về tốc độ và tính cấp thiết, kinh tế cần phát triển nhanh, linh hoạt theo cơ chế thị trường; trong khi QP, AN thường yêu cầu chắc chắn, thận trọng và ưu tiên yếu tố an toàn, bảo mật.

Có thể so sánh về tính thống nhất và mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN được tác giả tổng hợp trong bảng 2.1 dưới đây.

Do có mối quan hệ vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn tiềm tàng, nên việc nhận thức đúng và giải quyết tốt mâu thuẫn này sẽ tạo động lực cho sự phát triển của đất nước. Xét trên bình diện lý luận, giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP-AN có mối quan hệ biện chứng. Một mặt, phát triển kinh tế tạo nguồn lực vật chất - kỹ thuật cho xây dựng và củng cố QP, AN. Mặt khác, bảo đảm QP, AN giữ vai trò điều kiện tiên quyết, môi trường ổn định cho phát triển kinh tế. Các nghiên cứu trong nước và quốc tế đều khẳng định mối quan hệ biện chứng, trong đó khi có sự ổn định chính trị - AN nó sẽ tạo ra tiền đề để thu hút đầu tư và tăng cường tăng trưởng kinh tế bền vững.

Bảng 2.1: Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh

Khía cạnh	Tính thống nhất	Mâu thuẫn tiềm tàng
Mục tiêu	Cùng hướng đến mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao đời sống nhân dân	Ưu tiên mục tiêu trước mắt (kinh tế) và lâu dài (QP, AN) có thể khác biệt
Nguồn lực	Kinh tế cung cấp nguồn lực cho QP, AN; QP, AN tạo môi trường ổn định và phát triển kinh tế	Cạnh tranh trong phân bổ ngân sách, nhân lực, đầu tư
Tốc độ và phương thức	Cùng sử dụng CN, nhân lực, quy hoạch tích hợp	Kinh tế cần nhanh và linh hoạt; QP, AN cần thận trọng, ổn định, bảo mật
Tính lâu dài và bền vững	Đảm bảo QP, AN là điều kiện để kinh tế phát triển bền vững	Phát triển nóng có thể làm suy giảm tiềm lực QP, AN nếu thiếu kiểm soát

Khái niệm phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN ở cấp tỉnh. TP:

Trên cơ sở các khái niệm phát triển kinh tế, QP, AN và mối quan hệ biện chứng giữa giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP và AN, có thể hiểu tổng quát: *Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN là quá trình tổ chức và vận hành nền kinh tế của một quốc gia hay một địa phương sao cho vừa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, vừa củng cố tiềm lực QP và AN quốc gia.* Tại Việt Nam, đây là một trong những nguyên tắc cơ bản, được thể hiện xuyên suốt trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng nhất là trong chiến lược phát triển đất nước, và được kế thừa, bổ sung ở các Đại hội sau. Đại hội XIII, nhấn mạnh quan điểm phát triển kinh tế nhanh, bền vững đi đôi với củng cố quốc QP, AN vững mạnh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm QP, AN và đối ngoại trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển, coi đó là yêu cầu xuyên suốt [31, tr.157-161]. Đối với cấp tỉnh/ TP, phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN

chính là quá trình hoạch định, tổ chức và điều hành phát triển KT-XH của địa phương trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, đồng bộ và lâu dài với nhiệm vụ xây dựng tiềm lực, thể trận QP toàn dân và AN nhân dân, thông qua hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách và sự phối hợp giữa các chủ thể liên quan, nhằm vừa thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng sống của nhân dân, vừa giữ vững ổn định chính trị, TTANXH và tăng cường khả năng bảo vệ địa phương và quốc gia trong mọi tình huống. Nội dung của luận án sẽ được nghiên cứu trên cơ sở khái niệm này.

2.1.2. Sự cần thiết phải gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Quan hệ giữa phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN không chỉ là một quan hệ biện chứng tất yếu, khách quan, mà còn là cần thiết, không thể tách rời. Nó được bắt nguồn từ:

Thứ nhất, đòi hỏi từ sự nghiệp phát triển đất nước. Muốn phát triển đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng đòi hỏi phải có nền kinh tế mạnh đi đôi với tiềm lực QP, AN vững chắc. Những thách thức như cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, AN mạng, dịch bệnh... cho thấy kinh tế và AN là hai mặt gắn bó mật thiết không thể tách rời để chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Báo cáo phát triển của Ngân hàng thế giới 2023 nêu cảnh báo trong bất kỳ thời điểm nào có bất kỳ yêu cầu nào, nếu không xây dựng một cơ sở hạ tầng vào chiến lược phát triển kinh tế thì nền kinh tế sẽ dễ bị tổn thương. “Các quốc gia lồng ghép các cân nhắc về AN vào chiến lược phát triển của mình sẽ đạt được sự ổn định kinh tế và gắn kết xã hội cao hơn.” [150, tr. 23]. Cơ quan trực thuộc Đại Hội đồng Liên hợp quốc (UNDP) nêu cách tiếp cận một cơ sở tổng hợp truyền tải AN phi truyền thống vào cơ sở hạ tầng phát triển bền vững. “Khả năng phục hồi kinh tế và AN con người được tăng

cường lẫn nhau; phát triển bền vững đòi hỏi quản trị AN chủ động tích hợp với kế hoạch kinh tế.” [156].

Thứ hai, đảm bảo sự ổn định chính trị và xã hội. Đảm bảo sự ổn định chính trị và xã hội là giữ vững trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích quốc gia. Đây là yêu cầu tất yếu để phát triển bền vững đất nước. Ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đảm bảo QP, AN là tiền đề cho sự ổn định chính trị và xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển KH và CN. Một quốc gia có nền kinh tế phát triển nhưng không giữ vững AN, trật tự thì thành quả kinh tế cũng rất dễ bị phá hoại. Bởi vậy, việc giữ vững trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích quốc gia đòi hỏi phải gắn kết giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN.

Theo J.M Keynes, thất nghiệp và bất ổn đầu tư là nguyên nhân gốc rễ của suy thoái kinh tế và bất ổn xã hội. Vì vậy, ổn định thị trường lao động và đầu tư thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ là nhiệm vụ cốt lõi của nhà nước hiện đại [51, Chương 24]. Sự ổn định chính trị và xã hội là nội hàm cơ bản của AN quốc gia. An ninh liên quan đến khả năng của một quốc gia trong việc duy trì trật tự nội bộ và ổn định chính trị dưới áp lực bên trong và bên ngoài.” [95, tr. 22]. Ngân hàng Thế giới (WB) nhấn mạnh ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết để bất kỳ chiến lược phát triển nào có thể thực hiện thành công. “Không có ổn định chính trị thì không có chiến lược phát triển kinh tế xã hội dài hạn nào có thể thành công” [150, tr. 23]. UNDP, coi “Sự ổn định chính trị và sự gắn kết xã hội là những yếu tố quan trọng giúp tăng trưởng kinh tế bền vững và AN con người.” [157, tr. 57].

Thứ ba, chủ động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Việc chủ động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia là yêu cầu sống còn. Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN là điều kiện cần thiết vì: Nếu kinh tế phát triển

mà QP, AN yếu kém, sẽ dễ bị các thế lực bên ngoài lấn chiếm, can thiệp, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Các khu vực giàu tài nguyên, đặc biệt là vùng biên giới, biển đảo, thường xuyên đối mặt với nguy cơ xung đột nếu thiếu sự kiểm soát và bảo vệ hiệu quả. Phát triển kinh tế ở địa bàn chiến lược (biên giới, biển đảo) là hình thức “thế trận QP nhân dân tại chỗ” và “thế trận AN nhân dân” vừa tăng cường lực lượng tự vệ, vừa khẳng định chủ quyền quốc gia một cách hòa bình và hiệu quả. Như vậy, nếu chỉ phát triển kinh tế mà lơ là QP, AN, nguy cơ tranh chấp chủ quyền, tài nguyên sẽ gia tăng. Vì thế, mọi chiến lược phát triển quốc gia đều phải gắn liền với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và AN quốc gia. Theo WB (2023): “Các khu vực giàu tài nguyên không có cơ chế quản lý và AN đầy đủ sẽ dễ xảy ra tranh chấp và can thiệp từ bên ngoài.” Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam coi gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN là một quan điểm chiến lược trong quá trình phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 [31, tr 16-17].

Thứ tư, gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN là điều kiện cần thiết để tối ưu hóa nguồn lực quốc gia. Do nguồn lực quốc gia (tài nguyên thiên nhiên, tài chính, nhân lực, KH và CN...) luôn có giới hạn và có xu hướng ngày càng khan hiếm, nên cần được phân bổ hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế và củng cố QP, AN. Nếu phát triển kinh tế mà không tính đến yêu cầu QP, AN, sẽ dẫn tới sự lãng phí, mất cân đối nguồn lực, thậm chí gây tổn thất nặng nề khi xảy ra bất ổn. Quốc phòng - AN vững mạnh không chỉ bảo vệ thành quả phát triển mà còn mở rộng không gian kinh tế, thu hút đầu tư, tạo điều kiện sinh lời cho nguồn lực quốc gia. Do đó, kết hợp chặt chẽ kinh tế với QP, AN là cách để khai thác, phân bổ, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực cho cả trước mắt và lâu dài. Theo UNDP, “Các khuôn khổ quản trị tích hợp liên kết phát triển với AN đạt được kết quả huy

động nguồn lực và khả năng phục hồi tốt hơn” [155, tr. 49]. Đảng ta yêu cầu: “Kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN nhằm huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực quốc gia cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.” [31, tr. 141].

Thứ năm, bài học từ thực tiễn cho thấy không thể không gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN. Trên thế giới, một trong những nguyên nhân thành công trong phát triển kinh tế của Mỹ, Trung Quốc, Israel là dựa vào chính sách có quan tâm đến sự kết hợp này. Việt Nam trong gần 40 năm Đổi mới đã chứng minh vai trò quyết định của việc gắn phát triển kinh tế với bảo vệ vững chắc QP, AN.

Tóm lại, kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN không chỉ đảm bảo ổn định xã hội mà còn giúp tối ưu hóa chi tiêu công, huy động vốn đầu tư hiệu quả, phát triển hệ thống hạ tầng đa dụng (phục vụ cả dân sự và QP). Đây là cách thông minh để vừa phát triển mạnh mẽ, vừa phòng thủ vững chắc bằng cùng một hệ thống nguồn lực. Đảng Cộng sản Việt Nam coi QP và AN không tách rời phát triển kinh tế; phải xây dựng thế trận QP, AN toàn dân, phát huy vai trò của nhân dân; tăng cường tiềm lực QP, AN trong hòa bình, không đợi đến khi có xung đột. yêu cầu xây dựng nền QP toàn dân gắn với thế trận AN nhân dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ quốc phòng với AN, đối ngoại và kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển [31, tr 108], [32, tr 324, 233]. Yêu cầu này còn là cấp thiết đối với cấp tỉnh, TP trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Sự phát triển không cân đối giữa các vùng, tình trạng đô thị hóa nhanh và những thách thức AN phi truyền thống đặt ra đòi hỏi cấp địa phương phải lồng ghép phát triển kinh tế với QP, AN ngay trong các chiến lược và quy hoạch phát triển KT-XH. Đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, liên tục và sáng tạo, phù hợp với điều kiện mới của đất nước và bối cảnh quốc tế.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

2.2.1. Các mô hình lý thuyết và nội dung gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh

2.2.1.1. Các mô hình lý thuyết tiếp cận để gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên thế giới

Để làm rõ căn cứ xác định nội dung gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN, việc nghiên cứu các tiếp cận mô hình lý thuyết có liên quan của các nước là cần thiết. Đây là nền tảng quan trọng để so sánh, vận dụng trong điều kiện Việt Nam, đặc biệt là ở cấp tỉnh, TP như Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết mối quan hệ gắn kết giữa phát triển kinh tế với QP, AN, đến nay trên thế giới đã có ba cách tiếp cận mô hình lý thuyết, gồm: tiếp cận AN - phát triển, kinh tế lưỡng dụng, và phát triển vùng chiến lược. Dưới đây là những nội dung cốt lõi về đặc trưng của mỗi mô hình:

(1) Mô hình AN - phát triển (Security-Development Nexus). Đây là mô hình xem phát triển và AN như hai mặt của một tiền trình, có quan hệ nhân - quả. Các chiến lược phát triển quốc gia cần đồng thời giảm nghèo, thu hẹp bất bình đẳng, nâng cao phúc lợi xã hội và củng cố ổn định chính trị - AN. Nghiên cứu về mô hình này, Mark Duffield (Giáo sư Kinh tế chính trị học người Anh) đã khám phá những hậu quả của sự hợp nhất ngày càng gia tăng giữa phát triển và AN, đồng thời chỉ ra bản chất của các cuộc chiến tranh mới và phản ứng của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các hệ thống quản trị toàn cầu mới đang nổi lên do hậu quả của chúng [105]. Nội dung của mô hình nhấn mạnh sự gắn bó mật thiết giữa phát triển kinh tế và bảo đảm AN. Không có AN thì không thể có phát triển, và ngược lại, thiếu phát triển kinh tế - xã hội bền vững sẽ làm suy yếu nền AN quốc gia. Mô hình này đã được các tổ chức

quốc tế như Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới, Liên minh châu Âu coi trọng ứng dụng trong các chiến lược hỗ trợ các nước đang phát triển, đặc biệt ở châu Phi và Mỹ Latinh.

(2) *Mô hình kinh tế lưỡng dụng (Dual-use Economy)*. Mục tiêu nhằm khai thác tính lưỡng dụng của hạ tầng, CN và các nguồn lực khác theo hướng sản phẩm, CN có thể đồng thời phục vụ cả mục tiêu dân sự (kinh tế) và mục tiêu QP, AN. Đặc trưng của mô hình là đầu tư một lần, khai thác hai mục tiêu (ví dụ: đường cao tốc dùng cho vận tải dân sự nhưng cũng là tuyến cơ động quân sự). Khuyến khích phát triển công nghiệp quốc phòng gắn với công nghiệp dân sự (ví dụ: CN vũ trụ, viễn thông, AI, năng lượng).

Mô hình này đã được nhóm nghiên cứu Ann Markusen và Susan S. Costigan là những nhà nghiên cứu trong các dự án, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, chính sách văn hóa và công nghiệp sáng tạo ở Mỹ. Trong cuốn *Trang bị vũ khí cho tương lai: Ngành công nghiệp quốc phòng cho thế kỷ 21* (1999) [124], Trong đó, nhóm tác giả đã xem xét bản chất đang phát triển của ngành công nghiệp QP trong thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh. Phân tích những thách thức và cơ hội mà các công ty QP phải đối mặt khi họ thích ứng với việc cắt giảm chi tiêu quân sự và những thay đổi trong các ưu tiên AN; khám phá tiềm năng đa dạng hóa, vai trò của CN và tác động đến nền kinh tế địa phương, từ đó ủng hộ một nền tảng công nghiệp quốc phòng bền vững và đa dạng hơn.

Mô hình kinh tế lưỡng dụng đã được phát triển ở các quốc gia như Hoa Kỳ, Israel, Hàn Quốc, và Trung Quốc. Ở Việt Nam, các dự án giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật ngày càng được định hướng lưỡng dụng.

(3) *Mô hình phát triển vùng chiến lược (Strategic Regional Development)*. Tiếp cận này coi một số vùng lãnh thổ là “chiến lược” vừa về kinh tế vừa về QP, AN, do có vị trí địa kinh tế và địa chính trị đặc biệt quan trọng (ví dụ: biên giới, hải đảo, hành lang kinh tế). Đặc trưng của mô hình tập

trung các nguồn lực vào phát triển các khu vực nhạy cảm về AN (biên giới, biển đảo, cao nguyên, cực Nam, cực Bắc). Kết hợp quy hoạch phát triển hạ tầng, đô thị, khu công nghiệp, gắn chặt với bố trí lực lượng QP, AN. Một số quốc gia như Trung Quốc với chính sách phát triển Tân Cương và Tây Tạng; Nga với vùng Viễn Đông; Mỹ với Alaska và Hawaii, và Việt Nam với chiến lược phát triển KT-XH gắn với củng cố QP, AN tại Tây Nguyên, Tây Bắc, Trường Sa, Hoàng Sa. Có thể tham khảo mô hình này trong cuốn *Lợi thế cạnh tranh của các quốc gia* (1990) của Michael Eugene Porter (nhà tư tưởng chiến lược nổi tiếng và là chuyên gia hàng đầu về chiến lược và chính sách cạnh tranh quốc gia), áp dụng lý thuyết vùng chiến lược cho phát triển kinh tế, sau này được vận dụng trong nghiên cứu AN [138].

Thực tiễn cho thấy, nếu mô hình AN - phát triển nhấn mạnh vai trò AN như điều kiện cho tăng trưởng bền vững, mô hình kinh tế lưỡng dụng tận dụng các nguồn lực tối ưu, phù hợp với định hướng CNH, HĐH, thì mô hình phát triển vùng chiến lược giúp xây dựng thế trận QP, AN gắn với không gian phát triển lãnh thổ.

2.2.1.2. Nội dung gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh cấp tỉnh, thành phố

Về phương diện kinh tế chính trị học, việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng kinh tế và kiến trúc thượng tầng của xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, cơ sở hạ tầng kinh tế giữ vai trò nền tảng, quyết định sự hình thành và vận động của kiến trúc thượng tầng, trong đó có nhà nước, hệ thống pháp luật và các thiết chế bảo vệ xã hội, bao gồm QP và AN. Trong khi đó, kiến trúc thượng tầng với chức năng bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia lại tác động trở lại, tạo môi trường chính trị – xã hội ổn định cho sự phát triển của nền kinh tế.

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay, mối quan hệ này được thể hiện cụ thể trong việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực QP, củng cố thể trận AN nhân dân và bảo đảm ổn định chính trị – xã hội. Đối với cấp tỉnh, TP, nơi trực tiếp tổ chức các hoạt động phát triển KT-XH trên địa bàn, việc thực hiện sự gắn kết này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa bảo đảm khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển, vừa góp phần xây dựng khu vực phòng thủ địa phương vững chắc.

Trên cơ sở đó, nội dung gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, TP có thể khái quát ở các phương diện chủ yếu sau:

(1) Gắn phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực và thể trận QP, AN

Một trong những nội dung quan trọng của việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN là kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực và thể trận QP toàn dân, AN nhân dân trên địa bàn. Tiềm lực QP và AN của địa phương bao gồm nhiều yếu tố như tiềm lực kinh tế, tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực KH, CN và tiềm lực quân sự, trong đó tiềm lực kinh tế giữ vai trò nền tảng.

Phát triển kinh tế địa phương tạo điều kiện quan trọng để tăng cường nguồn lực cho xây dựng QP và AN, thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng nguồn thu ngân sách, phát triển KH, CN và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, quá trình quy hoạch và phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế cần được gắn với yêu cầu xây dựng thể trận QP và AN phù hợp với đặc điểm địa lý, kinh tế và xã hội của từng địa phương.

Ở cấp tỉnh, TP, việc gắn kết này thể hiện trong quá trình xây dựng quy hoạch phát triển KT-XH phải đồng thời tính đến yêu cầu bố trí thể trận QP, AN; phát triển các khu vực kinh tế trọng điểm gắn với bảo đảm AN chính trị và TTATXH; cũng như phát huy vai trò của lực lượng vũ trang địa phương

trong tham gia phát triển KT-XH, nhất là tại các địa bàn có vị trí chiến lược hoặc còn nhiều khó khăn.

(2) Gắn phát triển kinh tế với bảo đảm AN kinh tế và ổn định xã hội

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm AN kinh tế và ổn định xã hội ngày càng trở thành yêu cầu quan trọng đối với các địa phương. An ninh kinh tế được hiểu là trạng thái ổn định, an toàn và bền vững của nền kinh tế trước các nguy cơ gây mất ổn định từ bên trong và bên ngoài, bao gồm các rủi ro liên quan đến đầu tư, thị trường, tài chính, chuỗi cung ứng và CN.

Đối với cấp tỉnh, thành phố, việc bảo đảm AN kinh tế đòi hỏi phải có cơ chế quản lý và kiểm soát phù hợp đối với các hoạt động đầu tư, đặc biệt là các dự án có yếu tố nước ngoài hoặc liên quan đến các lĩnh vực nhạy cảm về QP, AN. Đồng thời, cần chú trọng phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội như việc làm, thu nhập, an sinh xã hội và quản lý đô thị, nhằm hạn chế các nguy cơ phát sinh bất ổn xã hội trong quá trình phát triển.

Sự ổn định về chính trị – xã hội không chỉ là điều kiện quan trọng để duy trì môi trường đầu tư và phát triển kinh tế bền vững, mà còn góp phần củng cố thể trận AN nhân dân, tăng cường niềm tin của người dân đối với hệ thống chính trị và chính quyền địa phương.

(3) Gắn phát triển kinh tế với phát triển kết cấu hạ tầng lưỡng dụng

Kết cấu hạ tầng KT-XH là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và đồng thời có ý nghĩa chiến lược đối với việc bảo đảm QP, AN. Trong nhiều trường hợp, các công trình hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông, cảng biển, sân bay, thông tin – viễn thông, năng lượng hoặc các công trình đô thị hiện đại đều có thể được sử dụng theo mục đích lưỡng dụng, phục vụ cả phát triển KT-XH và nhiệm vụ QP, AN.

Vì vậy, trong quá trình quy hoạch và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các địa phương cần gắn chặt mục tiêu phát triển kinh tế với yêu cầu bảo đảm QP, AN. Việc phát triển hệ thống giao thông chiến lược, các tuyến đường vành đai, các trung tâm logistics, hệ thống thông tin – dữ liệu hay hạ tầng số không chỉ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn góp phần quan trọng vào việc nâng cao khả năng cơ động, triển khai lực lượng và bảo đảm AN trong các tình huống cần thiết.

Đối với các đô thị lớn, việc phát triển kết cấu hạ tầng lưỡng dụng còn có ý nghĩa trong việc nâng cao khả năng quản trị đô thị, ứng phó với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, thảm họa hoặc các nguy cơ AN phi truyền thống.

(4) Gắn phát triển kinh tế với xây dựng khu vực phòng thủ địa phương

Khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố là một bộ phận quan trọng trong thế trận QP toàn dân và thế trận AN nhân dân của cả nước. Việc xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự mà còn phụ thuộc nhiều vào tiềm lực kinh tế, khả năng tổ chức và huy động các nguồn lực của địa phương. Trong điều kiện đó, phát triển kinh tế địa phương phải gắn liền với yêu cầu xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ. Điều này thể hiện ở việc phát triển các ngành kinh tế phù hợp với đặc điểm địa lý và vị trí chiến lược của địa phương; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và hậu cần phục vụ cả phát triển kinh tế và QP; cũng như nâng cao khả năng huy động các nguồn lực KT-XH cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc khi cần thiết.

Đồng thời, việc phát triển kinh tế gắn với xây dựng khu vực phòng thủ địa phương còn thể hiện ở việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang và các chủ thể kinh tế trong quá trình quy hoạch và triển khai các chương trình, dự án phát triển KT-XH trên địa bàn.

Như vậy, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố là một quá trình tổng hợp, trong đó các hoạt động phát triển kinh tế phải được tổ chức và quản lý theo hướng vừa thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao đời sống nhân dân, vừa góp phần củng cố tiềm lực và thể trận QP, AN trên địa bàn. Sự gắn kết này không chỉ phản ánh yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, mà còn là điều kiện quan trọng để địa phương phát triển nhanh và bền vững.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá kết quả gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, thành phố

Từ những nội dung trên có thể khái quát các tiêu chí cơ bản để nhận diện mức độ gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố gồm: *Thứ nhất*, mức độ đóng góp của phát triển kinh tế đối với việc tăng cường tiềm lực và củng cố thể trận QP, AN trên địa bàn; *thứ hai*, khả năng bảo đảm AN kinh tế và duy trì ổn định chính trị xã hội trong quá trình phát triển; *thứ ba*, mức độ lồng ghép yêu cầu QP, AN trong quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng lưỡng dụng; và *thứ tư*, hiệu quả kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ địa phương. Các tiêu chí này là cơ sở quan trọng để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của các địa phương. Dưới đây là một số tiêu chí cụ thể:

(1) Tiêu chí về kết quả phát triển kinh tế gắn với ổn định và AN.

Tiêu chí này phản ánh nền tảng kinh tế cho việc bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố. Nội dung của tiêu chí được thể hiện ở mức độ đạt được tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, nâng cao chất lượng tăng trưởng và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đồng thời, sự phát triển kinh tế phải đi đôi với ổn định KT-XH, hạn chế các nguy cơ mất AN kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, qua đó tạo nền tảng vững

chắc cho việc xây dựng và củng cố QP, AN của địa phương.

Các thước đo chủ yếu của tiêu chí này là tốc độ tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, quy mô và năng lực nội sinh của nền kinh tế địa phương; đo lường về chất lượng tăng trưởng và cơ cấu kinh tế (gồm chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng hiện đại, bền vững; tỷ trọng các ngành, lĩnh vực then chốt liên quan đến an ninh kinh tế; năng suất lao động xã hội); mức độ ổn định KT-XH (việc làm, thu nhập và mức sống của dân cư; tỷ lệ hộ nghèo, mức độ bảo đảm an sinh xã hội; khả năng kiểm soát các bất ổn KT-XH phát sinh trong quá trình phát triển); đo về mức độ bảo đảm AN kinh tế (như khả năng tự chủ, chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc; mức độ an toàn của các lĩnh vực kinh tế trọng yếu; và sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội).

(2) Tiêu chí về thể chế, cơ chế, chính sách kết hợp kinh tế - QP - AN.

Tiêu chí này phản ánh mức độ hoàn thiện và hiệu lực của hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách ở cấp tỉnh, thành phố trong việc lồng ghép, điều phối và tổ chức thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN, bảo đảm phát triển thống nhất, đồng bộ và bền vững.

Tiêu chí này được đo lường thông qua mức độ hoàn thiện thể chế, hiệu quả cơ chế phối hợp và hiệu lực thực thi các chính sách kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương. Các thước đo chủ yếu gồm: mức độ hoàn thiện thể chế (sự đầy đủ, đồng bộ của các văn bản quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế gắn với QP, AN; mức độ thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào chính sách địa phương; thước đo về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kinh tế với lực lượng QP, AN, sự phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng trong tổ chức thực hiện; đo lường hiệu lực, hiệu quả chính sách (khả năng đưa chính sách vào thực tiễn; mức độ phù hợp của chính sách với đặc điểm kinh tế - xã hội và

yêu cầu quốc phòng, an ninh của địa phương); và đo lường tính ổn định và linh hoạt của chính sách.

(3) Tiêu chí về xây dựng tiềm lực và thể trận QP, AN.

Tiêu chí này phản ánh mức độ gắn kết giữa phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực và thể trận QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố, bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với củng cố khả năng phòng thủ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và chủ động ứng phó với các tình huống an ninh, quốc phòng.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua mức độ xây dựng tiềm lực, thể trận QP, AN và khả năng huy động, ứng phó trước các tình huống bảo vệ địa phương trong quá trình phát triển kinh tế. Cụ thể gồm: đo lường tiềm lực QP, AN (như mức độ đầu tư cho QP, AN gắn với phát triển kinh tế; khả năng huy động nguồn lực kinh tế cho nhiệm vụ QP, AN khi cần thiết; đo lường về xây dựng thể trận (việc kết hợp phát triển kinh tế với xây dựng khu vực phòng thủ, thể trận QP toàn dân và AN nhân dân; mức độ lồng ghép yêu cầu QP, AN trong quy hoạch không gian KT-XH); đo về khả năng sẵn sàng, ứng phó (như năng lực dự báo, phòng ngừa và xử lý các tình huống AN, QP; khả năng chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến hoặc tình huống khẩn cấp); đo về sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân (vai trò của chính quyền, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân trong xây dựng thể trận; mức độ xã hội hóa trong xây dựng tiềm lực QP, AN).

(4) Tiêu chí về phát triển kết cấu hạ tầng lưỡng dụng.

Tiêu chí này phản ánh mức độ kết hợp giữa phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH với yêu cầu QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố. Kết cấu hạ tầng lưỡng dụng vừa phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh, vừa có khả năng chuyển đổi, khai thác phục vụ nhiệm vụ QP, AN khi cần thiết. Việc đánh giá tập trung vào mức độ lồng ghép yêu cầu QP, AN trong quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý hạ tầng. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tăng cường thể trận phòng

thủ địa phương.

(5) Tiêu chí về nguồn nhân lực và giáo dục QP, AN.

Tiêu chí này phản ánh mức độ gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực phục vụ tăng trưởng kinh tế với yêu cầu xây dựng tiềm lực QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố. Nội dung đánh giá tập trung vào chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các ngành, lĩnh vực trọng yếu. Đồng thời xem xét hiệu quả công tác giáo dục QP, AN trong hệ thống giáo dục và toàn xã hội. Qua đó, bảo đảm nguồn nhân lực vừa đáp ứng yêu cầu phát triển, vừa sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ QP, AN.

(6) Tiêu chí về bảo đảm AN kinh tế và TTANXH.

Tiêu chí này phản ánh mức độ bảo đảm môi trường ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế gắn với giữ vững QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố. Nội dung đánh giá tập trung vào khả năng phòng ngừa, kiểm soát các rủi ro về an ninh kinh tế, tài chính, đầu tư, thị trường và các hành vi xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Đồng thời, xem xét hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng trong bảo đảm AN chính trị, TTATXH gắn với phát triển. Qua đó tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế bền vững.

2.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, thành phố

Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, TP chịu sự tác động của nhiều nhân tố theo hình thức tác động gồm khách quan và chủ quan. Nhóm nhân tố khách quan chủ yếu gắn với điều kiện địa lý, vị trí chiến lược, bối cảnh kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế; trong khi các nhân tố chủ quan liên quan đến năng lực lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương, cũng như việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển. Sự tác động đồng thời của các nhân tố này tạo nên những điều

kiện và khả năng khác nhau trong việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở mỗi địa phương. Trong luận án, tác giả tập trung chú ý vào phân tích theo nội dung tác động thay vì phân loại hình thức tác động. Theo đó, có thể khái quát thành một số nhóm nhân tố cơ bản như sau:

(1) Thể chế, đường lối và chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước

Thể chế và chính sách phát triển là nhân tố có vai trò định hướng và chi phối đối với quá trình gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở các địa phương. Đường lối của Đảng, hệ thống pháp luật của Nhà nước và các cơ chế, chính sách cụ thể của chính quyền địa phương tạo ra khuôn khổ thể chế để các hoạt động phát triển kinh tế được tổ chức theo hướng vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm lợi ích quốc gia về QP và AN.

Trong thực tiễn, các chính sách về quy hoạch phát triển KT-XH, thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, quản lý đất đai, bảo đảm AN kinh tế hoặc xây dựng khu vực phòng thủ đều có tác động trực tiếp đến mức độ gắn kết giữa phát triển kinh tế với nhiệm vụ QP, AN. Vì vậy, mức độ đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống thể chế và chính sách là yếu tố quyết định khả năng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố.

(2) Trình độ phát triển kinh tế và tiềm lực kinh tế của địa phương

Tiềm lực kinh tế của địa phương là nhân tố nền tảng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Một nền kinh tế phát triển với cơ cấu hợp lý, năng lực sản xuất cao và nguồn thu ngân sách ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi để địa phương đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển KH, CN, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường các nguồn lực cho QP, AN.

Ngược lại, tại những địa phương có trình độ phát triển kinh tế thấp, nguồn lực hạn chế, việc đầu tư đồng thời cho phát triển kinh tế và củng cố

QP, AN thường gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, trình độ phát triển kinh tế của địa phương không chỉ quyết định quy mô nguồn lực mà còn ảnh hưởng đến khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động kết hợp gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trong thực tiễn.

(3) Điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế và địa chiến lược của địa phương

Điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý của địa phương là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến cả chiến lược phát triển kinh tế và yêu cầu bảo đảm QP, AN. Những địa phương có vị trí địa kinh tế thuận lợi, nằm trên các trục giao thông quan trọng hoặc là trung tâm kinh tế – chính trị của quốc gia thường có nhiều lợi thế trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, những vị trí này đồng thời cũng có ý nghĩa chiến lược về QP, AN, đòi hỏi phải có các giải pháp quản lý và phát triển phù hợp.

Đối với các đô thị lớn, trung tâm chính trị – kinh tế của quốc gia như Thủ đô, yêu cầu gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN càng trở nên quan trọng, bởi đây là những địa bàn có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội của cả nước. Vì vậy, đặc điểm về vị trí địa kinh tế và địa chiến lược có tác động trực tiếp đến định hướng và nội dung kết hợp giữa phát triển kinh tế với QP, AN của địa phương.

(4) Chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của chính quyền địa phương

Nguồn nhân lực và năng lực quản trị của bộ máy chính quyền địa phương là nhân tố có vai trò quan trọng trong việc tổ chức và thực hiện các chủ trương, chính sách gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trên địa bàn. Một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, tư duy quản lý hiện đại và nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với QP, AN sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và khả năng điều phối các

nguồn lực cho phát triển.

Bên cạnh đó, năng lực quản trị của chính quyền địa phương còn thể hiện ở khả năng xây dựng quy hoạch phát triển, ban hành và thực thi chính sách, cũng như phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang và các chủ thể kinh tế trong quá trình phát triển. Vì vậy, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của chính quyền địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi các mục tiêu kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN.

(5) Bối cảnh hội nhập quốc tế và các yếu tố AN phi truyền thống

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, các địa phương ngày càng tham gia mạnh mẽ vào các mạng lưới kinh tế khu vực và toàn cầu. Điều này tạo ra nhiều cơ hội để thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc bảo đảm QP, AN, đặc biệt là AN kinh tế, AN mạng, AN năng lượng và AN chuỗi cung ứng.

Những biến động của kinh tế thế giới, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, hay các nguy cơ AN phi truyền thống như dịch bệnh, biến đổi khí hậu và tội phạm công nghệ cao đều có thể tác động đến sự ổn định kinh tế – xã hội của địa phương. Do đó, việc nhận diện và ứng phó hiệu quả với các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, thành phố.

2.3. KINH NGHIỆM GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

2.3.1. Kinh nghiệm của một số tỉnh, thành phố

- Kinh nghiệm của nước ngoài

Dưới đây là một số kinh nghiệm của các TP nổi bật trên thế giới trong việc gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN, tiếp cận từ Kinh tế chính trị.

Kinh nghiệm của TP. Mát-xcơ-va (Thủ đô của Liên bang Nga): Phát triển kinh tế được gắn chặt với phát triển sức mạnh QP, AN [125] với những kinh nghiệm nổi bật: Phát triển mạnh công nghiệp QP ngay trong nội đô và vùng ven Mát-xcơ-va trong đó các viện nghiên cứu quân sự, các nhà máy sản xuất thiết bị QP (xe tăng, tên lửa, CN vũ khí) được bố trí liên hoàn với các khu kinh tế kỹ thuật cao. Cơ chế "kinh tế QP hòa trộn": Nhiều tập đoàn QP Nga (như Rostec, Almaz-Antey) hoạt động vừa trong lĩnh vực QP, vừa tham gia sản xuất hàng dân sự (máy bay, thiết bị điện tử, CNC). Chính sách kiểm soát chặt đầu tư nước ngoài tại thủ đô, hạn chế nguy cơ gián điệp kinh tế, đảm bảo AN nội bộ.

Thành phố chú ý kết hợp kinh tế AN mạng như đẩy mạnh việc phát triển CNTT, AN mạng song hành với sản xuất hàng hoá và dịch vụ QP. Tại Mát-xcơ-va, có sự hòa quyện giữa phát triển kinh tế công nghiệp CNC và duy trì năng lực QP nội đô. Đây là đặc trưng nổi bật của một thủ đô lớn có vai trò chiến lược.

Kinh nghiệm của TP. Bắc Kinh (Trung Quốc) [126]: Thành phố đã chú ý quy hoạch KT-XH lồng ghép yêu cầu QP, AN. Các chiến lược quy hoạch đô thị như “Quy hoạch tổng thể Bắc Kinh đến 2035” đã lồng ghép mục tiêu phát triển kinh tế với củng cố QP; Quy hoạch các khu vực trọng điểm như Zhongguancun-Trung Quan Thôn, Khu CNC Yizhuang... vừa phát triển CNC, vừa phục vụ nhu cầu QP, AN; bố trí các trung tâm chỉ huy khẩn cấp, các tuyến đường, sân bay, hệ thống liên lạc đảm bảo phục vụ cả dân sự và QP [96].

Thành phố Bắc Kinh coi trọng phát triển công nghiệp "lưỡng dụng" như tập trung đầu tư mạnh vào các ngành CN như CN vũ trụ, trí tuệ nhân tạo (AI), AN mạng, CN QP điện tử. Các doanh nghiệp dân sự có khả năng chuyển đổi sản xuất cho mục đích quân sự khi cần thiết. Các tập đoàn lớn như Huawei, ZTE, Beihang (Đại học Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh) đều phát triển

CN dân sự-quân sự song song [126]. Đầu tư mạnh cho AN phi truyền thống, coi trọng các lĩnh vực như AN mạng, AN sinh học, AN kinh tế. Các trung tâm nghiên cứu, các đơn vị kỹ thuật số thuộc Bộ Công an Trung Quốc, Bộ Công nghiệp và CNTT đều đặt trụ sở tại Bắc Kinh, đảm nhiệm nhiệm vụ giám sát, bảo vệ AN phi truyền thống song song với phát triển kinh tế số [126].

Quan tâm chính sách thu hút và kiểm soát nhân lực chiến lược, tập trung thu hút nhân lực KH&CN chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực phục vụ cho chiến lược "dân sự - quân sự hội nhập". Thành phố cũng kiểm soát chặt luồng thông tin, hạn chế rò rỉ CN nhạy cảm liên quan đến QP, AN [136].

Hình thành các khu vực KT-QP chuyên biệt, thiết lập một số khu vực đặc biệt, như Công viên KH Zhongguancun để phát triển CNC, AI, dữ liệu lớn phục vụ dân sự và quân sự; Quận Xương Bình (Changping) phát triển cụm công nghiệp QP - nghiên cứu phát triển thiết bị CN vũ trụ, tên lửa, radar... Khu phát triển KT-CN Bắc Kinh (BDA) hướng vào phục vụ sản xuất các thiết bị CNC, có thể chuyển đổi sang sản xuất QP [104]. Việc quy hoạch phát triển TP. Bắc Kinh luôn lồng ghép mục tiêu QP, xây dựng nền kinh tế quốc dân làm chỗ dựa cho tiềm lực QP, AN lâu dài.

Nhìn chung, các TP lớn trên thế giới thường không tách rời phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN; luôn tăng cường phát triển công nghiệp QP, CNC, dịch vụ chiến lược; quy hoạch đô thị, hạ tầng phải tính đến yếu tố QP, AN từ rất sớm; chính sách nhân lực, đầu tư, ngoại giao cũng phải phục vụ đồng thời cho các mục tiêu phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

- Kinh nghiệm của một số Thành phố trong nước

Phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN là một nội dung quan trọng trong phát triển bền vững KT-XH của Việt Nam được tất cả các tỉnh, TP trong cả nước coi trọng. Dưới đây là kinh nghiệm nổi bật của một số TP.

Kinh nghiệm của TP Hồ Chí Minh: Lồng ghép QP, AN trong chiến lược,

quy hoạch phát triển KT-XH. Thành phố luôn xác định rõ QP, AN là yếu tố nền tảng, được lồng ghép ngay từ khâu xây dựng chiến lược phát triển KT-XH. Trong "*Chương trình phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025*" và "*Chiến lược phát triển kinh tế đến 2030*", TP đặt mục tiêu phát triển kinh tế gắn với củng cố tiềm lực QP, AN khu vực trọng yếu phía Nam. Chú trọng quy hoạch hạ tầng giao thông, đô thị, khu kinh tế ven biển, cảng biển, sân bay Tân Sơn Nhất theo hướng lưỡng dụng, phục vụ mục tiêu QP khi cần thiết [20].

Phát triển kinh tế biển và vùng ven biển gắn với QP bao gồm phát triển các khu kinh tế, KCN, dịch vụ logistics tại cảng Hiệp Phước, cảng Cát Lái, cảng Sài Gòn... Đồng thời, tăng cường lực lượng cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, bảo vệ tuyến đường thủy là cửa ngõ biển của TP; xây dựng thể trận phòng thủ trên biển kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế biển [20].

Xây dựng cơ sở hạ tầng "lưỡng dụng" như quy hoạch một số công trình đường vành đai 2, vành đai 3, cao tốc TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài vừa phục vụ dân sự, vừa có thể chuyển thành tuyến vận tải quân sự chiến lược. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất được đầu tư song song cả mục tiêu dân sự và khả năng huy động cho QP khi cần. Phối hợp với Quân khu 7 triển khai mô hình các đơn vị KT-QP, doanh nghiệp QP kết hợp khai thác kinh tế và củng cố thể trận QP. Hỗ trợ các doanh nghiệp QP như Tổng Công ty Ba Son, Tổng Công ty Sông Thu mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm dân sự lẫn QP [61].

Đào tạo nguồn nhân lực "kép" (phục vụ phát triển kinh tế và QP), trong đó đẩy mạnh chương trình đào tạo nguồn nhân lực KH, CNC, gắn với QP, AN như hợp tác với Bộ QP đào tạo kỹ sư QP tại các trường Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh; tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho các cán bộ, giảng viên, doanh nhân.

Tóm lại, TP Hồ Chí Minh đã chú ý lồng ghép gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN ngay từ chiến lược tổng thể, ưu tiên hạ tầng kinh tế có thể

chuyển đổi lưỡng dụng, gắn phát triển cảng biển và logistics với thế trận AN biển, phát triển song hành doanh nghiệp kinh tế và QP và đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu kép.

Kinh nghiệm của TP Đà Nẵng: TP. luôn xác định QP, AN là yếu tố cốt lõi trong mọi chiến lược phát triển. Các quy hoạch tổng thể như "*Quy hoạch chung TP Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045*" đã lồng ghép yêu cầu đảm bảo QP, AN, nhất là các khu vực trọng yếu như Sơn Trà, Hoàng Sa, cửa ngõ Tây Nguyên. Khi phê duyệt các dự án kinh tế, đặc biệt tại ven biển và khu vực cửa khẩu, trong đó đặt tiêu chí đảm bảo AN quốc gia lên hàng đầu [21].

Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo. Đầu tư mạnh vào hệ thống cảng biển như cảng Tiên Sa, cảng Liên Chiểu; phát triển du lịch biển và dịch vụ logistics hàng hải; đồng thời, xây dựng và củng cố thế trận QP biển, kết hợp với lực lượng cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, quân chủng Hải quân; phối hợp tuần tra bảo vệ AN trên biển, hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển, bảo vệ chủ quyền.

Xây dựng hệ thống hạ tầng có tính lưỡng dụng nhất là hạ tầng giao thông (các tuyến quốc lộ 14B, đường vành đai phía Tây, hệ thống hầm chui cầu vượt) được thiết kế vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng chuyển đổi cho nhiệm vụ QP khi cần. Sân bay quốc tế Đà Nẵng được quy hoạch vừa phục vụ dân sự, vừa có khả năng đảm nhiệm chức năng hậu cần quân sự.

Hình thành các khu KT-QP như phối hợp chặt chẽ với Quân khu 5 trong việc duy trì các đơn vị sản xuất QP kết hợp kinh tế, như Xí nghiệp cơ khí QP Quân khu 5. Phát triển các khu vực kinh tế ven biển với khả năng tăng cường thế trận phòng thủ ven bờ.

Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu kép, Tổ chức các lớp đào tạo kiến thức QP, AN cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở và doanh nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực

CNTT, công nghiệp hỗ trợ, kỹ thuật QP.

Điểm nổi bật trong kinh nghiệm của TP Đà Nẵng là lồng ghép yêu cầu QP, AN từ khâu quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, phát triển kinh tế biển gắn chặt với bảo vệ chủ quyền biển đảo, ưu tiên các công trình lưỡng dụng phục vụ KT-QP, phối hợp phát triển giữa quân đội và chính quyền địa phương, bồi dưỡng kiến thức QP cho đội ngũ lãnh đạo và doanh nhân.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm cho Thành phố Hà Nội

Từ kinh nghiệm của một số địa phương trong và ngoài nước về gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN có thể rút ra một số bài học có giá trị tham khảo đối với Thành phố Hà Nội trong quá trình phát triển hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo mô hình tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả hơn.

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương trong gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN.

Thực tiễn cho thấy, việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN chỉ đạt hiệu quả khi có sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng và sự quản lý điều hành đồng bộ của chính quyền địa phương. Trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương được sắp xếp theo hướng tinh gọn, việc xác định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền, đặc biệt là vai trò điều phối của chính quyền thành phố và sự chủ động của chính quyền cơ sở, có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai các chủ trương phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ QP, AN trên địa bàn.

Thứ hai, gắn chặt quy hoạch và phát triển KT-XH với yêu cầu bảo đảm QP, AN.

Một bài học quan trọng từ thực tiễn là việc lồng ghép các yêu cầu về QP, AN ngay từ khâu xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển

KT-XH. Điều này giúp bảo đảm các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư được triển khai đồng bộ với yêu cầu xây dựng thể trận QP toàn dân và thể trận AN nhân dân trên địa bàn. Đối với Hà Nội, trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, việc gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển đô thị với yêu cầu bảo đảm QP, AN càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thứ ba, phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng hiện đại và lưỡng dụng.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương cho thấy việc đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại không chỉ tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần nâng cao năng lực bảo đảm QP, AN. Các công trình hạ tầng như hệ thống giao thông chiến lược, hạ tầng thông tin – viễn thông, logistics hay hạ tầng số đều có thể được khai thác theo hướng lưỡng dụng, phục vụ cả mục tiêu phát triển kinh tế và nhiệm vụ QP, AN. Vì vậy, Hà Nội cần chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng KT-XH theo hướng hiện đại, đồng thời bảo đảm khả năng kết hợp hiệu quả với các yêu cầu QP, AN trong những tình huống cần thiết.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng và các chủ thể phát triển trên địa bàn.

Một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện hiệu quả việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN là sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang và các chủ thể kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phát triển. Trong điều kiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình mới, việc thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa chính quyền thành phố, chính quyền cơ sở, các lực lượng QP, công an và cộng đồng doanh nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế với yêu

cầu bảo vệ AN, trật tự và ổn định xã hội.

Thứ năm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức về kết hợp kinh tế với QP, AN.

Kinh nghiệm từ nhiều địa phương cho thấy nhận thức và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và các chủ thể kinh tế có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện hiệu quả chủ trương kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Do đó, Hà Nội cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tăng cường giáo dục QP và AN cho cán bộ, doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong quá trình phát triển kinh tế gắn với bảo vệ Tổ quốc.

Những bài học kinh nghiệm trên chỉ ra rằng, việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở một địa phương không chỉ phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế mà còn gắn liền với hiệu quả tổ chức quản lý, quy hoạch phát triển, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Đối với TP phố Hà Nội, việc vận dụng linh hoạt các bài học này trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình mới sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đồng thời củng cố vững chắc QP, AN trên địa bàn Thủ đô.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 tập trung làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN ở cấp tỉnh, TP. Trên cơ sở tiếp cận từ Kinh tế chính trị học, chương đã hệ thống hóa các khái niệm cơ bản, phân tích sự cần thiết khách quan của việc gắn phát triển kinh tế với củng cố QP, AN trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Đồng thời, chương làm rõ nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình gắn kết hai lĩnh vực này ở cấp địa phương. Thông qua tổng kết một số kinh nghiệm tiêu biểu trong và ngoài nước, chương rút ra những bài học có giá trị tham khảo cho TP Hà Nội.

Chương 3

THỰC TRẠNG GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Điều kiện tự nhiên

Thành phố Hà Nội nằm ở vị trí trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, tọa độ từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và từ 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, có diện tích tự nhiên hơn 3.300 km², là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội tiếp giáp với 5 tỉnh (Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên và Ninh Bình), tạo thành một không gian liên kết vùng rộng lớn, thuận lợi cho giao thương, kết nối hạ tầng kinh tế và phối hợp trong đảm bảo AN-QP. Với vị trí địa lý, Hà Nội có vai trò là đầu mối giao thông quan trọng, kết nối giữa vùng trung du, miền núi phía Bắc với các tỉnh đồng bằng, duyên hải Bắc Bộ và khu vực Bắc Trung Bộ. Vị trí này tạo lợi thế đặc biệt trong việc phát triển kinh tế tổng hợp, đồng thời có ý nghĩa chiến lược trong bố trí lực lượng, phương tiện để đảm bảo QP, AN.

Địa hình của Hà Nội chủ yếu là đồng bằng xen kẽ vùng đồi núi ở phía Bắc và Tây (các xã thuộc các huyện Sóc Sơn, Ba Vì, Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ trước đây). Điều kiện này không chỉ thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển các khu đô thị, công nghiệp, mà còn có ý nghĩa chiến lược trong bố trí lực lượng QP, xây dựng thế trận phòng thủ khu vực Thủ đô.

Hà Nội có hệ thống sông ngòi phong phú, trong đó sông Hồng là trục chính, cùng với các sông Đuống, Đáy, Nhuệ, Tích, Cầu... tạo nên mạng lưới thủy văn quan trọng. Hệ thống này vừa là lợi thế trong phát triển giao thông

thủy, nông nghiệp, thủy lợi, vừa đặt ra yêu cầu cao trong bảo đảm AN nguồn nước, phòng chống lũ lụt, và AN môi trường.

Khí hậu Hà Nội mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm, có bốn mùa rõ rệt, thuận lợi cho đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp và du lịch. Tuy nhiên, tình trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và thiên tai (lũ, ngập úng) là những thách thức lớn, có thể tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo QP, AN.

Hà Nội còn sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên có giá trị, như đất phù sa màu mỡ ở ven sông, vùng đồi núi giàu khoáng sản (đá, sét, vật liệu xây dựng). Đây là cơ sở quan trọng cho phát triển công nghiệp vật liệu, xây dựng đô thị và hạ tầng. Tuy nhiên, việc khai thác tài nguyên cần được quản lý chặt chẽ, tránh nguy cơ cạn kiệt, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và AN nguồn lực lâu dài.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của TP. Hà Nội vừa tạo nên lợi thế, vừa đặt ra những yêu cầu gắn kết phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Việc khai thác hiệu quả các tiềm năng tự nhiên, đồng thời chủ động ứng phó với thách thức về môi trường, biến đổi khí hậu, sẽ góp phần quan trọng vào phát triển bền vững và giữ vững ổn định chính trị - xã hội của Thủ đô.

Điều kiện kinh tế - xã hội

Hà Nội đứng thứ hai cả nước về dân số (trên 8,4 triệu người năm 2024), sau TP. Hồ Chí Minh. Đây là một thị trường tiêu thụ rộng lớn, lực lượng lao động dồi dào và nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN.

Về kinh tế, Hà Nội luôn giữ vai trò đầu tàu của cả nước với GRDP bình quân giai đoạn 2020-2023 đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 7-8%/năm, cao hơn mức bình quân chung cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng nhanh, trong khi nông

nghiệp giảm dần nhưng vẫn được duy trì theo hướng nông nghiệp đô thị, CNC. Hệ thống hạ tầng kinh tế được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là các khu công nghiệp, khu CNC, trung tâm tài chính, thương mại, góp phần khẳng định vị thế của Hà Nội trong mạng lưới sản xuất, kinh doanh toàn cầu. Những điều kiện này không chỉ tạo động lực phát triển kinh tế mà còn cung cấp nền tảng vật chất cho xây dựng tiềm lực QP, AN.

Về xã hội, Hà Nội là trung tâm giáo dục và đào tạo, KH và CN lớn nhất cả nước, với hàng trăm trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, hàng chục nghìn giảng viên, nhà KH. Đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng để nâng cao trình độ dân trí, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bảo đảm QP, AN trong tình hình mới. Bên cạnh đó, hệ thống y tế, văn hóa, phúc lợi xã hội cũng không ngừng được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Về dân cư và lao động, Hà Nội có cơ cấu dân số trẻ, lực lượng lao động chiếm hơn 60% dân số, tạo điều kiện để phát triển kinh tế và huy động sức mạnh toàn dân trong xây dựng nền QP toàn dân. Đồng thời, Hà Nội là nơi tập trung nhiều dân tộc, tôn giáo khác nhau, tạo nên sự đa dạng văn hóa, vừa là lợi thế, vừa đòi hỏi công tác quản lý xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc được quan tâm đúng mức để tránh những nguy cơ tiềm ẩn về AN xã hội.

Tuy nhiên, Hà Nội cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng dẫn đến áp lực về hạ tầng, môi trường, việc làm và an sinh xã hội. Khoảng cách phát triển giữa khu vực đô thị trung tâm với vùng ngoại thành, đặc biệt là các xã thuộc khu vực phía Tây và phía Nam, còn khá lớn. Những vấn đề này nếu không được giải quyết hài hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định xã hội, tác động đến QP, AN.

Như vậy, điều kiện kinh tế - xã hội của TP Hà Nội vừa tạo ra tiềm lực quan trọng, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc hoạch định chiến lược phát triển gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế với QP, AN. Việc khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế, phát huy lợi thế nguồn nhân lực, đồng thời giải quyết những bất cập xã hội sẽ là yếu tố then chốt bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của Thủ đô trong giai đoạn tới.

3.1.2. Điều kiện quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội

Vị trí địa chính trị – địa chiến lược đặc biệt: Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa XHCN, giữ vị trí trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ. Với vai trò là trung tâm quyền lực chính trị và đầu não điều hành đất nước, Hà Nội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Mọi biến động về chính trị, kinh tế, xã hội và AN tại Hà Nội đều có khả năng tác động lan tỏa đến phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, Hà Nội còn là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, KH, CN, giáo dục và đối ngoại của Việt Nam, đồng thời là địa bàn tập trung nhiều cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và các sự kiện chính trị – ngoại giao quan trọng. Vì vậy, việc bảo đảm QP, AN của Thủ đô không chỉ liên quan đến nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị – xã hội trong nước mà còn gắn với việc bảo vệ uy tín quốc gia, môi trường đối ngoại và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đặc điểm không gian AN và khu vực phòng thủ của TP: Hà Nội có vị trí địa lý đặc biệt trong vùng đồng bằng sông Hồng, là trung tâm kết nối của hệ thống giao thông chiến lược của miền Bắc và cả nước. Trên địa bàn Thành phố tập trung nhiều tuyến giao thông quan trọng như hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, tạo thành mạng lưới giao thông liên vùng và quốc gia. Đây vừa là điều kiện thuận lợi cho

phát triển KT-XH, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với việc bảo đảm AN, trật tự và bảo vệ các mục tiêu trọng yếu về QP.

Về tổ chức không gian QP – AN, Hà Nội là địa bàn trọng điểm trong thể trận QP toàn dân và thể trận AN nhân dân của cả nước. Thành phố có vai trò trung tâm trong khu vực phòng thủ của vùng Thủ đô, đồng thời là địa bàn triển khai nhiều cơ quan, lực lượng vũ trang quan trọng của quốc gia. Trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương được đổi mới theo hướng tinh gọn và hiệu lực hơn, việc xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ Thành phố càng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền các cấp với lực lượng vũ trang và các chủ thể KT-XH trên địa bàn.

Những thách thức về AN truyền thống và phi truyền thống trên địa bàn: Cùng với quá trình đô thị hóa nhanh và hội nhập quốc tế sâu rộng, Hà Nội đang phải đối mặt với nhiều thách thức về QP, AN. Bên cạnh các nguy cơ AN truyền thống liên quan đến bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu chiến lược và giữ vững ổn định chính trị, TP còn phải đối diện với nhiều vấn đề AN phi truyền thống như AN kinh tế, AN mạng, tội phạm công nghệ cao, di cư tự do, áp lực dân số và các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình phát triển đô thị.

Đặc biệt, với vai trò là trung tâm chính trị kinh tế của cả nước, các sự kiện hoặc vấn đề AN phát sinh trên địa bàn Hà Nội thường có tác động lan tỏa rộng, ảnh hưởng đến môi trường chính trị xã hội của cả nước. Trong bối cảnh truyền thông toàn cầu phát triển mạnh mẽ, các vấn đề về AN, trật tự hoặc các sự kiện xã hội tại Hà Nội thường được các cơ quan truyền thông quốc tế theo dõi và phản ánh nhanh chóng, qua đó có thể tác động đến hình ảnh quốc gia, môi trường đầu tư và quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

Yêu cầu đặt ra đối với việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP: Những đặc điểm về vị trí địa chính trị, không gian AN và các

thách thức AN nêu trên đặt ra yêu cầu đặc biệt đối với việc phát triển kinh tế của TP Hà Nội. Quá trình phát triển KT-XH của Thủ đô cần được tổ chức theo hướng vừa thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, vừa bảo đảm giữ vững ổn định chính trị – xã hội, bảo vệ AN quốc gia và củng cố thể trận QP trên địa bàn.

Do đó, việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN không chỉ là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển mà còn là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với Hà Nội. Điều này đòi hỏi TP phải chú trọng lồng ghép các yêu cầu về QP, AN trong quy hoạch phát triển KT-XH, trong phát triển kết cấu hạ tầng, quản lý không gian đô thị, thu hút đầu tư và tổ chức các hoạt động kinh tế, nhằm bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và giữ vững vai trò trung tâm chính trị – hành chính của Thủ đô.

3.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.2.1. Chủ trương, định hướng của Trung ương và Hà Nội

Trong phân tích chủ trương và cơ chế, chính sách tổ chức thực hiện gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2015–2025, luận án tiếp cận từ góc độ kinh tế chính trị, xem xét sự gắn kết này trên hai phương diện cơ bản của phương thức sản xuất: sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự hoàn thiện của quan hệ sản xuất. Trong đó, phát triển lực lượng sản xuất thể hiện ở việc phát triển các ngành kinh tế, kết cấu hạ tầng, KH, CN và nguồn nhân lực có khả năng phục vụ đồng thời cho mục tiêu phát triển kinh tế và nhiệm vụ QP, AN; còn hoàn thiện quan hệ sản xuất được thể hiện thông qua hệ thống cơ chế, chính sách, thể chế quản lý và quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ

bản chất kinh tế chính trị của quá trình gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trên địa bàn Thủ đô.

- Chủ trương và định hướng của Trung ương

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chiến lược, chương trình nhằm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố QP, AN, coi đây là nguyên tắc phát triển bền vững của đất nước. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta chủ trương: “Phát triển KT-XH đi đôi với tăng cường sức mạnh QP- AN. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với QP-AN, QP-AN với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KT-XH và trên từng địa bàn” [23, tr. 82]. Nghị quyết số 28-NQ/TW (2013) tiếp tục nhấn mạnh chủ trương kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; gắn phát triển KT-XH với củng cố, tăng cường QP, AN, đối ngoại; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại [24]. Nghị quyết số 22-NQ/TW (2013), yêu cầu xây dựng và triển khai chiến lược hội nhập QP, AN phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm AN quốc gia, khai thác hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, vị thế quốc tế của đất nước nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Không ngừng cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, gắn thu hút đầu tư với giám sát quá trình thực thi, bảo đảm AN kinh tế, hiệu quả KT-XH - môi trường [25]. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt;... bảo đảm QP-AN là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên” [27, tr. 149]. Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định mục tiêu: “Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để tăng cường quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước;

phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên KH - CN, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc QP, AN bảo vệ môi trường sinh thái” [30]. Đại hội XIII nhấn mạnh mức độ “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với QP-AN và giữa quốc QP-AN với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại” [31, tr. 157]. Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP và AN không chỉ đặt ra yêu cầu phải kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với QP, AN mà còn phải được thể hiện rõ trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH. Chủ trương này thực hiện đồng thời trên phạm vi lãnh thổ cả nước, trên từng địa phương, vùng miền; trong mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực, nhiệm vụ và mọi mặt hoạt động của đất nước. Nhìn chung, những chủ trương trong các Nghị quyết của Đảng đều khẳng định quan điểm nhất quán phát triển kinh tế phải đi đôi với tăng cường tiềm lực QP, AN, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và chủ quyền quốc gia.

- Cụ thể hoá bằng định hướng của TP Hà Nội:

Trên cơ sở những chủ trương lớn của Trung ương, trong giai đoạn 2015-2024, TP Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong cụ thể hoá thành định hướng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN trên địa bàn. Những chủ trương, biện pháp cụ thể trong Nghị quyết số 11-NQ/TU (2017) của Thành ủy Hà Nội về phát triển kinh tế Thủ đô giai đoạn 2016-2020; Chương trình số 03-CTr/TU (2020) về chỉnh trang đô thị và phát triển hạ tầng giai đoạn 2020-2025; Chương trình số 08-CTr/TU (2021) về tăng cường QP, AN, bảo đảm trật tự an toàn xã hội đã thể hiện rõ định hướng “kinh tế mạnh, QP-AN vững chắc”. Những phương diện chủ yếu được thể chế hoá gồm:

Một là, cụ thể hóa các văn kiện, nghị quyết của Trung ương, như Nghị quyết số 28-NQ/TW (2008) về xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, Nghị quyết số 22-NQ/TW (2013) về hội nhập quốc tế, và gần đây là

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, thông qua: Chương trình hành động của Thành ủy và Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hàng năm, trong đó xác định rõ nhiệm vụ “kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP, AN” là nhiệm vụ xuyên suốt. Tích hợp các yêu cầu về QP, AN trong quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, đặc biệt là Quy hoạch TP Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

Hai là, thiết lập cơ chế phối hợp và lồng ghép trong quản lý nhà nước: Ban hành Quy chế phối hợp giữa UBND TP với Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an TP và các sở, ngành trong xây dựng, triển khai các chương trình phát triển KT-XH gắn với QP, AN. Lồng ghép các nội dung QP, AN vào các chương trình đầu tư công, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển nông thôn, đặc biệt ở các huyện ngoại thành, vùng trọng yếu.

Ba là, thực hiện các dự án hạ tầng và phát triển vùng chiến lược: Triển khai nhiều công trình hạ tầng “lưỡng dụng” như đường vành đai, quốc lộ, sân bay, đường sắt đô thị... vừa phục vụ dân sinh vừa có ý nghĩa chiến lược về QP, AN. Đầu tư cho các khu vực vùng ven, vùng cửa ngõ, khu vực có tính chất địa chính trị như các xã ở phía Tây của TP (vốn trước đây thuộc các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ, Mỹ Đức...), nhằm xây dựng thể trận QP toàn dân gắn với phát triển kinh tế.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nguồn nhân lực: Đưa nội dung kết hợp kinh tế với QP, AN vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, kết hợp giữa năng lực quản trị kinh tế và hiểu biết về QP, AN, phục vụ yêu cầu quản lý đô thị đặc thù của Thủ đô.

Năm là, tăng cường giám sát và kiểm tra việc thực hiện: Tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành giữa Sở KH&ĐT, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an TP... đối với các dự án, chương trình phát triển có liên quan đến bảo đảm QP, AN.

Đưa tiêu chí về QP, AN vào đánh giá hiệu quả của các dự án kinh tế lớn, đặc biệt trong thu hút đầu tư nước ngoài, quy hoạch khu công nghiệp, khu CNC.

Sáu là, cụ thể hoá các chủ trương trên vào các ngành, lĩnh vực kinh tế và xã hội của TP Hà Nội trong phát triển hạ tầng giao thông, trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, QP địa phương và TTATXH, như:

Thể chế hóa trong quy hoạch và đầu tư trong phát triển hạ tầng giao thông. Các tuyến đường vành đai (2, 2.5, 3, 4) và đường cao tốc kết nối trung tâm với ngoại thành đều được quy hoạch có tính đến yêu cầu QP, bảo đảm năng lực cơ động quân sự và phòng thủ đô thị. Các công trình hạ tầng lưỡng dụng, như tuyến đường sắt đô thị (Metro), cảng hàng không quốc tế Nội Bài, các cầu lớn vượt sông (Nhật Tân, Vĩnh Tuy, Thăng Long...) được quy hoạch và thiết kế có tính đến yêu cầu bảo vệ và ứng phó khẩn cấp. Kết nối vùng chiến lược, đầu tư nâng cấp giao thông các xã thuộc phía Tây của TP để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo điều kiện triển khai thể trận phòng thủ từ xa.

Quy hoạch các khu công nghiệp an toàn và bảo vệ chặt chẽ như khu công nghiệp Bắc Thăng Long, Quang Minh, Sài Đồng B... đảm bảo yếu tố bảo mật, phòng cháy chữa cháy, và có hệ thống kiểm soát an ninh nội bộ. Phát triển công nghiệp lưỡng dụng, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các sản phẩm công nghiệp CNC, có khả năng ứng dụng trong QP như CNTT, điện tử, cơ khí chính xác. Có các quy định thẩm định AN kinh tế, AN mạng đối với các dự án FDI tại khu vực nhạy cảm hoặc gần cơ sở quân sự.

Lồng ghép nhiệm vụ QP, AN trong chương trình xây dựng nông thôn mới, thông qua xây dựng hạ tầng thiết yếu (đường, trạm y tế, hệ thống cảnh báo thiên tai), phát triển kinh tế vùng biên, vùng ven đô đồng thời là khu vực phòng thủ. Chú trọng đầu tư phát triển vùng đệm AN bảo vệ Thủ đô tại các xã thuộc các huyện Phúc Thọ, Quốc Oai, Mỹ Đức... để vừa nâng cao đời sống người dân, vừa đảm bảo QP địa phương và chủ quyền vùng giáp ranh.

Khuyến khích mô hình KT-QP, các đơn vị quân đội tham gia giúp dân phát triển kinh tế gắn với củng cố cơ sở hậu cần tại chỗ.

Xây dựng thể trận QP toàn dân và AN nhân dân. Ban Chỉ huy quân sự các quận, huyện phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, dân quân tự vệ để bảo vệ các mục tiêu kinh tế trọng điểm. Thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện lồng ghép; các lực lượng vũ trang địa phương được huấn luyện cả kỹ năng bảo vệ kết cấu hạ tầng trọng yếu và phối hợp xử lý các tình huống AN phi truyền thống. Phối hợp trong xử lý khủng hoảng bằng thiết lập cơ chế ứng phó với thiên tai, tấn công mạng, gián điệp CN được tích hợp vào kế hoạch bảo vệ KT-XH cấp TP.

Hướng cụ thể hoá nêu trên được tập trung vào ba trụ cột chính, gồm: (i) Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường tiềm lực QP, AN, bảo đảm các dự án phát triển công nghiệp, giao thông, đô thị đều tính toán đến yếu tố lưỡng dụng, gắn với thể trận QP toàn dân và AN nhân dân. (ii) Xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo, đồng thời là địa bàn trọng điểm trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội. Và (iii) Chủ động ứng phó với các thách thức AN phi truyền thống như AN mạng, AN năng lượng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; bảo đảm an toàn cho quá trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Như vậy, từ góc độ phát triển lực lượng sản xuất, các chủ trương và chính sách của TP Hà Nội trong giai đoạn 2015–2025 đã chú trọng thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế có hàm lượng KH, CN cao, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ và hiện đại, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những yếu tố này không chỉ tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của Thủ đô mà còn góp phần củng cố tiềm lực QP, AN của địa phương. Đặc biệt, việc phát triển các công trình hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng thông tin – viễn thông, logistics và hạ tầng số đã tạo ra khả năng khai thác theo hướng lưỡng dụng, phục vụ cả mục tiêu phát triển kinh tế và nhiệm vụ QP, AN trong những tình huống cần thiết.

3.2.2. Cơ chế, chính sách tổ chức thực hiện của Thành phố Hà Nội trong triển khai gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Ở góc độ quan hệ sản xuất, việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội được thể hiện thông qua quá trình hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế và chính sách quản lý nhà nước. Thành phố đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy định về kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN trong quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng vũ trang và các chủ thể kinh tế; đồng thời chú trọng bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội trong quá trình triển khai các dự án phát triển. Điều này góp phần tạo lập khuôn khổ quan hệ sản xuất phù hợp, bảo đảm cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất gắn với yêu cầu QP, AN được triển khai hiệu quả trên địa bàn TP. Giai đoạn này, TP Hà Nội đã triển khai thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước Trung ương với các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, lồng ghép mục tiêu QP, AN trong quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của TP. Đã thực hiện tích hợp các yêu cầu về QP, AN vào quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông, quy hoạch công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 xác định rõ các khu vực trọng điểm chiến lược, vừa phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu phòng thủ, bảo đảm AN chính trị và TTATXH. Thể chế hóa trong quy trình phê duyệt dự án về phát triển hạ tầng, khu công nghiệp, đô thị, giao thông, CNC đều được yêu cầu lồng ghép đánh giá tác động QP, AN trong các bước đề xuất chủ trương đầu tư, quy hoạch, thiết kế và vận hành. Cơ quan quân sự, công an cấp TP được mời tham gia thẩm định, phản biện trong các hội đồng liên ngành về dự án có yếu tố chiến lược, nhạy cảm. Thực hiện thí điểm nhiều mô hình đô thị thông minh, với yếu tố AN mạng, AN thông tin trong các dự án hạ tầng số phải được thẩm định chặt

chế. Cơ chế này nhằm bảo đảm rằng phát triển đô thị, công nghiệp, logistics... phải gắn chặt với xây dựng thể trận QP toàn dân và AN nhân dân.

Thứ hai, ban hành cơ chế, chính sách huy động và phân bổ nguồn lực cho các dự án vừa phục vụ kinh tế, vừa có giá trị QP, AN. Áp dụng mô hình “kinh tế lưỡng dụng” trong đầu tư các công trình giao thông, sân bay, cảng cạn, hệ thống viễn thông, khu công nghiệp CNC. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng hạ tầng kinh tế kỹ thuật lưỡng dụng. Khuyến khích xã hội hóa và hợp tác công - tư (PPP). Khuyến khích các doanh nghiệp dân sự đầu tư vào các dự án thuộc những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao, như công nghiệp CNC, công nghiệp QP, hạ tầng thông tin, logistics, giao thông chiến lược. Đồng thời, TP hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận đất đai, vốn, KH&CN, đào tạo nhân lực để tham gia vào chuỗi cung ứng phục vụ cả nhu cầu kinh tế và QP, AN. Nhiều dự án đã được quy hoạch, triển khai phát triển theo hướng kép, vừa phục vụ dân sinh, kinh tế, vừa có thể chuyển hóa thành hạ tầng hỗ trợ QP, AN đáp ứng yêu cầu “hai trong một” như sân bay Nội Bài, đường vành đai 4, các tuyến cao tốc, cầu vượt sông Hồng, hạ tầng số, hệ thống kho dự trữ hàng hóa, logistic bảo đảm vừa tăng cường phát triển kinh tế, vừa sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ QP, AN khi có tình huống. Bố trí khu dự phòng QP, AN trong các khu đô thị mới, khu công nghiệp, bảo đảm phương án chiến đấu và tiếp nhận lực lượng khi cần thiết.

Lồng ghép trong quản lý và vận hành sau đầu tư. Áp dụng hệ thống giám sát, kiểm soát AN vật lý và mạng số trong vận hành các công trình, đặc biệt tại các khu vực có yếu tố chiến lược. Một số doanh nghiệp lớn tham gia dự án được khuyến khích ký kết hợp tác QP, AN hoặc xây dựng lực lượng tự vệ, phương án phòng thủ tại chỗ.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý kinh tế với lực lượng QP, AN. Trong giai đoạn 2015-2025, UBND TP đã ban hành nhiều quy chế phối hợp quy hoạch và lập kế hoạch phát triển, trong phê duyệt, giám sát và kiểm tra các dự án lớn, trong bảo vệ hạ tầng chiến lược và phòng thủ dân sự, trong AN kinh tế, AN mạng và CN cao, và trong giáo dục. Phối hợp giữa các sở, ngành kinh tế với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Công an TP và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn nhằm thống nhất ngay từ khâu lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch sử dụng đất, xây dựng kế hoạch đầu tư công, trong quản lý xây dựng khu KT-QP, và xử lý các vấn đề AN phi truyền thống. Bảo đảm quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm không chồng lấn với vùng cấm, vùng nhạy cảm về QP, AN. Tích hợp các tiêu chí về QP, AN vào các chương trình phát triển đô thị, khu công nghiệp, và phát triển giao thông.

Các dự án đầu tư thuộc danh mục có yếu tố nhạy cảm (như gần sân bay, trụ sở cơ quan trung ương, vùng phòng thủ...) bắt buộc có ý kiến của Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an TP trước khi phê duyệt. Thanh tra TP, Ban chỉ đạo khu vực phòng thủ có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu QP, AN sau đầu tư, trong vận hành.

Phối hợp trong bảo vệ hạ tầng chiến lược và phòng thủ dân sự. Lực lượng quân đội, công an TP phối hợp với các đơn vị quản lý hạ tầng (giao thông, điện lực, nước sạch, thông tin...) trong xây dựng phương án bảo vệ cơ sở trọng yếu, đặc biệt trong tình huống khẩn cấp.

Phối hợp trong đảm bảo AN kinh tế, AN mạng và AN CNC. Lực lượng AN kinh tế thuộc công an TP đã phối hợp với các sở, ngành giám sát dòng vốn đầu tư, chuyển giao CN, an toàn hệ thống thông tin tại các khu công nghiệp, khu đô thị thông minh. Tăng cường chia sẻ thông tin cảnh báo AN mạng, bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, hệ thống điều hành đô thị thông minh.

Cơ chế phối hợp này được thực hiện trên nhiều lĩnh vực, cả trong quản lý quy hoạch đất QP, bảo vệ AN mạng, bảo đảm AN năng lượng, quản lý lao động và dân cư, phòng chống tội phạm CN cao, giữ gìn trật tự an toàn giao thông và AN đô thị.

Thứ tư, ban hành và thực thi cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhiệm vụ QP, AN của Thủ đô. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao luôn được Hà Nội coi là một trong những đột phá chiến lược trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, gắn phát triển nguồn nhân lực với nhiệm vụ QP, AN được xem là một định hướng trọng yếu nhằm đảm bảo Thủ đô không chỉ có lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, mà còn có bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và năng lực sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Thành phố đã ban hành cơ chế, chính sách cụ thể và đã triển khai nhiều đề án, chương trình phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với QP, AN, tiêu biểu như Chương trình số 07-CTr/TU (2021-2025) của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi, chất lượng cuộc sống nhân dân Thủ đô”, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm cả QP, AN. Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tập trung vào các ngành CN thông tin, AN mạng, CN QP, quản lý nhà nước và lực lượng vũ trang. Chính sách hỗ trợ học bổng, đào tạo sĩ quan dự bị, bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho cán bộ, sinh viên, doanh nhân, trí thức nhằm xây dựng đội ngũ vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Triển khai đào tạo gắn với nhiệm vụ QP, AN như đẩy mạnh công tác giáo dục QP-AN trong hệ thống giáo dục và đào tạo, nhất là tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề. Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô, Học viện

An ninh nhân dân, Học viện Kỹ thuật Quân sự... được xác định là cơ sở trọng điểm đào tạo nhân lực phục vụ QP, AN. Ngoài ra, TP còn liên kết với các doanh nghiệp QP CNC để đào tạo nhân lực lưỡng dụng, có thể phục vụ cả phát triển kinh tế và nhiệm vụ AN. Ví dụ, Học viện kỹ thuật quân sự phối hợp với Đại học bách khoa Hà Nội và doanh nghiệp CNC trong Khu CNC Hòa Lạc đào tạo kỹ sư CN thông tin, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, vừa phục vụ sản xuất công nghiệp dân sự vừa có khả năng ứng dụng vào lĩnh vực QP.

Xây dựng và sử dụng nhân lực tại chỗ như quy hoạch, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, công chức, viên chức trẻ, đặc biệt trong hệ thống chính trị cơ sở và lực lượng vũ trang địa phương. Nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn về quản lý AN, an toàn đô thị, ứng phó sự cố phi truyền thống (dịch bệnh, AN mạng, biến đổi khí hậu) đã được tổ chức. Ví dụ, đội ngũ cán bộ trẻ, sinh viên, lực lượng dân quân tự vệ, công an cơ sở đã phát huy vai trò quan trọng trong kiểm soát đại dịch Covid-19, bảo đảm AN trật tự và duy trì sản xuất.

Chú trọng yếu tố “kép” trong sử dụng nhân lực. Nhiều ngành kinh tế trọng điểm của Hà Nội như CN thông tin, tài chính, ngân hàng, logistics, công nghiệp CNC được phát triển theo hướng có khả năng phục vụ cả phát triển kinh tế và tăng cường tiềm lực QP, AN. Chính sách phát triển nhân lực lưỡng dụng được thực hiện ở các chương trình hợp tác nghiên cứu, chuyển giao CN giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an Hà Nội và doanh nghiệp QP. Đối với người dân, TP đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục QP-AN, nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc gắn với phát triển KT-XH.

Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực QP, AN, điển hình là chương trình liên kết đào tạo AN mạng với Nhật Bản và Hàn Quốc, đào tạo cán bộ quản lý AN đô thị với các TP đối tác như Xê-un, Mát-xcơ-va,

Pa-ri. Điều này vừa giúp tiếp thu kinh nghiệm, vừa nâng cao trình độ cán bộ, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu bảo vệ Thủ đô trong hội nhập.

Thứ năm, cơ chế chính sách bảo đảm AN chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình phát triển kinh tế. Thành phố đã ban hành và triển khai nhiều chương trình phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn TTATXH, bảo đảm an toàn môi trường đầu tư. Thành ủy Hà Nội đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chương trình công tác về bảo đảm AN chính trị, TTATXH gắn với phát triển kinh tế. Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 04/7/2017 về “Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị ở các địa bàn trọng điểm” là cơ chế chính trị tổ chức bảo đảm giữ vững ổn định chính trị để tập trung phát triển kinh tế.

Đã triển khai các quy chế phối hợp giữa Công an TP với các sở, ngành, quận, huyện trong nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh và các hành vi gây rối AN, trật tự trong quá trình phát triển KT-XH. Ví dụ, trong giải phóng mặt bằng các dự án hạ tầng trọng điểm (đường Vành đai 2, Vành đai 3, Metro Nhỏ - Ga Hà Nội), với cơ chế đối thoại trực tiếp với nhân dân, TP đã bảo đảm tính minh bạch trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hạn chế khiếu kiện, tụ tập đông người.

Thành ủy đã ban hành và thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU (2021-2025) về “Tăng cường công tác QP, AN; đảm bảo TTATXH trong tình hình mới” nhằm phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội gắn với phát triển kinh tế đô thị. Trong đó, chú trọng công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm CNC, tội phạm ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại trong phát triển kinh tế thị trường và hội nhập. Nhờ đó, trong giai đoạn 2015-2023, tội phạm hình sự đã giảm bình quân 6-7%/năm (theo báo cáo của Công an TP Hà Nội).

Thành phố đã chú trọng phòng, chống tội phạm CNC, bảo vệ hệ thống thông tin trọng yếu, xây dựng mô hình “TP an toàn - thông minh” để vừa tăng

cường việc chuyển đổi và phát triển kinh tế số vừa kiểm soát rủi ro AN phi truyền thống. Đối với AN mạng, đã phối hợp với Bộ Công an triển khai các biện pháp phòng chống tấn công mạng, bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu (tài chính, ngân hàng, năng lượng, giao thông thông minh). Ví dụ, năm 2022, Công an TP đã ngăn chặn hơn 500 cuộc tấn công mạng vào hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước. Đối với AN môi trường, UBND TP ban hành Kế hoạch số 200/KH-UBND (2020) về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị mới. Đối với AN dịch bệnh, đã ban hành và thực thi chính sách phòng, chống Covid-19 giai đoạn 2020-2022, đặc biệt với mô hình “vùng xanh an toàn” và hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất an toàn, vừa chống dịch vừa phục hồi kinh tế.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, coi trọng việc lấy ý kiến nhân dân trong các dự án phát triển kinh tế đô thị. Tăng cường “thể trận AN nhân dân” và “thể trận QP toàn dân”, phát huy vai trò của MTTQ, đoàn thể trong giám sát, hòa giải mâu thuẫn phát sinh.

Thứ sáu, cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện. Cơ chế này không chỉ là công cụ quản lý, mà còn là kênh điều chỉnh chính sách quan trọng, giúp Hà Nội gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trong giai đoạn 2015-2025.

Thành ủy, HĐND, UBND TP đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất, gắn với từng lĩnh vực cụ thể như AN chính trị, TTATXH, phát triển công nghiệp đô thị, quản lý đất QP kết hợp kinh tế. Ví dụ, giai đoạn 2016-2020, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã ban hành Chương trình 05-CTr/TU (2016) về “Nâng cao hiệu quả công tác QP-AN, đảm bảo TTATXH trong điều kiện phát triển Thủ đô”, theo đó định kỳ 6 tháng, 1 năm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các quận, huyện, sở ngành. UBND TP đã phối hợp với Bộ Tư lệnh Thủ đô và Công an TP triển

khai cơ chế giám sát liên ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất QP, AN mạng, phòng chống tội phạm ma túy, tội phạm CNC.

Hàng năm, TP đều tiến hành hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề về phát triển kinh tế gắn với QP, AN. Chủ trì các hội nghị này bởi Thành ủy hoặc Hội đồng nhân dân và UBND TP, có sự tham gia của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, để đánh giá những mặt được, chưa được và đề ra định hướng mới. Tham gia vào hoạt động giám sát còn có các cơ quan báo chí, MTTQ và các đoàn thể. Các hội nghị sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm về xây dựng khu vực phòng thủ, kết hợp phát triển KT-XH với QP, AN được tổ chức thực hiện. Năm 2021, Thành ủy Hà Nội tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW (2008) của Bộ Chính trị về xây dựng khu vực phòng thủ; kết quả cho thấy Hà Nội đã hoàn thành việc xây dựng thể trận phòng thủ quân sự kết hợp thể trận AN nhân dân, đồng thời rút ra nhiều bài học trong quản lý phát triển đô thị gắn với bảo vệ AN chính trị. Năm 2023, UBND TP tiến hành sơ kết Chương trình 07-CTr/TU (2021-2025) về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường QP, AN và xây dựng chính quyền điện tử”, nhằm đánh giá hiệu quả chuyển đổi số trong công tác đảm bảo AN mạng, an toàn thông tin phục vụ phát triển kinh tế số (Các kiểm tra, sơ kết, tổng kết tiêu biểu được thống kê ở Phụ lục 1).

Nhờ có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá mà quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN vừa được phát hiện và xử lý kịp thời (ví dụ như tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích đất QP; hay việc tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng đen, tội phạm CNC trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh), vừa bảo đảm tính minh bạch và góp phần rút kinh nghiệm, điều chỉnh những bất cập phát sinh nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phù hợp với thực tiễn. Qua thực tiễn những

hoạt động này, TP Hà Nội tiếp tục kiến nghị với Trung ương ban hành, sửa đổi cơ chế chính sách phù hợp hơn với thực tiễn phát triển và đặc thù Thủ đô.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, kết quả về phát triển kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2025, TP Hà Nội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng về phát triển kinh tế, tạo nền tảng vững chắc cho việc kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN.

Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định: Tốc độ tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm khu vực (GRDP) của Hà Nội bình quân giai đoạn 2015-2019 đạt khoảng 7,4%/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (6,0-6,8%/năm). Sau giai đoạn chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 (2020-2021), kinh tế Hà Nội đã phục hồi nhanh chóng, đạt tăng trưởng 8,96% năm 2022 là mức cao nhất trong nhiều năm, và năm 2025 quy mô kinh tế đạt 948.712 tỷ đồng tương đương với 63 tỷ USD lớn thứ 2 cả nước, tăng trưởng 8,16% là kết quả khá tích cực và đáng ghi nhận (Bảng 3.1).

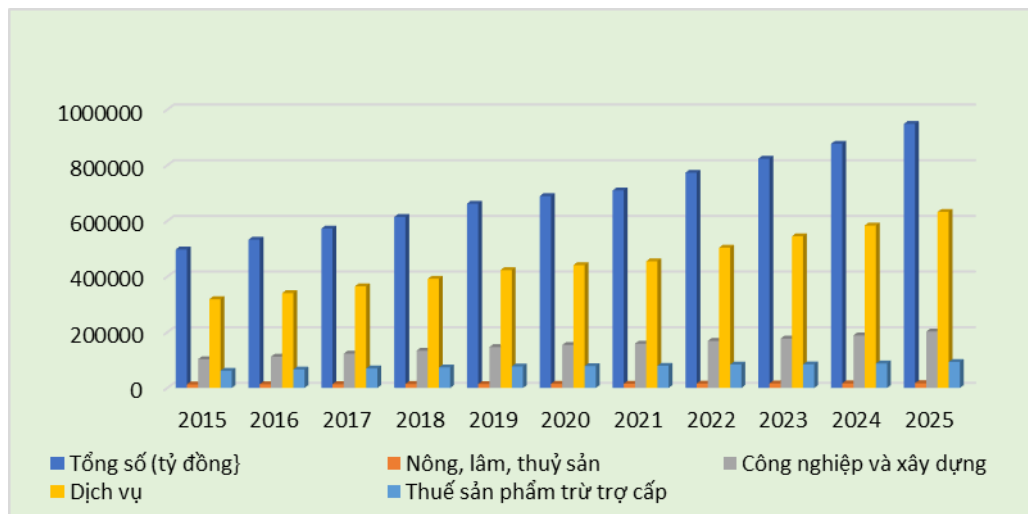
Bảng 3.1. Quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Nội theo giá so sánh giai đoạn 2015-2025

Năm	Quy mô GRDP (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng GRDP (%)
2015	497.473	7,39
2016	533.091	7,16
2017	572.503	7,39
2018	614382	7,32
2019	66.2023	7,75
2020	689.257	4,11
2021	709.492	2,92

2022	773.057	8,96
2023	823.436	6,52
2024	877.138	6,52
2025	948.712	8,16

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, Niên giám thống kê Thành phố Hà Nội 2024, [19, tr.168] và <https://kinhtedothi.vn/>, 08/01/2026.

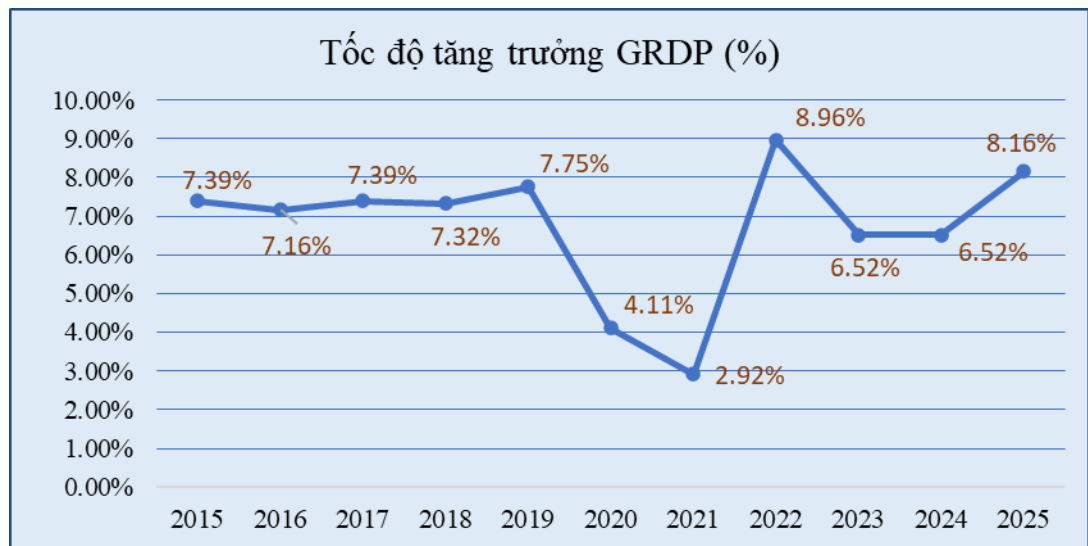
Số liệu năm thống kê cho thấy sự phục hồi vững chắc của nền kinh tế Thủ đô sau giai đoạn khó khăn do đại dịch, đồng thời cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước. Xu hướng tăng trưởng qua các giai đoạn 2015-2024 phản ánh chuyển động kinh tế ổn định của Hà Nội từ mức cao đầu giai đoạn (7,39%) giảm dần đến mức ổn định hơn (7,16% → 6,52%) và tiếp tục tăng trưởng cao ước đạt 8.16% năm 2025 (Hình 3.1).



Hình 3.1. Xu hướng gia tăng quy mô GRDP và các ngành kinh tế của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 - 2025 [19, tr.167]

Nó phản ánh áp lực ngày càng lớn về tăng trưởng trong bối cảnh hội nhập và chuyển dịch mô hình kinh tế. Nếu phân tích theo ngành (dịch vụ, công nghiệp và xây dựng) cho thấy dịch vụ là động lực tăng trưởng chủ yếu,

trong khi công nghiệp và xây dựng cũng duy trì mức tăng cao, đặc biệt giai đoạn 2015-2019; các năm 2020 và 2021 do tác động của đại dịch covid-19 nên mức tăng trưởng bị suy giảm, nhưng từ năm 2022 -2025 tăng trưởng của kinh tế Hà Nội được phục hồi trở lại. Kết quả này thể hiện khả năng chống chịu, thích ứng linh hoạt của nền kinh tế Thủ đô trước những biến động phức tạp trong và ngoài nước, đồng thời khẳng định vị thế trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Hình 3.2 cho thấy kết quả tăng trưởng GRDP của Hà Nội giai đoạn 2015-2025.



**Hình 3.2. Kết quả tăng trưởng kinh tế Thành phố Hà Nội
giai đoạn 2015 - 2025 [19, tr.167]**

Đi liền với tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người của TP Hà Nội năm 2025 ước đạt 179,2 triệu đồng (tương đương khoảng 7 467 USD) theo giá hiện hành lớn gấp hơn 2 lần so với năm 2015 và gấp hơn 70 lần so với năm trước đổi mới (1986). Đây là một chỉ tiêu rất ấn tượng để đánh giá mức sống và năng lực sản xuất trung bình của mỗi người dân Hà Nội trong giai đoạn này.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hợp lý, hiện đại. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm nhanh, từ 2,25% năm 2015, giảm xuống còn 2,09% năm 2024; công nghiệp và xây dựng tăng từ 20,79% năm 2015 lên 22,78% năm

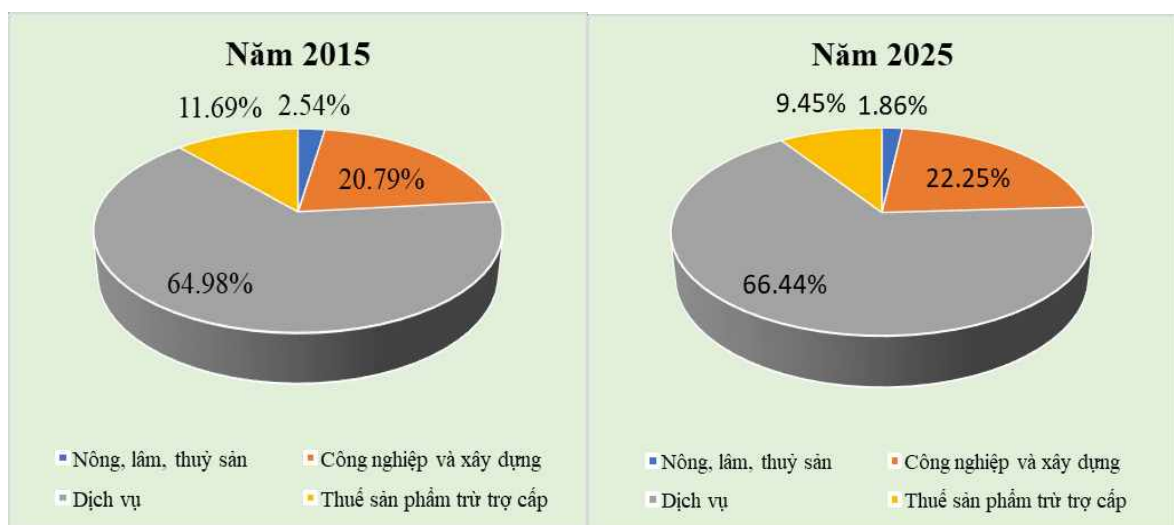
2024; khu vực dịch vụ dao động trong khoảng từ 64,00% trong GRDP của TP, trong đó thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, logistics... đóng vai trò quan trọng. Cơ cấu này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, mà còn tạo điều kiện để phát triển các ngành kinh tế lưỡng dụng, vừa phục vụ dân sinh vừa đáp ứng nhu cầu QP, AN như công nghiệp CNC, công nghiệp cơ khí, điện tử, viễn thông, CN thông tin, logistics (Bảng 3.2)

**Bảng 3.2: Cơ cấu kinh tế ngành của Hà Nội theo giá hiện hành
giai đoạn 2015-2025**

Năm	Nông, lâm nghiệp & thủy sản (%)	Công nghiệp và xây dựng (%)	Dịch vụ (%)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp (%)
2015	2,54	20,79	64,98	11,69
2016	2,49	21,04	64,71	11,76
2017	2,17	21,70	64,45	11,68
2018	2,15	22,28	63,96	11,61
2019	2,01	22,83	62,90	11,26
2020	2,33	23,11	63,45	11,11
2021	2,26	23,45	63,36	11,93
2022	2,09	23,51	63,76	10,64
2023	1,98	23,17	64,89	9,96
2024	1,96	22,79	65,60	9,65
2025	1,86	22,25	66,44	9,45

Nguồn: Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, Niên giám thống kê Thành phố Hà Nội 2024, [24, tr.167] và <https://hanoimoi.vn/>, 03/01/2026.

Từ Bảng 3.2, có mô tả so sánh kết quả chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Hà Nội năm đầu và cuối giai đoạn 2015-2025 tại hình 3.3 dưới đây.



**Hình 3.3. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Hà Nội
năm 2015 và 2025**

Hình thành và phát triển các vùng kinh tế chiến lược: Bước đầu thực hiện đúng Quy hoạch Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Năm 2021, toàn TP đã có 10 khu công nghiệp với diện tích khoảng 1,347 ha, gồm nhiều khu đạt công suất gần 100%. Trong đó, Khu CNC Hòa Lạc thu hút nhiều dự án FDI CNC với ưu đãi thuế và đất đai, là "trái tim công nghệ" của Hà Nội. Từ 2021 đến 2025, TP đã phê duyệt thành lập thêm 5 khu công nghiệp mới (như Khu công nghiệp Sạch Sóc Sơn (quy mô 324 ha), Đông Anh (299,45ha, tổng vốn đầu tư trên 6.338 tỷ đồng), Phú Nghĩa, Phụng Hiệp... với hàng trăm ha diện tích mới. Hạ tầng và kết nối vùng với các tuyến cao tốc quan trọng như Hà Nội - Hải Phòng (2015) cải thiện đáng kể. Hệ thống Vành đai 3 và cao tốc Vành đai 4 đang được triển khai tăng tính liên kết đa hướng cho đô thị và vùng kinh tế ngoại vi. Các đô thị vệ tinh và mô hình phân tầng với định hướng phát triển: Bắc Hà Nội (Đông Anh - Sóc Sơn - Mê Linh), Tây (Hòa Lạc), Nam (Phú Xuyên - Thường Tín) nhằm phân luồng dân cư, giảm tải nội đô. Phát triển các mô hình đô thị chuyên biệt như đô thị sân bay, đô thị KH&CN, đô thị du lịch. Nhờ đó, góp phần tăng cường kết nối vùng, phát triển mô hình đô thị hiện đại, gia tăng sức hấp dẫn FDI trong CNC, đồng thời giữ vai trò không gian sinh tồn, hậu cần, dự trữ lương thực, thực phẩm trong thế trận QP toàn dân..

Hình thành và phát triển các khu vực kinh tế - kỹ thuật gắn yếu tố phòng thủ. Các khu công nghiệp lớn như Bắc Thăng Long, Quang Minh, Sài Đồng, Hòa Lạc được bố trí trên các tuyến hành lang chiến lược, thuận lợi cho tổ chức phòng thủ dân sự và hỗ trợ hậu cần chiến lược khi cần thiết. Khu CNC Hòa Lạc kết hợp sản xuất - nghiên cứu - đào tạo, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ với các dự án có yếu tố nước ngoài, phục vụ chiến lược AN CN.

Phát triển hạ tầng chiến lược phục vụ song hành mục tiêu kinh tế và QP-AN (hạ tầng lưỡng dụng). Các tuyến đường vành đai 3, 4, các cao tốc Hà Nội - Hòa Bình, Hà Nội - Thái Nguyên, sân bay Nội Bài, các cầu vượt sông

Hồng được thiết kế vừa đáp ứng nhu cầu dân sinh vừa có thể phục vụ cơ động quân sự khi có tình huống. Hệ thống đường sắt đô thị, đặc biệt là tuyến Cát Linh - Hà Đông và Nhổn - Ga Hà Nội, không chỉ giảm tải giao thông mà còn tăng cường khả năng ứng cứu, thoát ly đô thị trong tình huống khẩn cấp. Đến nay, mặc dù chưa có thống kê cụ thể về số lượng dự án hạ tầng lưỡng dụng tại Hà Nội giai đoạn 2015-2025, nhưng đã có nhiều dự án hạ tầng lớn của Thủ đô đều mang tính chất lưỡng dụng, phục vụ cả mục tiêu phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN. Việc tích hợp yếu tố QP, AN vào quy hoạch và triển khai các dự án hạ tầng là xu hướng tất yếu, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và an toàn cho Thủ đô trong bối cảnh mới. Bảng 3.3 là một số dự án hạ tầng lưỡng dụng tiêu biểu tại Hà Nội và vùng lân cận đã và đang được xây dựng.

**Bảng 3.3. Thống kê dự án hạ tầng lưỡng dụng tiêu biểu
Hà Nội và vùng lân cận giai đoạn 2015-2025**

STT	Dự án / Công trình	Loại hình	Giai đoạn triển khai / Hoàn thành	Quy mô / Mục tiêu kinh tế - quốc phòng	Ghi chú / Nguồn
1	Cầu Nhật Tân	Cầu và đường giao thông	Hoàn thành 2015	Nâng cao kết nối giao thông đô thị & khu vực sân bay - góp phần phục vụ phòng thủ vùng Thủ đô	Kết nối TT Hà Nội - sân bay Nội Bài, cải thiện logistics quân - dân
2	Mở rộng Nhà ga T2 Sân bay Nội Bài	Cảng hàng không	Hoàn thành giữa 2025	Tăng công suất phục vụ hành khách và hàng hóa; có thể hỗ trợ điều phối lực lượng - vật tư chiến lược khi cần thiết	Dự án khánh thành 2025
3	Sân bay quốc tế Gia	Sân bay lưỡng	Khởi công 2024-2025	Sân bay quốc tế phục vụ dân sự và đóng vai	Sân bay chiến lược kép

	Bình	dụng	(dự kiến hoàn thành 2026-2027)	trò căn cơ chiến lược cho năng lượng vũ trang khu vực Thủ đô	
4	Cầu Ngọc Hồi và đường kết nối Hà Nội - Hưng Yên	Cầu và đường	Khởi công 2025 (hoàn thành dự kiến 2028)	Tăng cường sức mạnh giao thông chiến lược kết nối Hà Nội với tỉnh phía Nam - tăng khả năng phát triển năng lượng và hàng hóa hóa	Gói đầu tư hơn 12.000 VNĐ
5	Hệ thống các cầu mới trên sông Hồng và trục vành đai	Cầu và đường bộ	Quy hoạch 2021-2030 (giai đoạn đầu trong 2015-2025)	Tăng năng lực lưu thông và đảm bảo khả năng luân chuyển dân sự lẫn quân sự vùng Thủ đô	Quy hoạch cầu và các tuyến đường mới
6	Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	Đường cao tốc	Hoàn thành 2014-2018 (sửa chữa mở rộng 2018-2021)	Kết nối kinh tế vùng Bắc Bộ; có thể hỗ trợ vận chuyển thiết bị trang - quân lương khi cần	Đường chiến lược liên vùng

Nguồn: Thu thập của tác giả trên các thông tin chính thức (Phần lớn dự án hạ tầng có thông tin công khai trên các báo/đài hoặc văn bản quy hoạch của ngành GTVT, NN&PTNT, Bộ Quốc phòng, UBND TP Hà Nội, thường không phân biệt rõ pháp lý là “lưỡng dụng” nhưng có thể phân tích theo góc độ chiến lược, khả năng hỗ trợ nhiệm vụ QP, AN).

Trong Bảng 3.3, hệ thống giao thông chiến lược gồm cầu Nhật Tân và hệ thống cầu mới trên sông Hồng gia tăng công suất lưu thông giữa trung tâm và sân bay, trong đó sân bay là cơ sở quan trọng trong các tình huống khẩn

cấp và bảo đảm AN, an toàn quốc gia. Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên hỗ trợ phát triển kinh tế vùng đồng thời có vai trò trong bảo đảm tuyến vận tải nhanh, quyết đoán cho lực lượng hậu cần khi cần thiết. Cơ sở hàng không lưỡng dụng gồm Nhà ga T2 Sân bay Nội Bài tăng hiệu quả vận tải hành khách, hàng hóa đồng thời hỗ trợ khai thác trong khủng hoảng an ninh; và Sân bay quốc tế Gia Bình là ví dụ rõ nhất của cơ sở lưỡng dụng, vừa phục vụ dân sự vừa là căn cứ cho lực lượng quân đội, công an theo định hướng chiến lược khu vực Thủ đô. Kết nối vùng và năng lực phát triển gồm cầu Ngọc Hồi và đường nối Hà Nội - Hưng Yên là dự án tạo “kết cấu chiến lược” mới, mở rộng không chỉ phát triển kinh tế địa phương mà còn tăng khả năng phát triển khai nguồn lực qua khu vực. (Tham khảo thêm ở Phụ lục 2).

Nâng cao hiệu quả hội nhập và liên kết vùng: Trong giai đoạn 2015-2025, Hà Nội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và liên kết vùng Thủ đô. Đã tăng cường hội nhập quốc tế toàn diện, chủ động tận dụng các cam kết từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP... để mở rộng thị trường xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Thu hút FDI gắn với cam kết bảo đảm AN, an toàn cho nhà đầu tư. Đến năm 2023, Hà Nội đứng thứ 2 cả nước về thu hút FDI với tổng vốn đăng ký lũy kế trên 50 tỷ USD, trong đó có nhiều tập đoàn đa quốc gia lớn như Samsung, Honda, Canon, Aeon, LG... lựa chọn làm điểm đến. Năm 2024, Hà Nội thu hút 2,16 tỷ USD FDI (tăng gần 30% so với năm 2023). Năm 2025, Hà Nội thu hút khoảng hơn 4,3 tỷ USD vốn FDI, dẫn đầu cả nước, với mức tăng trưởng ấn tượng nhờ cải thiện môi trường đầu tư, cơ chế chính sách mới nằm trong nhóm địa phương dẫn đầu cả nước. Thành phố thường xuyên tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư quốc tế, Diễn đàn Doanh nghiệp Hà Nội và chương trình “Hà Nội - Đầu tư và phát triển” nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Là một trong 2 cực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. TP Hà Nội đã cùng các địa phương triển khai các quy hoạch liên kết vùng về giao thông, công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Các công trình lớn như đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô, cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2, cao tốc Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Hải Phòng... đã tạo động lực cho kết nối liên vùng. Nhiều chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất - tiêu thụ liên kết Hà Nội với các tỉnh đã hình thành, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, CNC, nông sản sạch.

Liên kết vùng trong du lịch, văn hóa, thương mại, đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh miền núi phía Bắc, duyên hải Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, góp phần hình thành các tuyến du lịch liên vùng như “Qua những miền di sản”, “Hành trình về cội nguồn”. Các chương trình “Tuần hàng nông sản - đặc sản các tỉnh tại Hà Nội” và “Kết nối cung - cầu hàng hóa giữa Hà Nội và các tỉnh, TP” đã trở thành hoạt động thường niên, giúp đưa sản phẩm OCOP và nông sản của các địa phương vào hệ thống phân phối hiện đại tại Hà Nội.

Về hiệu quả trong phối hợp điều tiết và phát triển kinh tế vùng, đã tham gia tích cực vào các hội nghị liên kết vùng do Chính phủ và Bộ ngành chủ trì, góp phần xây dựng các Nghị quyết quan trọng như Nghị quyết số 11-NQ/TW (2022) của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô Hà Nội đến 2030, tầm nhìn 2045; Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Nhờ liên kết vùng, Hà Nội không chỉ khai thác tốt hơn nguồn lực nội tại mà còn lan tỏa động lực phát triển ra các tỉnh xung quanh, góp phần tạo sự cân bằng và phát triển bền vững cho toàn vùng.

Việc nâng cao hiệu quả hội nhập và liên kết vùng đã giúp Hà Nội vừa khẳng định vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, vừa tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế, đồng thời phát huy vị thế đầu tàu phát triển của Thủ đô trong mạng lưới liên kết vùng và khu vực, tạo nên thế

trận KT - QP, AN liên hoàn, gắn kết chặt chẽ giữa trung tâm Thủ đô với các vành đai chiến lược xung quanh.

Hai là, kết quả về đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội. Trong giai đoạn 2015-2025, Hà Nội đã duy trì môi trường AN - TTXH ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân và công tác QP địa phương; lực lượng vũ trang Thủ đô chủ động sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm AN cho hơn 2.000 sự kiện chính trị - văn hoá trong năm 2025 và tổ chức hàng trăm lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho gần 40.000 lượt cán bộ và người dân.

Thành phố đã duy trì môi trường ổn định chính trị - xã hội, không để xảy ra các biến động lớn, đảm bảo AN cho các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng. Lực lượng vũ trang Thủ đô được huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu nghiêm túc, góp phần làm chủ tình hình, sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ QP địa phương. Đã hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm, nâng cao chất lượng công dân nhập ngũ, xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự trong mọi tình huống.

Hà Nội đã chủ động phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong xây dựng thể trận AN nhân dân, QP toàn dân, nâng cao hiệu quả phản ứng trước các tình huống phức tạp. Đã chủ động phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa nhiều âm mưu chống phá, tụ tập đông người, gây rối trật tự công cộng. Công an TP triển khai đồng bộ các kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa, thể thao lớn: Đại hội XIII của Đảng (2021), SEA Games 31 (2022), các hội nghị quốc tế APEC, IPU, WEF ASEAN... Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 80-85%; phong trào “Toàn dân bảo vệ AN Tổ quốc” được mở rộng với hàng ngàn mô hình tự quản ở cơ sở.

Đấu tranh, xử lý có hiệu quả các loại tội phạm và thách thức AN phi truyền thống. Tội phạm hình sự trên địa bàn được kiểm chế, nhiều băng nhóm

tội phạm nguy hiểm bị triệt phá. Thành phố đã chú trọng bảo đảm AN mạng, AN thông tin, nhất là bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia, cơ quan Đảng, Nhà nước, hệ thống ngân hàng, hạ tầng năng lượng. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19, góp phần duy trì ổn định xã hội và phát triển kinh tế. Công tác phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ, bảo đảm trật tự giao thông có chuyển biến tích cực, nhiều công trình trọng điểm đã đưa camera giám sát AN, giao thông thông minh vào sử dụng.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho hàng vạn người dân và cán bộ; đồng thời, thông qua các hoạt động văn hoá, triển lãm để nâng cao nhận thức bảo vệ Tổ quốc trong cộng đồng. (Tham khảo Phụ lục 3 và 4).

Bảng 3.4 dưới đây cho thấy các kết quả chủ yếu trong đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2015-2025 (Tham khảo thêm ở Phụ lục 5)

**Bảng 3.4. Kết quả đạt được về quốc phòng, an ninh
của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2025**

Năm/Giai đoạn	Kết quả nổi bật	Nguồn dẫn
2015-2020	Phong trào thi đua “Vì AN Tổ quốc” được triển khai rộng khắp, bám sát nhiệm vụ giữ gìn AN chính trị, TTATXH trên địa bàn Hà Nội; nhiều cá nhân và tập thể được biểu dương, tôn vinh.	Báo điện tử <i>An ninh Thủ đô</i> tổng kết phong trào “Vì AN Tổ quốc” giai đoạn 2015-2020.
2020-2025	Phát động và tiếp tục phong trào thi đua “Vì AN Tổ quốc” giai đoạn mới, định hướng công tác bảo đảm AN - trật tự kết hợp củng cố QP địa phương trong bối cảnh phát triển KT-XH..	Báo <i>An ninh Thủ đô</i> thông tin phát động phong trào thi đua cho giai đoạn 2020-2025.
2025	Giữ vững AN quốc gia và TTATXH, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; điều phối bảo đảm an toàn tuyệt đối hơn 2.000 sự kiện chính trị, văn hoá, đối ngoại trong năm, tạo môi	Tổng kết công tác QP địa phương Hà Nội năm 2025.

Năm/Giai đoạn	Kết quả nổi bật	Nguồn dẫn
	trường ổn định cho phát triển KT-XH Thủ đô.	
2025	Lực lượng vũ trang Thủ đô duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, tổ chức 191 ngày trực, huy động hơn 871.000 lượt cán bộ chiến sĩ, phối hợp bảo đảm AN cho các mục tiêu trọng yếu.	Tổng kết thực hiện nhiệm vụ quân sự, QP năm 2025.
2025	Hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, bàn giao hơn 4.400 thanh niên cho Quân đội và Công an nhân dân; chất lượng tuyển quân được nâng cao, góp phần củng cố lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ.	Tổng kết công tác QP địa phương Hà Nội năm 2025.
2025	Tổ chức 338 lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho gần 40.000 lượt đối tượng, vượt 105% kế hoạch đề ra, nâng cao nhận thức và năng lực xử lý tình huống AN-QP tại cơ sở.	Báo <i>Người Hà Nội</i> về kết quả triển khai công tác QP địa phương năm 2025.
2025	Công an Thành phố Hà Nội ghi dấu 10 kết quả nổi bật đáng chú ý, gồm bảo đảm AN chính trị - TTAT, bảo vệ các sự kiện lớn, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác bảo đảm AN.	Báo <i>Vietnam.vn</i> công bố 10 dấu ấn công an Hà Nội năm 2025
2025	Tổ chức nhiều hoạt động, phát triển phòng trưng bày lịch sử và biểu dương lực lượng như “Công an nhân dân Việt Nam - 80 năm vì một cuộc sống hòa bình” tăng cường mạnh mẽ nhận thức bảo vệ AN, trật tự trong cộng đồng.	Tin từ Bộ Công an và Sở Văn hoá Hà Nội.

Ba là, kết quả về kết hợp phát triển KT với đảm bảo QP, AN. Trong giai đoạn 2015-2025, lãnh đạo TP Hà Nội đã quán triệt hiệu quả quan điểm "kết hợp phát triển KT-XH với củng cố QP-AN", thể hiện qua các chính sách quy hoạch, củng cố lực lượng vũ trang, tăng cường giáo dục QP-AN cho quần chúng, và phát triển hạ tầng chiến lược lưỡng dụng. Những nỗ lực này giúp Hà Nội duy trì ổn định chính trị - xã hội, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, đồng thời đảm bảo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Nổi bật là: (1) *Hoàn thiện khung quy hoạch, chính sách lồng ghép QP, AN với phát triển kinh tế.* Đã ban hành và triển khai các chiến lược, quy hoạch mang tính tổng thể, trong đó chú trọng tích hợp yêu cầu AN, QP vào quy hoạch phát triển. Trong "Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050" [74] nêu rõ quan điểm phát triển phải phù hợp với chiến lược quốc gia, đồng thời bảo đảm các yêu cầu AN, an toàn cho Thủ đô. Quan điểm này được cụ thể hoá trong "Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025" [46]. Những văn kiện này đặt nền tảng pháp lý và định hướng để các dự án đầu tư, quy hoạch ngành, quy hoạch không gian đô thị tính tới yêu cầu AN và phục vụ huy động khi cần thiết. (2) *Phát triển hạ tầng "lưỡng dụng" và củng cố năng lực hậu cần logistics.* Thành phố đã đầu tư và đưa vào khai thác các công giao thông chiến lược như vành đai 3, vành đai 4, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai; nâng cấp các cảng ICD, kho bãi, trung tâm dữ liệu và hạ tầng năng lượng và một số hạ tầng hàng không. Đây là những công trình vừa tăng cường tăng trưởng kinh tế, vừa có thể đảm nhiệm chức năng huy động, hậu cần cho nhiệm vụ QP, AN khi cần. Sự gia tăng đầu tư công và thu hút FDI của Hà Nội trong giai đoạn gần đây đã góp phần nâng cao năng lực này. Báo cáo KT-XH Hà Nội 2024 ghi nhận vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng mạnh; vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng đột biến, tạo nguồn lực cho hạ tầng chiến lược [19]. Các công trình này không chỉ đóng vai trò tăng cường liên kết kinh

tế vùng, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ động lực lượng và phương tiện khi có yêu cầu về QP, AN [85]. (3) *Phát triển công nghiệp CNC gắn với QP và xây dựng đô thị thông minh*. Hà Nội đã tập trung xây dựng và đưa vào hoạt động Khu CNC Hòa Lạc, đồng thời phát triển mạnh các doanh nghiệp CN QP-AN như Viettel, Hanel, VNPT, MobiFone. Những doanh nghiệp này vừa tăng cường phát triển kinh tế số, vừa đóng góp quan trọng cho công nghiệp QP trong các lĩnh vực then chốt như AN mạng, viễn thông, radar và vũ trụ [9]. Đẩy mạnh phát triển các ngành CNC, đổi mới sáng tạo, tiêu biểu là dự án phát triển Khu CNC Hòa Lạc thành “đô thị KH và CN”, thu hút các dự án sản xuất thiết bị điện-điện tử, trung tâm dữ liệu... [114]. Những ngành này có tính “lương dụng” cao vừa có thể ứng dụng cho dân sự và vừa có thể phục vụ nhu cầu QP, kỹ thuật. Đã triển khai Đề án TP. thông minh giai đoạn 2018-2025, thành lập Trung tâm điều hành AN, hệ thống camera giám sát đô thị và ứng dụng dữ liệu lớn (big data) trong quản lý [83]...

Những điểm nhấn chiến lược gồm: (1) Đã quán triệt và triển khai thực hiện đường lối kết hợp phát triển KT-XH với bảo đảm QP-AN vừa tạo được động lực tăng trưởng vừa củng cố năng lực bảo vệ Tổ quốc ở khu vực trọng yếu của Thủ đô; (2) Các chỉ tiêu tuyển quân, huấn luyện, tổ chức trực chiến và diễn tập khu vực phòng thủ luôn đi kèm với việc phát triển KT-XH nhằm nâng cao tiềm lực QP và khả năng ứng phó với các tình huống phức tạp; và (3) Việc mở rộng và quy hoạch hạ tầng (sân bay, giao thông chiến lược) không chỉ tăng cường phát triển kinh tế mà còn tạo đà cho việc huy động lực lượng, vận tải hậu cần, đảm bảo AN-QP trong những tình huống khó khăn. (Kết quả tiêu biểu được tổng hợp trong Phụ lục 6)

Bốn là, góp phần giữ vững AN chính trị, trật tự an toàn xã hội của Thủ đô. Trong giai đoạn 2015-2025, việc kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững AN chính trị, trật tự

an toàn xã hội của Thủ đô. Kết quả nổi bật: (i) *Đảm bảo ổn định chính trị và AN quốc gia trên địa bàn Thủ đô*. Việc gắn phát triển kinh tế với QP-AN đã giúp TP xây dựng thể trận QP toàn dân và AN nhân dân vững chắc, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong bảo đảm AN chính trị. Nhiều sự kiện quốc tế lớn được tổ chức thành công, như Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều (2019), các kỳ họp quan trọng của ASEAN, AIPA, SEA Games 31 (2022)...., khẳng định kết quả đảm bảo ổn định chính trị và AN quốc gia trên địa bàn Thủ đô trong cuộc sống của người dân và trong con mắt bạn bè quốc tế [3].

(ii) *Kiểm soát hiệu quả tình hình AN, trật tự và phòng chống tội phạm*. Hà Nội đã triển khai nhiều biện pháp kết hợp phát triển hạ tầng đô thị thông minh với CN giám sát AN, như hệ thống camera giám sát giao thông, trung tâm điều hành AN đô thị. Các chương trình đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, tín dụng đen, tội phạm CN cao đạt nhiều kết quả tích cực. Theo số liệu của Công an TP. Hà Nội, trong giai đoạn 2015-2023, tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự đạt trên 75%, nhiều năm liên tiếp cao hơn mức trung bình cả nước [15]. (Tham khảo thêm ở Phụ lục 1)

(iii) *Đảm bảo TTATXH và giảm thiểu rủi ro AN phi truyền thống*. Kết quả của sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN còn thể hiện ở việc tăng cường AN đô thị, bảo vệ môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn cho doanh nghiệp và người dân. Trong giai đoạn 2015-2025, Hà Nội đã kiểm soát thành công nhiều tình huống phức tạp liên quan đến tụ tập đông người, khiếu kiện vượt cấp, không để xảy ra điểm nóng về AN trật tự kéo dài. Thành phố cũng ứng phó hiệu quả với thách thức AN phi truyền thống, như phòng chống dịch Covid-19 (2020-2022), bảo đảm duy trì hoạt động KT-XH ổn định, giữ vững an toàn sức khỏe cộng đồng [88].

(iv) *Củng cố niềm tin của nhân dân, tạo nền tảng phát triển bền vững*. Kết quả tổng hợp phản ánh tiến bộ trong giáo dục, y tế, thu nhập và điều kiện

sống của người dân đó bằng chỉ số phát triển con người (HDI). Theo UNDP, HDI của Việt Nam năm 2023 đạt mức 0.766, thuộc nhóm “phát triển con người cao”, đạt thứ hạng 93/193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo dữ liệu năm 2022, Hà Nội đạt 0.818, thuộc nhóm HDI rất cao tại cấp tỉnh/TP trong cả nước. Mức sống và điều kiện phát triển con người tại Hà Nội vượt xa mức trung bình quốc gia, phản ánh qua HDI vùng (0.818 so với 0.766 quốc gia năm 2022). Giai đoạn 2015-2025 có sự tiến bộ rõ rệt về giáo dục, y tế, thu nhập tại Hà Nội được phản ánh gián tiếp qua bức tranh HDI bền vững và tăng trưởng của cả nước, đặc biệt là Thủ đô dẫn đầu về chỉ số phát triển con người. Sự gia tăng HDI quốc gia và vị thế cao của Hà Nội cho thấy TP đã thành công trong cải thiện chất lượng sống, tạo môi trường phát triển thân thiện với người dân và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN.

Thành quả của việc gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN còn củng cố niềm tin của người dân Thủ đô đối với chính quyền, đó là sự đồng thuận xã hội cao, môi trường chính trị ổn định, góp phần quan trọng tạo điều kiện cho Hà Nội thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (Phụ lục 5).

3.3.2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Hà Nội giai đoạn 2015-2025

3.3.2.1. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2015-2025 còn bộc lộ những hạn chế, bất cập sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa được như kỳ vọng, quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch QP, AN chưa thực sự đồng bộ. Tuy Hà Nội đã từng đạt tăng trưởng GRDP 8% trở lên (năm 2015, 2017 và gần đây nhất là năm 2022 tăng trưởng kinh tế 8,29%), nhưng bình quân giai đoạn

2015-2024 có xu hướng giảm dần, trung bình giai đoạn 2011-2015 đạt 7,35%, nhưng 2016-2020 là 7% và 2021-2024 là 6,44% [48].

Mặc dù Hà Nội đã triển khai quy hoạch Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và các quy hoạch chuyên ngành, nhưng sự gắn kết giữa phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật với thể trận QP toàn dân, AN nhân dân còn hạn chế. Còn có sự chồng lấn giữa quy hoạch phát triển đô thị và yêu cầu an toàn - phòng thủ tự nhiên (đê điều, phòng chống lũ). Nhiều nội dung quy hoạch đô thị hai bên sông còn chưa phù hợp với Quy hoạch phòng chống lũ và Luật Đê điều, buộc phải rà soát, điều chỉnh; đây là điểm nghẽn cho các dự án không gian ven sông gắn với yêu cầu an toàn - AN đô thị. Phân tích của Trần Huy Ánh, Ủy viên thường vụ Hội Kiến trúc sư Hà Nội: “về quy hoạch nhiều nhưng nhiều nội dung chưa thực hiện được... quy hoạch đô thị bên sông chưa phù hợp Quy hoạch Phòng chống lũ và Luật Đê điều” và dữ liệu bản đồ địa chính chưa đủ tin cậy để lập quy hoạch đồng bộ [1]. Hệ thống dữ liệu, bản đồ nền và công cụ tích hợp còn yếu, gây khó cho tích hợp mục tiêu QP, AN. Thiếu GIS và CSDL không gian thống nhất để kết nối quy hoạch sử dụng đất, không gian ngầm, hạ tầng lương dụng (gắn phát triển kinh tế với yêu cầu AN-QP); thông tin “chưa tích hợp đồng bộ để phục vụ các nghiệp vụ quản lý hay lập trình phát triển”. Đây là hạn chế chính vì quy hoạch QP, AN về thể trận, công trình trọng yếu và hành lang AN, cần dựa trên dữ liệu chuẩn hóa, cập nhật theo thời gian thực [1].

Tiến độ, quy trình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch còn chậm và phân mảnh sau khi Luật Quy hoạch có hiệu lực. Giám sát tối cao của Quốc hội về công tác quy hoạch chỉ ra tồn tại, hạn chế chung là chậm tiến độ, vướng mắc trong lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, cần “đẩy nhanh tiến độ... nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện”. Tình trạng này làm đứt gãy tính liên thông giữa quy hoạch KT-XH, đất đai, đô thị với

các yêu cầu QP, AN ở địa phương trọng yếu như Hà Nội; chậm trễ, phân mảnh thủ tục quy hoạch làm giảm tính dự báo và đồng bộ, kéo theo rủi ro “thiết kế lại” khi đưa vào thẩm định QP-AN, làm tăng chi phí điều chỉnh, chậm hiện thực hóa các dự án chiến lược [93].

Còn tồn tại “khoảng trống” phối hợp giữa quy hoạch khu vực phòng thủ và phát triển KT-XH vẫn tồn tại ở mức độ nhất định, cần cơ chế liên thông ràng buộc hơn giữa Sở ngành địa phương và cơ quan QP-AN. Nhu cầu “gắn chặt” quy hoạch khu vực phòng thủ (QP) với quy hoạch phát triển KT-XH vẫn được nhấn mạnh như một nhiệm vụ phải làm. Điều này đòi hỏi các cơ quan Trung ương còn phải tiếp tục nhắc lại nhiệm vụ liên kết, hàm ý mức độ đồng bộ trên thực tế chưa đạt kỳ vọng [42].

Tình trạng phải “chỉnh sửa, bổ sung” sớm sau công bố quy hoạch tổng thể chưa được khắc phục. Sau khi phê duyệt, ban hành các đồ án lớn, TP. vẫn phải nhanh chóng cụ thể hóa, rà soát lập mới, điều chỉnh nhiều lớp quy hoạch (không gian ngầm, hạ tầng kỹ thuật, phân khu...), phản ánh tính ổn định và liên kết chiều ngang, chiều dọc của hệ thống quy hoạch còn hạn chế, bất cập gây khó cho lồng ghép các tiêu chí QP, AN một cách nhất quán [39].

Thứ hai, hiệu quả kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng còn thấp. Mặc dù là nơi tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp CN cao, song việc chuyển giao CN lưỡng dụng giữa khu vực QP và dân sự của Hà Nội còn hạn chế. Một trong những hạn chế nổi bật trong giai đoạn 2015-2024 là thành tựu kết hợp giữa công nghiệp QP và công nghiệp dân dụng chưa đạt như kỳ vọng. Mặc dù trên địa bàn Thủ đô tập trung nhiều cơ sở công nghiệp QP quan trọng (như các nhà máy Z111, Z113, Z199, một số đơn vị thuộc Tổng cục Công nghiệp QP và Bộ Tư lệnh Thủ đô), và là nơi tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp CNC, nhưng việc chuyển giao CN lưỡng dụng giữa khu vực QP và dân sự,

việc gắn kết với sản xuất dân dụng và tham gia vào chuỗi giá trị công nghiệp địa phương, khu vực vẫn còn hạn chế. Cụ thể là:

Công nghiệp QP vẫn hoạt động theo cơ chế khép kín, thiếu liên kết dân sự - kinh tế [142]. Hà Nội cũng như cả nước vẫn thiếu một cơ chế kiểm soát chiến lược đối với hàng hóa, thiết bị "lưỡng dụng" có thể phục vụ cả mục tiêu dân sự và QP. Việc thiếu kiểm soát này khiến ngành không thể tận dụng tối đa tiềm năng chuyển đổi giữa hai lĩnh vực và tiềm ẩn các rủi ro AN [137].

Tỷ trọng đóng góp kinh tế chưa tương xứng, các doanh nghiệp công nghiệp QP ở Hà Nội chủ yếu vẫn tập trung vào sản xuất vũ khí, khí tài, ít tham gia vào thị trường hàng hóa dân dụng có giá trị gia tăng cao. Theo Báo cáo của Bộ Quốc phòng (2020), tỷ trọng sản phẩm dân dụng chỉ chiếm khoảng 25-30% giá trị sản xuất công nghiệp QP, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 50% đề ra trong Chiến lược phát triển QP Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [5]. Thiếu sự lan tỏa CN như các CNC trong công nghiệp QP (cơ khí chính xác, vật liệu mới, điện tử - viễn thông quân sự) vẫn chưa được chuyển giao hiệu quả sang khu vực sản xuất dân dụng tại Hà Nội. Điều này làm hạn chế khả năng nâng cấp chuỗi sản xuất và đóng góp vào phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của Thủ đô.

Hạn chế trong huy động nguồn lực xã hội. Sự gắn kết giữa doanh nghiệp QP và doanh nghiệp tư nhân tại Hà Nội còn rời rạc, thiếu cơ chế đồng bộ về vốn, chia sẻ CN, và thị trường tiêu thụ. Một số dự án hợp tác lưỡng dụng bị chậm tiến độ do vướng mắc về thủ tục hành chính và cơ chế quản lý tài sản QP [6]. (Tham khảo thêm ở Phụ lục 7)

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, các sản phẩm công nghiệp QP chuyển hướng sang dân dụng của Hà Nội chưa đủ sức cạnh tranh về mẫu mã, chất lượng và giá thành so với các sản phẩm nhập khẩu, nên còn đối mặt với thách thức trong hội nhập. Hệ quả là, mặc dù đã có một số bước tiến nhất

định (như sản xuất CN thông tin, thiết bị quang học, cơ khí chính xác phục vụ cả quân sự và dân sự), song hiệu quả kết hợp giữa công nghiệp QP và dân dụng tại Hà Nội chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho phát triển KT-XH của Thủ đô cũng như chưa phát huy tối đa tiềm lực QP trong điều kiện mới.

Thứ ba, bất cập trong bảo đảm AN phi truyền thống gắn với phát triển kinh tế đô thị. Trong giai đoạn 2015-2025, cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và mở rộng đô thị nhanh chóng, tuy đã đạt được một số kết quả tích cực, nhưng Hà Nội vẫn phải đối mặt với không ít thách thức về AN phi truyền thống, nổi bật ở các lĩnh vực môi trường, AN năng lượng, AN mạng, dịch bệnh và quản lý dân cư. Đó là:

Tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và rủi ro về sức khỏe cộng đồng, Hà Nội liên tục nằm trong nhóm các TP. ô nhiễm không khí cao nhất khu vực Đông Nam Á. Theo Báo cáo của Trung tâm Quan trắc môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường), chỉ số AQI tại Hà Nội nhiều thời điểm vượt ngưỡng khuyến cáo của WHO, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân, đặc biệt là nhóm lao động trong các khu công nghiệp, xây dựng và dịch vụ [12]. Điều này cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa quy hoạch phát triển công nghiệp, giao thông với chiến lược bảo đảm AN môi trường đô thị.

Thách thức trong bảo đảm AN năng lượng và hạ tầng kỹ thuật. Tuy tốc độ đô thị hóa và mở rộng khu công nghiệp làm gia tăng mạnh nhu cầu điện, nước, giao thông thông minh, nhưng hạ tầng năng lượng của Hà Nội chưa được quy hoạch gắn kết đầy đủ với các yêu cầu bảo đảm AN-QP. Một số khu vực ngoại thành vẫn thiếu ổn định về nguồn cung điện cho sản xuất; nguy cơ mất an toàn hệ thống điện và cấp thoát nước khi xảy ra sự cố hoặc tình huống khẩn cấp còn cao [80].

Còn rủi ro từ AN mạng và AN thông tin. Theo các báo cáo tại Hội thảo - Triển lãm quốc tế Ngày an toàn thông tin Việt Nam 2022 chủ đề: “Chung

tay bảo vệ người dân và doanh nghiệp chuyển đổi số an toàn” do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA) tổ chức khai mạc ngày 24/11/2022, thì còn nhiều vụ tấn công mạng nhằm vào hệ thống dữ liệu quản lý hành chính, giao dịch thương mại điện tử và các trường đại học, doanh nghiệp CN trên địa bàn. Các sự cố AN mạng tại một số cơ quan hành chính và doanh nghiệp lớn ở Hà Nội thời gian qua cho thấy tính dễ tổn thương trước nguy cơ chiến tranh mạng, khủng bố mạng. Đây là mối đe dọa trực tiếp đến AN phi truyền thống, nếu chưa thật kết hợp chặt chẽ giữa bảo mật CN và phát triển kinh tế đô thị.

Bất cập trong AN y tế đô thị và khả năng chống đỡ trước đại dịch. Dù Hà Nội có nhiều nỗ lực ứng phó Covid-19 (chính sách cách ly, y tế dự phòng, phục hồi kinh tế), nhưng khả năng ứng phó còn hạn trong việc kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo đảm AN y tế; vẫn còn kẽ hở trong hệ thống giám sát dịch tễ, chuỗi cung ứng y tế địa phương và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ trong khủng hoảng [123]. Điều này làm giảm khả năng duy trì hoạt động kinh tế liên tục trong các cú sốc y tế tương lai.

Sức ép từ quản lý dân cư và di cư cơ học: Quá trình phát triển kinh tế đô thị kéo theo tình trạng gia tăng dân số cơ học. Chỉ riêng giai đoạn 2020-2023, tốc độ gia tăng dân số cơ học bình quân của Hà Nội ở mức 1,4%/năm; mật độ dân số hiện nay trên địa bàn TP khoảng 2.398 người/km², cao gấp 8,2 lần so mật độ dân số trung bình cả nước, nếu chỉ tính tại các quận nội thành còn cao hơn nhiều. Tình trạng này đã gây áp lực cho bảo đảm AN trật tự, quản lý xã hội, và hạ tầng AN đô thị [78, tr 103]. Việc quy hoạch chưa tính toán đầy đủ đến yếu tố di cư đã làm giảm hiệu quả trong gắn kết phát triển kinh tế với bảo đảm AN phi truyền thống.

3.3.2.2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, bất cập trong gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2015-2025 bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân

khách quan và chủ quan, trong đó chủ yếu xuất phát từ thể chế, cơ chế phối hợp, nguồn lực, năng lực dự báo, và yếu tố con người.

Thứ nhất, việc thể chế hóa chủ trương, chính sách còn chậm và thiếu đồng bộ. Mặc dù các nghị quyết lớn của Đảng đã khẳng định rõ quan điểm phát triển kinh tế phải gắn với củng cố QP và AN, nhưng hệ thống văn bản dưới luật, quy định cụ thể ở cấp bộ, ngành và địa phương triển khai còn thiếu sự nhất quán. Ví dụ, còn có khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, như: có các cách hiểu khác nhau về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch năm 2017, gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; không quy định mối quan hệ giữa loại quy hoạch với các quy hoạch khác thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia dẫn đến các cách hiểu khác nhau về vai trò, vị trí của loại quy hoạch này, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch và gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện các quy hoạch... [10] Tình trạng này dẫn đến nhiều địa phương, trong đó có Hà Nội, chưa tích hợp đầy đủ quy hoạch QP, AN vào quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH theo Luật Quy hoạch, dẫn đến tình trạng “quy hoạch chạy theo ngành” và chưa đồng bộ. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế trong việc gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN ở Hà Nội giai đoạn 2015-2025.

Thiếu khung pháp lý và chính sách tương ứng để gắn kết chặt chẽ giữa bảo đảm AN phi truyền thống trong các lĩnh vực mới nổi như AN mạng, AN tài chính, tiền tệ, AN năng lượng, AN lương thực, AN môi trường, AN y tế, dân số, dịch bệnh; tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố... để gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế đô thị [67], [44]. Ví dụ, trong giai đoạn 2015-2020, Hà Nội triển khai một số dự án hạ tầng trọng điểm (như đường Vành

đai 3, Vành đai 4, mở rộng sân bay Nội Bài), nhưng việc gắn với yêu cầu về phòng thủ dân sự, khu vực phòng thủ chưa được quy định rõ trong các văn bản hướng dẫn, dẫn đến việc điều chỉnh nhiều lần khi có yêu cầu từ Bộ Quốc phòng [84]. Điều này khiến việc quản lý các rủi ro AN phi truyền thống ở các khu CNC, khu đô thị thông minh chưa thực sự hiệu quả.

Thứ hai, cơ chế phối hợp liên ngành còn hạn chế, bất cập, thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả. Sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở ngành kinh tế và lực lượng quân sự, công an, giữa các cơ quan quản lý nhà nước của TP, các bộ ngành Trung ương và lực lượng vũ trang trong quá trình xây dựng và triển khai quy hoạch còn hạn chế. Sự phối hợp nhiều khi mới chỉ dừng ở mức lồng ghép hình thức trong văn kiện hoặc dự án, mà chưa trở thành một quy trình chuẩn hóa và liên thông. Quy hoạch phát triển KT-XH chưa được gắn kết chặt chẽ với quy hoạch QP, AN, dẫn đến tình trạng “song song” hơn là “tích hợp”. Một số quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu CNC chưa tính đầy đủ yếu tố QP, như bố trí hạ tầng lương dụng, hành lang phòng thủ hay bảo đảm AN năng lượng, AN thông tin [84]. Điều này khiến việc triển khai nhiều chương trình (như quy hoạch hạ tầng giao thông lương dụng, khu công nghiệp CNC kết hợp phục vụ QP) bị chậm tiến độ hoặc chưa đạt kết quả mong muốn. Việc lồng ghép mục tiêu QP, AN vào các dự án đầu tư hạ tầng còn mang tính hình thức, chưa có tiêu chí cụ thể để giám sát, đánh giá [5]. Cơ chế, chính sách chưa thực sự khuyến khích doanh nghiệp QP tham gia sâu vào thị trường dân sự, cũng như chưa có chính sách ưu đãi đủ mạnh để doanh nghiệp dân sự đầu tư vào các lĩnh vực có tính lương dụng [4]. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp QP Việt Nam còn đang đối mặt với nhiều rào cản trong việc hợp tác với lĩnh vực dân sự. Thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng để khuyến khích các liên kết, hạn chế trong công tác chuyển giao CN và thiếu nguồn lực đầu tư để phát triển các sản phẩm đa dụng. Đây là nguyên nhân

khiến hiệu quả kinh tế của công nghiệp QP chưa được tối ưu hóa, trong khi khả năng đóng góp vào phát triển công nghiệp dân dụng vẫn còn rất hạn chế. Thêm vào đó, phần lớn doanh nghiệp QP có quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực CN, tài chính còn hạn chế, nên cũng khó chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm CN cao trong dân sự [142].

Thứ ba, nguồn lực đầu tư cho kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN còn hạn chế về quy mô và chưa được phân bổ tập trung, còn dàn trải. Do là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của cả nước, đồng thời phải bảo đảm đầu tư cho nhiều lĩnh vực như giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, an sinh xã hội, nên Hà Nội phải chịu nhiều áp lực về ngân sách cho đầu tư. Bội chi ngân sách địa phương của TP còn ở mức cao: Báo cáo ngân sách địa phương cho thấy năm 2021 là 807,2 tỷ đồng, năm 2022: 448,7 tỷ đồng, năm 2023: 728,7 tỷ đồng và năm 2024 là 1.176,3 tỷ đồng; chi thường xuyên của Hà Nội vẫn chiếm tỷ trọng 50% tổng chi ngân sách, làm giảm dư địa cho chi đầu tư phát triển [11]. Điều này dẫn đến việc dành ngân sách cho các dự án vừa phục vụ phát triển kinh tế vừa có tính lưỡng dụng cho QP, AN còn hạn chế.

Nguồn lực xã hội hóa cho kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN còn hạn chế. Dù Hà Nội đã thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước. Tuy là TP luôn đứng đầu trong cả nước về thu hút vốn FDI (đến cuối năm 2022, đã thu hút mới trên 4.500 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 33 tỷ USD, riêng năm 2022 vốn FDI đăng ký 1,69 tỷ USD), nhưng tỷ lệ các dự án gắn với yêu cầu QP, AN (như CN lưỡng dụng, hạ tầng AN mạng, trung tâm dữ liệu) còn thấp [18]. Doanh nghiệp thường ưu tiên lợi nhuận kinh tế thuần túy, ít quan tâm đến yếu tố AN, dẫn đến thiếu sự đồng bộ.

Sự phân tán trong cơ chế phân bổ và phối hợp nguồn vốn. Các chương trình, dự án phát triển KT-XH và chương trình, dự án QP, AN phần lớn được

xây dựng, thẩm định, triển khai bởi các cơ quan khác nhau (UBND TP Hà Nội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), khiến cho việc phối hợp bố trí nguồn vốn thiếu tính tập trung, còn tình trạng chồng chéo. Báo cáo giám sát của Quốc hội (2022) cũng chỉ ra hạn chế trong lồng ghép nguồn lực giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án phát triển đô thị gắn với QP, AN [66].

Thách thức khách quan từ dịch bệnh và biến động kinh tế quốc tế. Đại dịch Covid-19 (2020-2021) buộc Hà Nội phải ưu tiên nguồn lực cho chống dịch và an sinh xã hội, dẫn tới giãn hoãn nhiều dự án hạ tầng trọng điểm, trong đó có các công trình có tính lưỡng dụng. Đồng thời, biến động giá cả, lãi suất và áp lực nợ công làm tăng chi phí đầu tư, hạn chế khả năng bố trí vốn cho các dự án kết hợp kinh tế với QP.

Tóm lại, nguồn lực đầu tư cho kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN không chỉ hạn hẹp mà còn phân tán vừa do áp lực ngân sách, vừa do cơ chế huy động và phối hợp nguồn vốn chưa đồng bộ, lại chịu tác động từ yếu tố khách quan, dẫn đến hiệu quả kết hợp chưa cao.

Thứ tư, hạn chế trong quản lý đô thị và ứng phó với các vấn đề AN phi truyền thống. Sự phát triển nhanh của đô thị hóa, kinh tế số, và các dịch vụ tài chính, thương mại kéo theo nhiều nguy cơ về AN mạng, AN năng lượng, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh... Tuy nhiên, công tác quản lý đô thị còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa và phát triển KT-XH. Hiện nay, Hà Nội có tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50,4% (năm 2023), cao hơn mức bình quân cả nước (42,3%) nhưng chưa đồng đều giữa các khu vực; quản lý dân số, phát triển theo mô hình chùm đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông còn chậm, chưa giải tỏa được áp lực về giao thông, cải tạo, tái thiết đô thị còn chưa huy động mạnh nguồn lực xã hội dẫn đến tình trạng quá tải hạ tầng ở khu vực trung tâm, trong khi các vùng ven đô và ngoại thành còn nhiều tiềm năng chưa khai thác tốt [40]. Điều này làm tăng áp lực lên hệ thống hạ tầng

giao thông, y tế, môi trường, ảnh hưởng đến chất lượng AN con người và năng lực ứng phó khi xảy ra sự cố.

Đến nay, Việt Nam vẫn thiếu một cơ chế kiểm soát chiến lược đối với hàng hóa, thiết bị "lưỡng dụng" có thể phục vụ cả mục tiêu dân sự và QP. Điều này, khiến ngành sản xuất không thể tận dụng tối đa tiềm năng chuyển đổi giữa hai lĩnh vực, đồng thời cũng tiềm ẩn các rủi ro AN.

Khả năng ứng phó với các thách thức AN phi truyền thống như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh và AN mạng còn hạn chế. Là một trong những đô thị chịu tác động lớn của ô nhiễm không khí với chỉ số AQI nhiều ngày vượt ngưỡng nguy hại cho sức khỏe, đặc biệt trong giai đoạn 2019-2023, Hà Nội nhiều lần đứng trong nhóm các TP ô nhiễm nhất thế giới [117]. Bên cạnh đó, năng lực ứng phó y tế công cộng của TP còn thiếu chủ động, nhất là trong việc phân bổ nguồn lực, phối hợp giữa chính quyền và doanh nghiệp (ví dụ trong đại dịch Covid-19 (2020-2021)) [65]. Vẫn còn một số nơi thực hiện chưa nghiêm, có hiện tượng chủ quan, lơ là, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền còn thiếu sâu sát dẫn đến việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-UBND của Chủ tịch UBND TP chưa đầy đủ, kịp thời và thiếu thống nhất, chậm trễ trong việc chỉ đạo, xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch cụ thể phòng, chống dịch của địa phương, chưa có sự vào cuộc và quyết tâm xuyên suốt của hệ thống chính trị (như huyện Hoài Đức, Chương Mỹ...). Việc huy động sự vào cuộc của các lực lượng chưa đồng bộ, nhất là sự vào cuộc của lực lượng cơ sở, ra quân triển khai phòng, chống dịch có nơi còn hình thức, chưa hiệu quả... [72]. Điều này cho thấy, cần bổ sung, hoàn thiện yếu tố AN phi truyền thống trong hệ thống quản trị đô thị Hà Nội.

An ninh mạng và an toàn thông tin trong phát triển kinh tế đô thị còn nhiều lỗ hổng. Quá trình chuyển đổi số ở Hà Nội diễn ra nhanh, nhưng hạ tầng bảo mật chưa theo kịp. Chỉ riêng năm 2022, Việt Nam đã ghi nhận trên 13.900

sự cố tấn công mạng, trong đó Hà Nội là địa phương có số lượng sự cố cao nhất [13]. Đây là những rủi ro tiềm ẩn cho quản lý dữ liệu KT-XH, hệ thống điều hành đô thị thông minh và nguy cơ bị lợi dụng để gây bất ổn AN chính trị.

Thứ năm, nhận thức và ý thức kết hợp phát triển kinh tế với QP, AN chưa đồng đều; năng lực dự báo chiến lược còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân cơ bản khiến việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN ở Hà Nội giai đoạn 2015-2025 chưa đạt hiệu quả cao như kỳ vọng là có sự chưa đồng đều trong nhận thức và ý thức trách nhiệm của các chủ thể từ cấp hoạch định chính sách, bộ máy thực thi cho đến cộng đồng dân cư. Đó là, một số cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ sở còn coi trọng mục tiêu KT-XH trước mắt mà chưa quan tâm đúng mức đến yếu tố QP, AN trong quy hoạch, kế hoạch phát triển. Trong nhiều trường hợp, quy hoạch đô thị, xây dựng hạ tầng, khu công nghiệp chưa tính toán đầy đủ đến yếu tố lưỡng dụng hoặc yêu cầu phòng thủ lâu dài. Điều này dẫn đến tình trạng khi triển khai các dự án lớn, TP phải điều chỉnh bổ sung về phương án QP, AN, gây lãng phí thời gian và nguồn lực [71].

Sự phối hợp giữa các cơ quan KT-XH và cơ quan QP, AN chưa thực sự chặt chẽ. Một số cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp coi bảo đảm QP, AN chỉ là trách nhiệm của lực lượng vũ trang, chưa ý thức đầy đủ đó là trách nhiệm chung trong phát triển bền vững Thủ đô. Điều này thể hiện rõ qua việc triển khai mô hình “khu công nghiệp - quốc phòng lưỡng dụng”, nhưng không ít doanh nghiệp dân dụng chưa sẵn sàng đầu tư liên kết do lo ngại chi phí, thiếu lợi ích ngắn hạn [7].

Một bộ phận nhân dân, đặc biệt là ở các đô thị mới và khu vực ngoại thành chưa có nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm QP, AN. Còn tình trạng chậm trễ trong chấp hành các chủ trương di dời, giải phóng mặt bằng cho các công trình QP, AN hoặc kết cấu hạ tầng lưỡng

dụng. Đồng thời, ý thức cảnh giác với các vấn đề AN phi truyền thống còn hạn chế, tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng tác động [43].

Bên cạnh nguyên nhân từ nhận thức và ý thức, còn tồn tại tình trạng năng lực dự báo chiến lược còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa theo kịp diễn biến nhanh, phức tạp của AN phi truyền thống. Công tác dự báo chiến lược ở Hà Nội vẫn chủ yếu dựa trên các phương pháp truyền thống, ít sử dụng CN phân tích dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro trước những thách thức AN phi truyền thống (dịch bệnh, AN mạng, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường...). Vì thế, TP còn bị động trong một số tình huống [17].

Dự báo phát triển đô thị gắn với QP, AN còn mang tính cục bộ, ngắn hạn. Quy hoạch phát triển KT-XH chưa gắn chặt với dự báo nguy cơ QP, AN dài hạn, nhất là trong các lĩnh vực chiến lược như quy hoạch không gian đô thị, phát triển hạ tầng số, năng lượng, và AN nguồn nước. Dẫn đến phát triển “chạy theo nhu cầu trước mắt” mà thiếu tầm nhìn chiến lược, gây khó khăn cho bố trí thế trận QP toàn dân, thế trận AN nhân dân. Chẳng hạn, việc mở rộng các khu đô thị, khu công nghiệp ở ngoại thành chưa tính toán đầy đủ đến nhu cầu bố trí căn cứ hậu cần - kỹ thuật QP hoặc hành lang an toàn cho phòng thủ Thủ đô.

Dự báo chưa bao quát đầy đủ tác động của cạnh tranh địa kinh tế, địa chính trị quốc tế. Các kịch bản dự báo của Hà Nội chưa lồng ghép đầy đủ yếu tố quốc tế mới (như cạnh tranh Mỹ - Trung, xung đột Nga - Ukraine...) vào chiến lược phát triển kinh tế và bảo đảm QP, AN [157]. Khiến TP vẫn dễ bị động trong một số tình huống biến động thị trường quốc tế, nhất là trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp CNC. Cùng với đó, do thiếu hụt cán bộ kỹ thuật cao trình độ, và nền tảng CN còn yếu kém... nên cũng gây khó khăn cho việc phát triển sản phẩm CN cao có tính lưỡng dụng.

Những vấn đề đặt ra: Thực tiễn gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội cho thấy bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và giải quyết trong thời gian tới. Trước hết, nhận thức và tư duy về kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN ở một số cấp, ngành và địa phương chưa thật sự đồng bộ, còn thiên về phát triển kinh tế thuần túy, chưa lồng ghép đầy đủ yêu cầu QP, AN ngay từ khâu quy hoạch và triển khai dự án. Thể chế, cơ chế, chính sách liên quan đến kết hợp hai lĩnh vực này còn chưa hoàn chỉnh, thiếu tính liên thông và chưa theo kịp yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của Thủ đô trong bối cảnh mới. Việc phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng lưỡng dụng tuy đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, chưa khai thác hết tiềm năng phục vụ đồng thời cho mục tiêu phát triển và nhiệm vụ QP, AN. Công tác xây dựng khu vực phòng thủ, phát triển nguồn nhân lực gắn với giáo dục QP, AN và bảo đảm AN kinh tế, TTATXH còn bộc lộ những hạn chế nhất định trước tác động của hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những vấn đề đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện quan điểm, thể chế và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn tới.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã phân tích một cách toàn diện thực trạng gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn 2015-2025. Trên cơ sở khái quát các điều kiện tự nhiên, KT-XH và đặc điểm QP, AN của Thủ đô, chương đã làm rõ chủ trương, cơ chế, chính sách và kết quả tổ chức thực hiện việc kết hợp hai lĩnh vực này trên các mặt chủ yếu. Đồng thời, chương đã đánh giá khách quan những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của chúng trong quá trình triển khai. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn Hà Nội cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trong bối cảnh mới. Kết quả nghiên cứu của chương là căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất quan điểm và hệ thống giải pháp ở Chương 4.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

4.1.1. Dự báo bối cảnh mới tác động đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thành phố Hà Nội

(1) Bối cảnh quốc tế và khu vực

Trong giai đoạn 2026-2035, bối cảnh quốc tế tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo, tạo ra cả thời cơ và thách thức đan xen đối với quá trình phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của Thành phố Hà Nội.

Trước hết, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gia tăng, thể hiện trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ, AN-QP và ảnh hưởng chính trị. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, xu hướng “tái cấu trúc”, “đa dạng hóa” và “nội địa hóa chiến lược” làm gia tăng yêu cầu bảo đảm AN kinh tế, AN chuỗi cung ứng và AN công nghệ. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cạnh tranh Mỹ - Trung được coi là trục chính định hình AN khu vực. Nó không chỉ giới hạn ở kinh tế, CN cao, mà còn lan rộng sang quân sự, không gian mạng, trí tuệ nhân tạo và chuỗi cung ứng toàn cầu [99]. Bối cảnh này có thể tạo nên bức tranh AN thế giới nhiều bất ổn, tác động trực tiếp đến môi trường phát triển kinh tế và đảm bảo QP, AN của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Điều này tác động trực tiếp đến Hà Nội với tư cách là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, đầu mối thu hút đầu tư, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế của cả nước.

Thứ hai, toàn cầu hóa tiếp tục điều chỉnh theo hướng chọn lọc, gắn chặt hơn với các tiêu chuẩn về AN, môi trường và phát triển bền vững. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, hay các thỏa thuận thương mại số (DEPA, DPA) đang mở rộng phạm vi từ thương mại hàng hóa, dịch vụ đến các lĩnh vực dữ liệu, đổi mới sáng tạo và AN mạng [133]. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới vừa mở rộng không gian phát triển kinh tế, vừa đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản trị, bảo vệ lợi ích quốc gia và kiểm soát rủi ro AN phi truyền thống. Đối với Hà Nội, điều này đòi hỏi kết hợp chặt chẽ giữa mở rộng hội nhập kinh tế với giữ vững ổn định chính trị, xã hội và AN đô thị.

Thứ ba, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ số và không gian mạng. Cuộc cách mạng này sẽ tạo ra sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cơ cấu việc làm theo hướng nhiều lao động trong các ngành thâm dụng lao động có nguy cơ mất việc, trong khi nhu cầu về lao động có kỹ năng số và sáng tạo tăng nhanh [134]. Theo một dự báo, đến năm 2030, khoảng 30% công việc hiện nay có thể được tự động hóa hoàn toàn hoặc một phần nhờ sự phát triển của AI và robot [125], mở ra cơ hội to lớn cho các nền kinh tế đang phát triển nếu biết tận dụng để rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn đặt ra không ít thách thức lớn về AN, nhất là trong lĩnh vực AN mạng, chủ quyền dữ liệu và quản trị trí tuệ nhân tạo [135]. Như vậy, bên cạnh động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tri thức, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể làm gia tăng các thách thức về AN phi truyền thống, ảnh hưởng trực tiếp đến AN kinh tế và AN quốc gia tại các đô thị lớn như TP Hà Nội.

Thứ tư, các thách thức AN phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia và xung đột cục bộ tiếp tục gia tăng. Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam,

biến đổi khí hậu gây tác động trực tiếp đến hệ sinh thái, kết cấu hạ tầng và sinh kế, các hiện tượng thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chuỗi cung ứng [148]. Bên cạnh đó, các thách thức AN phi truyền thống khác như dịch bệnh toàn cầu, khủng bố xuyên quốc gia, tội phạm CNC, và khủng hoảng năng lượng cũng gia tăng với những diễn biến mới. Các yếu tố này không chỉ tác động đến ổn định kinh tế toàn cầu mà còn ảnh hưởng đến AN xã hội, trật tự đô thị và khả năng ứng phó của chính quyền địa phương, đặt ra yêu cầu tích hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường năng lực phòng thủ, AN và quản lý rủi ro.

Nhìn chung, bối cảnh quốc tế giai đoạn 2026-2035 đặt ra yêu cầu khách quan phải gắn kết chặt chẽ hơn giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Đối với TP Hà Nội, điều này đòi hỏi phát triển kinh tế theo hướng bền vững, tự chủ và có sức chống chịu cao, đồng thời chủ động củng cố tiềm lực QP, AN, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

(2) Bối cảnh trong nước theo định hướng phát triển mới của đất nước

Trong giai đoạn tới, bối cảnh phát triển trong nước sẽ chịu tác động mạnh mẽ từ các định hướng chiến lược được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở KH, CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Yêu cầu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hướng tới những giai đoạn đạt mức tăng trưởng hai con số, đặt ra nhiệm vụ quan trọng đối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, trong đó Hà Nội giữ vai trò động lực phát triển của vùng và quốc gia. Bối cảnh này vừa mở ra những cơ hội mới cho việc phát triển kinh tế của Thủ đô, vừa đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN, nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững và giữ vững vai trò trung tâm chính trị – hành chính của cả nước.

Trước hết, quá trình phát triển đất nước theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN được tiếp tục hoàn thiện, gắn với yêu cầu nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu và chất lượng tăng trưởng. Quá trình này đòi hỏi các địa phương, trong đó có TP Hà Nội, phải kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm AN kinh tế và AN quốc gia trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu rộng.

Thứ hai, chiến lược phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ mới đặt ra yêu cầu vừa phát triển nhanh, bền vững, vừa giữ vai trò hạt nhân về chính trị, QP, AN của cả nước. Việc triển khai các quy hoạch cấp quốc gia và vùng Thủ đô, cùng với quá trình điều chỉnh địa giới, tổ chức không gian đô thị và phân bố dân cư, tác động trực tiếp đến yêu cầu xây dựng thể trận QP toàn dân, AN nhân dân và quản lý AN đô thị trên địa bàn TP.

Thứ ba, quá trình đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số cơ học và chuyển dịch cơ cấu lao động tiếp tục diễn ra mạnh mẽ tại Hà Nội. Đến năm 2035, tỷ lệ đô thị hóa tại TP Hà Nội được dự báo sẽ đạt 60-70%. Điều này sẽ mở ra nhiều cơ hội mở rộng không gian phát triển kinh tế, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo, thu hút vốn đầu tư và nâng cao chất lượng sống của người dân [147]. Tuy nhiên, các yếu tố này cũng làm gia tăng áp lực đối với kết cấu hạ tầng, dịch vụ công, TTATXH và công tác quản lý nhà nước về QP-AN, đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa phát triển KT-XH với bảo đảm QP, AN ngay từ khâu quy hoạch và tổ chức thực hiện.

Thứ tư, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số tạo ra động lực quan trọng cho tăng trưởng và đổi mới mô hình phát triển của Hà Nội. Tuy nhiên, quá trình này đồng thời làm xuất hiện các thách thức mới về AN mạng, AN dữ liệu, bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu, đặt ra yêu cầu lồng ghép chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển kinh tế số với nhiệm vụ bảo đảm QP, AN trong không gian số.

Thứ năm, AN quốc gia, các nguy cơ truyền thống và phi truyền thống đều có xu hướng gia tăng. Các vấn đề như tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, AN mạng, AN năng lượng, AN nguồn nước, cùng với các thách thức từ biến đổi khí hậu sẽ tác động sâu sắc đến ổn định chính trị xã hội. Tình hình AN chính trị, TTATXH trong nước nhìn chung ổn định, song vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp liên quan đến tội phạm CNC, tệ nạn xã hội, khiếu kiện, tranh chấp đất đai và các vấn đề AN phi truyền thống. Các thế lực thù địch có thể sử dụng các công cụ công nghệ số để tác động đến nhận thức xã hội, đặt ra thách thức cho công tác bảo vệ AN tư tưởng, văn hóa [90]. Với vị trí là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, Hà Nội chịu tác động trực tiếp và thường xuyên của các yếu tố này, đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa phát triển kinh tế, quản lý đô thị và tăng cường tiềm lực QP, AN.

Tổng thể, bối cảnh trong nước giai đoạn 2026-2035 đặt ra yêu cầu khách quan phải nâng cao chất lượng và hiệu quả gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Đối với Thủ đô Hà Nội, đây vừa là áp lực, vừa là động lực để đổi mới tư duy phát triển, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị và xây dựng nền tảng kinh tế, xã hội vững chắc gắn với củng cố QP, AN trong thời kỳ mới.

(4) Dự báo những tác động chủ yếu của bối cảnh mới đến phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội

Trên cơ sở phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn 2026-2035, có thể dự báo một số tác động chủ yếu đến quá trình phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội.

Thứ nhất, bối cảnh mới làm gia tăng yêu cầu bảo đảm AN kinh tế và nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu của nền kinh tế Thủ đô. Sự biến động của kinh tế thế giới, cạnh tranh chiến lược và điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư, thương mại, tài chính và phát triển công nghệ. Điều này đòi hỏi Hà Nội không chỉ chú trọng mục tiêu

tăng trưởng kinh tế mà còn phải gắn chặt phát triển với bảo đảm AN kinh tế, AN tài chính, AN công nghệ và ổn định vĩ mô, qua đó củng cố nền tảng vững chắc cho QP, AN.

Thứ hai, quá trình phát triển và mở rộng không gian Thủ đô tạo ra tác động sâu sắc đến tổ chức không gian KT-XH gắn với xây dựng thể trận QP, AN. Đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số cơ học và phát triển các hành lang kinh tế làm thay đổi cấu trúc không gian phát triển, đặt ra yêu cầu lồng ghép chặt chẽ mục tiêu QP, AN ngay từ khâu quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng và bố trí dân cư, nhất là đối với các công trình hạ tầng trọng yếu và lưỡng dụng.

Thứ ba, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tác động mạnh mẽ đến mô hình tăng trưởng và phương thức quản trị đô thị của Hà Nội. Trong khi tạo ra động lực mới cho phát triển kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất, quá trình này cũng làm gia tăng các nguy cơ về AN mạng, AN dữ liệu, bảo vệ hệ thống thông tin và hạ tầng số. Do đó, phát triển kinh tế trong bối cảnh mới đòi hỏi phải gắn chặt với yêu cầu bảo đảm QP, AN trong không gian số và nâng cao năng lực quản trị đô thị hiện đại.

Thứ tư, bối cảnh mới làm tăng yêu cầu huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN. Áp lực về nguồn lực tài chính, đất đai, nhân lực và hạ tầng đòi hỏi Hà Nội phải đổi mới cơ chế phối hợp giữa các chủ thể, đặc biệt giữa chính quyền Thành phố với các lực lượng QP, AN, doanh nghiệp và người dân, nhằm phát huy tổng hợp tiềm lực KT-XH phục vụ nhiệm vụ phát triển và bảo vệ Thủ đô.

Thứ năm, những biến động trong nước và quốc tế tiếp tục tác động đến ổn định chính trị xã hội, trật tự an toàn đô thị và AN phi truyền thống trên địa bàn Hà Nội. Với vị thế là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, Hà Nội chịu tác động trực tiếp và đa chiều, đòi hỏi quá trình phát triển kinh tế phải gắn chặt với bảo đảm AN chính trị, TTATXH, nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và xử lý các tình huống phức tạp.

Tổng thể, các tác động trên cho thấy yêu cầu khách quan phải tăng cường gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN theo hướng đồng bộ, bền vững và phù hợp với đặc thù Thủ đô Hà Nội. Đây là cơ sở quan trọng để xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp trong giai đoạn tới.

4.1.2. Quan điểm và phương hướng tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2035

4.1.2.1. Quan điểm

Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển KT-XH với củng cố QP, AN là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt và nhất quán trong đường lối xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này đã được khẳng định tại nhiều văn kiện quan trọng, điển hình như: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định “gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển KT-XH là trung tâm;... bảo đảm QP, AN là trọng yếu, thường xuyên” [32, tr 324].

Trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng lý luận, đường lối của Đảng, đặc thù Thủ đô Hà Nội, kết quả đánh giá thực trạng giai đoạn 2015-2025 và dự báo bối cảnh phát triển đến năm 2035, việc tăng cường phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2026-2035, cần thống nhất các quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo như sau:

- *Quan điểm bảo đảm sự thống nhất biện chứng giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN trong quá trình phát triển Thủ đô.*

Tăng cường phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN là yêu cầu có tính tất yếu đối với Thủ đô Hà Nội. Trong giai đoạn 2026-2035, quan điểm xuyên suốt là phải quán triệt sâu sắc và thực hiện nhất quán mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN; coi đây là hai mặt không tách rời trong một chỉnh thể thống nhất của sự phát triển bền vững Thủ đô.

Theo quan điểm này, phát triển kinh tế tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguồn lực tài chính và tiềm lực tổng hợp cho việc củng cố QP, AN; đồng thời, bảo đảm vững chắc QP, AN là điều kiện tiên quyết để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Bởi vậy, mọi chủ trương, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH của Hà Nội đều phải được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với yêu cầu bảo vệ AN chính trị, TTATXH và xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc.

Quan điểm này đòi hỏi khắc phục triệt để tư duy phiến diện, coi phát triển kinh tế và bảo đảm QP, AN là hai nhiệm vụ tách rời; đồng thời tránh khuynh hướng tuyệt đối hóa yêu cầu an ninh theo hướng làm hạn chế động lực đổi mới, sáng tạo và hội nhập quốc tế của Thủ đô.

- Quan điểm phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với xây dựng tiềm lực và thế trận QP, AN vững chắc.

Trong giai đoạn 2026-2035, Hà Nội cần kiên trì quan điểm phát triển kinh tế nhanh gắn liền với phát triển bền vững, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng tiềm lực và thế trận QP, AN ngày càng vững chắc. Phát triển bền vững được hiểu không chỉ trên phương diện kinh tế, xã hội và môi trường, mà còn bao hàm cả sự ổn định chính trị, AN và trật tự xã hội.

Theo quan điểm này, tăng trưởng kinh tế của TP Hà Nội phải gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế tri thức. Đây chính là cơ sở để tạo nguồn lực vật chất ổn định, lâu dài cho đầu tư QP, AN, xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô ngày càng vững chắc.

Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế phải được kết hợp chặt chẽ với xây dựng thế trận QP toàn dân và thế trận AN nhân dân, nhất là trong quy hoạch không gian đô thị, phát triển các khu công nghiệp, khu CNC, trung tâm

logistics và các khu vực kinh tế trọng điểm có ý nghĩa chiến lược về QP, AN trên địa bàn Thủ đô.

- *Quan điểm lấy bảo đảm AN kinh tế, TTATXH làm nền tảng cho phát triển kinh tế TP Hà Nội.*

Bảo đảm AN kinh tế và TTATXH là nội dung cốt lõi, có ý nghĩa nền tảng trong quá trình tăng cường phát triển kinh tế gắn với QP, AN của TP Hà Nội. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và đô thị hóa nhanh, các nguy cơ về mất AN kinh tế, AN phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao và bất ổn xã hội có xu hướng gia tăng.

Bởi vậy, quan điểm được xác định là phải chủ động bảo đảm vững chắc AN kinh tế, coi đây là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế bền vững của Hà Nội. Trọng tâm là bảo vệ AN tài chính, tiền tệ, AN đầu tư, AN thị trường, AN chuỗi cung ứng và AN dữ liệu kinh tế; đồng thời phòng ngừa, kiểm soát hiệu quả các rủi ro AN phát sinh trong quá trình phát triển.

Theo đó, cần tăng cường bảo đảm TTATXH, quản lý tốt đô thị hóa, di cư, phân tầng xã hội; không để hình thành các “điểm nóng” phức tạp về AN, trật tự gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư, kinh doanh và đời sống nhân dân Thủ đô.

- *Quan điểm phát triển kết cấu hạ tầng và không gian kinh tế theo hướng lưỡng dụng, gắn với yêu cầu QP, AN.*

Phát triển kết cấu hạ tầng lưỡng dụng là quan điểm quan trọng nhằm hiện thực hóa yêu cầu gắn kết phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn 2026-2035. Theo đó, hệ thống hạ tầng KT-XH, nhất là giao thông, logistics, năng lượng, thông tin - truyền thông, đô thị và hạ tầng số cần được quy hoạch, đầu tư theo hướng vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu QP, AN trong các tình huống cần thiết.

Quan điểm này đòi hỏi Hà Nội phải lồng ghép yêu cầu QP, AN ngay từ khâu xây dựng và triển khai các quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch ngành,

lĩnh vực và không gian kinh tế. Đặc biệt, cần chú trọng các công trình hạ tầng có ý nghĩa chiến lược, các tuyến giao thông vành đai, trục hướng tâm, hệ thống kết nối vùng Thủ đô, bảo đảm khả năng cơ động, chi viện và bảo vệ trong các tình huống QP, AN.

- Quan điểm phát huy vai trò con người, nguồn nhân lực và sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân Thủ đô.

Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN. Bởi vậy, quan điểm xuyên suốt là phải phát huy cao nhất vai trò của nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ đô, coi đây là chủ thể trong thực hiện nhiệm vụ này.

Hà Nội cần coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng cường giáo dục QP, AN; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và người dân về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Việc xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc phải gắn chặt với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng sống và tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển.

- Quan điểm bảo đảm tính đặc thù Thủ đô, gắn với chiến lược phát triển vùng và cả nước.

Tăng cường phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội phải xuất phát từ vị thế, vai trò và đặc thù của Thủ đô, đồng thời đặt trong tổng thể chiến lược phát triển vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước. Thành phố Hà Nội không chỉ phát triển vì lợi ích của địa phương, mà còn có trách nhiệm giữ vai trò đầu tàu, lan tỏa và bảo đảm ổn định chính trị, xã hội cho cả nước. Bởi vậy, việc quán triệt và thực hiện quan điểm này phải bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển của Thủ đô với mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Về mục tiêu phát triển, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045 xác định, mục tiêu đến năm 2045 xây dựng Thủ đô Hà Nội là “Thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới” [33]. Để xây dựng TP Hà Nội trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, đồng thời là hạt nhân chính trị, hành chính, văn hóa và KH và CN của cả nước, việc gắn kết phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn đến năm 2035 cần hướng vào các mục tiêu chủ yếu như sau: (1) Phát triển Hà Nội thành một đô thị thông minh, hiện đại, bền vững, trong đó các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như CNC, tài chính, dịch vụ, logistics được gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ AN chính trị, trật tự an toàn xã hội. (2) Xây dựng và phát triển hạ tầng lưỡng dụng, đặc biệt trong giao thông, năng lượng, CN số, nhằm vừa phục vụ phát triển KT-XH, vừa đáp ứng yêu cầu phòng thủ và AN trong các tình huống chiến lược. (3) Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp CNC với công nghiệp QP, tăng cường năng lực tự chủ CN, nâng cao sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế và tiềm lực QP-AN. (4) Chủ động ứng phó với các thách thức AN phi truyền thống, như biến đổi khí hậu, AN mạng, AN năng lượng, dịch bệnh và môi trường, coi đây là nhân tố quan trọng bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững. (5) Gắn phát triển kinh tế với củng cố thể trận QP toàn dân và AN nhân dân, bảo đảm thể trận khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch đô thị và bố trí QP-AN. Cần “Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là bảo đảm QP, giữ vững AN chính trị, trật tự, an toàn xã hội; theo dõi sát, nắm chắc tình hình, chủ động phương án ứng phó kịp thời, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống” [33].

4.1.2.2. Phương hướng tăng cường phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2035

Để bảo đảm các giải pháp được xây dựng có trọng tâm, thống nhất về logic và phù hợp với điều kiện thực tiễn của TP và từ các quan điểm đã nêu, dưới đây là các phương hướng chủ yếu nhằm tăng cường gắn phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của Hà Nội giai đoạn 2026-2035:

Một là, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách.

Đây là phương hướng có ý nghĩa nền tảng để đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với nhiệm vụ QP, AN trên địa bàn Thủ đô. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển nhanh chóng của KH, CN và các thách thức AN phi truyền thống, Hà Nội cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ Tổ quốc.

Cần cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP- AN thành các văn bản pháp quy, quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với đặc thù của Thủ đô. Điều này bao gồm việc xây dựng các quy hoạch không gian đô thị, công nghiệp, giao thông, hạ tầng trọng yếu theo hướng lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển KT-XH, vừa sẵn sàng đáp ứng yêu cầu QP, AN khi có tình huống. Phương hướng trong Chiến lược phát triển KT-XH 2021-2030 của Đảng xác định “Phát triển công nghiệp QP, AN theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành một mũi nhọn của công nghiệp quốc gia;...tăng cường tiềm lực, tận dụng và đẩy mạnh phát triển liên kết công nghiệp QP, AN và công nghiệp dân sinh” [31, tr, 245].

Ban hành và hoàn thiện các chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp CNC, công nghiệp QP, hạ tầng số và đô thị thông minh, đây là những lĩnh vực có tính chiến lược trong cả phát triển kinh tế lẫn bảo đảm AN quốc gia. Bên cạnh đó, các cơ chế quản lý đất đai, tài chính, đầu tư công cũng cần được hoàn thiện theo hướng công khai, minh bạch, tránh

chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi để các nguồn lực xã hội tham gia vào các dự án lưỡng dụng.

Cần chú trọng hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và lực lượng vũ trang trong quy hoạch, quản lý và triển khai các dự án phát triển KT-XH, bảo đảm sự thống nhất, tránh tình trạng chia cắt, cục bộ. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát, đánh giá thực thi chính sách, tạo hành lang pháp lý ổn định, minh bạch cho sự kết hợp KT - QP, AN lâu dài.

Hai là, huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực.

Đây là phương hướng then chốt nhằm bảo đảm QP, AN trong dài hạn. Để đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng hiện đại, công nghiệp CNC, đô thị thông minh song song với nhiệm vụ xây dựng thế trận QP toàn dân, AN nhân dân, việc tổ chức nguồn lực phải được tính toán KH và có sự phối hợp liên ngành. TP. cần đa dạng hóa các nguồn lực tài chính thông qua việc khai thác hiệu quả ngân sách nhà nước, huy động vốn xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP), thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt vào các dự án hạ tầng chiến lược lưỡng dụng. Cùng với đó, việc sử dụng vốn đầu tư công cần được ưu tiên cho các công trình trọng điểm như giao thông liên vùng, trung tâm logistics, khu công nghiệp CNC, đồng thời bảo đảm các công trình này có phương án lồng ghép yếu tố phòng thủ khi cần thiết.

Cần hoàn thiện cơ chế phân bổ nguồn lực hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực và địa bàn. Trong đó, vùng đô thị trung tâm tập trung phát triển dịch vụ, công nghiệp CNC và tài chính; còn khu vực ven đô và ngoại thành được ưu tiên phát triển hạ tầng lưỡng dụng, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp CNC gắn với QP địa phương. Sự phân bổ cân đối này vừa tạo động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm thế bố trí chiến lược QP-AN lâu dài.

Chú trọng huy động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực CN thông tin, trí tuệ nhân tạo, AN mạng, công nghiệp

QP và quản trị đô thị thông minh. Việc đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, chuyên gia và lao động kỹ thuật cao phải gắn với yêu cầu xây dựng tiềm lực KH, CN và QP-AN trong thời kỳ mới.

Coi trọng hiệu quả giám sát, đánh giá và phòng chống thất thoát, lãng phí nguồn lực, bảo đảm mọi nguồn lực huy động được phân bổ minh bạch, sử dụng đúng mục đích, tạo động lực bền vững cho sự kết hợp kinh tế với QP, AN.

Ba là, nâng cao năng lực quản lý đô thị, dự báo và hoạch định chiến lược

Đây là phương hướng trọng tâm để gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN. Thành phố cần hoàn thiện mô hình quản lý đô thị hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng CN số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để quản lý quy hoạch, hạ tầng, giao thông, môi trường và AN đô thị. Việc xây dựng chính quyền đô thị điện tử, đô thị thông minh không chỉ nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp mà còn góp phần tăng cường khả năng giám sát, cảnh báo, ứng phó kịp thời với các nguy cơ, sự cố liên quan đến QP-AN [33].

Nâng cao năng lực dự báo và phân tích chiến lược về xu thế phát triển kinh tế, CN, xã hội và AN khu vực, quốc tế. Công tác dự báo phải thường xuyên, có sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu, viện trường và lực lượng QP-AN, nhằm tạo sự kết nối giữa KH, CN và quản lý thực tiễn.

Chú trọng công tác hoạch định chiến lược phát triển KT-XH gắn với thể trận QP toàn dân và AN nhân dân. Việc lập quy hoạch đô thị, phát triển công nghiệp, giao thông và dịch vụ phải gắn chặt với yêu cầu lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển đổi công năng khi có tình huống khẩn cấp. Phương hướng Chiến lược phát triển KT-XH 2021-2030, yêu cầu “xây dựng các đô thị theo hướng đô thị xanh, văn minh, có bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển” [31, tr. 260].

Nâng cao năng lực quản lý đô thị và hoạch định chiến lược phải đi đôi với phát triển nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán

bộ có tư duy chiến lược, am hiểu CN số và bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ sức đáp ứng yêu cầu vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ Thủ đô trong bối cảnh mới.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và KH, CN gắn với KT - QP, AN.

Đây là một phương hướng chiến lược nhằm kết hợp hiệu quả giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN và cũng là yếu tố then chốt tạo nền tảng cho TP duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững, đồng thời nâng cao năng lực phòng thủ và khả năng ứng phó với các mối đe dọa AN phi truyền thống.

Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực CN mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, AN mạng, tự động hóa, năng lượng tái tạo, cũng như trong các ngành phục vụ trực tiếp QP-AN. Song song, việc phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, tăng cường hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp và quân đội sẽ góp phần tạo ra những sản phẩm, CN lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa nâng cao tiềm lực QP. Đảng ta coi: "Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;... giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế" là một trong các đột phá chiến lược phát triển KT-XH 2021-2030 [31, tr. 203-204].

Bên cạnh đó, TP cần chú trọng chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, nhất là trong các lĩnh vực CN cao và AN, QP. Chính sách này phải đi đôi với việc khuyến khích tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành đội ngũ chuyên gia có khả năng dẫn dắt và giải quyết các vấn đề chiến lược của Thủ đô.

Phát triển nguồn nhân lực và KH và CN phải gắn với yêu cầu xây dựng thể trận QP toàn dân, AN nhân dân. Việc lồng ghép các nội dung giáo dục QP-AN trong đào tạo, đồng thời khuyến khích ứng dụng CN hiện đại trong quản lý đô thị, giám sát AN, bảo vệ hạ tầng trọng yếu, sẽ giúp Hà Nội nâng

cao khả năng tự chủ về CN, giảm phụ thuộc vào bên ngoài, đồng thời củng cố AN quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu rộng.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, liên kết vùng và phát huy vai trò xã hội trong kết hợp thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN.

Một trong những phương hướng quan trọng để Hà Nội gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN là mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường liên kết vùng và phát huy vai trò của toàn xã hội. Nội dung của phương hướng này là cần tập trung vào việc thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án CNC, hạ tầng lưỡng dụng và các lĩnh vực liên quan đến AN năng lượng, AN mạng, công nghiệp QP. Cần tích cực tham gia các mạng lưới hợp tác KH và CN toàn cầu, đồng thời phát triển các cơ chế bảo vệ chủ quyền số, bảo đảm an toàn trong hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm AN sinh thái, AN môi trường, AN nguồn nước, AN lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế” [31, tr. 155].

Về liên kết vùng, Hà Nội cần đóng vai trò trung tâm, đầu mối trong việc kết nối KT-XH với các tỉnh lân cận, nhất là khu vực Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ. Việc xây dựng hạ tầng liên kết giao thông, năng lượng, logistics, cùng với các khu công nghiệp và khu kinh tế QP vùng giáp ranh, sẽ vừa mở rộng không gian phát triển kinh tế, vừa củng cố thể trận QP toàn dân trong khu vực. Liên kết vùng không chỉ tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững mà còn góp phần hình thành “lá chắn” AN-QP từ xa.

Phát huy vai trò xã hội là yếu tố không thể thiếu. Hà Nội cần phát huy vai trò của yếu tố xã hội như huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền kinh tế kết hợp QP,

AN. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia sản xuất sản phẩm lưỡng dụng, người dân tham gia bảo vệ AN cộng đồng, cũng như các đoàn thể xã hội đóng vai trò cầu nối trong giáo dục, tuyên truyền và củng cố thể trận AN nhân dân.

Như vậy, thông qua việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, liên kết vùng và phát huy vai trò toàn xã hội, TP Hà Nội có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, đảm bảo sự phát triển kinh tế đi đôi với củng cố QP, AN vững chắc trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.

4.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.2.1. Hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp trong phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

Hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp trong phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN có *ý nghĩa đặc biệt quan trọng* đối với sự phát triển bền vững của TP Hà Nội. Trong điều kiện Hà Nội là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, đồng thời là một trong những đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước, việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN không chỉ nhằm bảo đảm môi trường ổn định cho phát triển mà còn góp phần trực tiếp tăng cường tiềm lực QP, AN của quốc gia.

Về kinh tế chính trị, thể chế giữ vai trò định hướng và điều chỉnh các quan hệ KT-XH, đồng thời tạo lập khuôn khổ pháp lý để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Khi hệ thống thể chế và quy hoạch được xây dựng đồng bộ, có tính chiến lược và lồng ghép đầy đủ các yêu cầu về QP, AN, quá trình phát triển kinh tế sẽ diễn ra theo hướng bền vững, hạn chế các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến ổn định chính trị – xã hội và AN quốc gia.

Đối với Hà Nội, việc hoàn thiện thể chế và cơ chế phối hợp còn có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra trong thực tiễn thời gian qua, như sự thiếu đồng bộ trong lồng ghép yêu cầu QP, AN

vào các quy hoạch phát triển; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý kinh tế với các lực lượng QP, AN chưa thật sự chặt chẽ; hoặc việc kiểm soát một số dự án kinh tế có yếu tố nhạy cảm về QP, AN còn chưa kịp thời. Vì vậy, hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp không chỉ là yêu cầu mang tính lâu dài mà còn là giải pháp cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của Thủ đô trong giai đoạn tới.

Nội dung giải pháp, trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN trong điều kiện phát triển mới của Thủ đô. Trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, thành phố cần xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể để lồng ghép yêu cầu QP, AN vào hoạch định và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH. Việc hoàn thiện thể chế cần bảo đảm tính đồng bộ giữa các lĩnh vực quản lý nhà nước như quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, giao thông và quản lý đô thị.

Thứ hai, cần tăng cường lồng ghép các yêu cầu về QP, AN trong hệ thống quy hoạch phát triển của Thủ đô. Quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển hạ tầng cần được xây dựng theo hướng kết hợp chặt chẽ với các yêu cầu về QP, AN. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các khu vực có vị trí chiến lược, các tuyến giao thông trọng điểm, các khu công nghiệp và các công trình hạ tầng quan trọng của TP.

Thứ ba, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý kinh tế của thành phố với các lực lượng QP, công an và các cơ quan trung ương trong quá trình xây dựng và triển khai các dự án phát triển kinh tế. Sự phối hợp này cần được thực hiện ngay từ khâu xây dựng quy hoạch, thẩm định dự án đến quá trình tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát. Việc thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ sẽ góp phần bảo đảm rằng các dự án phát triển kinh tế

không làm ảnh hưởng đến các yêu cầu về QP, AN, đồng thời tận dụng được các nguồn lực phát triển kinh tế để tăng cường tiềm lực QP của Thủ đô.

Thứ tư, cần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế có liên quan đến yếu tố QP, AN. Thành phố cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên quan đến các khu vực nhạy cảm về QP, AN. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đánh giá tác động về QP, AN đối với các dự án phát triển kinh tế lớn trước khi được phê duyệt và triển khai thực hiện.

Để thực hiện hiệu quả các nội dung nêu trên, trước hết TP Hà Nội cần tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền trong việc tổ chức thực hiện chủ trương kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Các cơ quan chức năng của TP cần chủ động rà soát, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan nhằm bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ trong hệ thống thể chế phát triển của Thủ đô.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các sở, ngành của TP với các lực lượng QP, công an trong quá trình xây dựng và triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế. Việc thiết lập các cơ chế trao đổi thông tin, tham vấn và phối hợp thường xuyên giữa các cơ quan liên quan sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hạn chế các nguy cơ phát sinh liên quan đến QP, AN trong quá trình phát triển kinh tế.

Chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về QP, AN cho đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, đồng thời nâng cao nhận thức về yêu cầu phát triển kinh tế cho các lực lượng QP, AN, sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách về kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN trên địa bàn TP. Thông qua việc tổng kết thực tiễn, kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện, thành phố có thể điều chỉnh và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình kết hợp này trong giai đoạn phát triển mới.

Việc triển khai hiệu quả giải pháp này, đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ các công cụ chính sách như hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy hoạch phát triển, cơ chế phối hợp liên ngành và cơ chế kiểm soát các dự án đầu tư có liên quan đến QP, AN. Việc phân bổ nguồn lực cần bảo đảm vai trò định hướng của Nhà nước trong xây dựng thể chế và quy hoạch chiến lược, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp và các chủ thể xã hội tham gia vào quá trình phát triển kinh tế trong khuôn khổ pháp lý thống nhất. Hiệu quả của giải pháp có thể được đánh giá thông qua mức độ lồng ghép yêu cầu QP, AN trong các quy hoạch phát triển, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý và khả năng kiểm soát các rủi ro về AN trong quá trình phát triển kinh tế của Thủ đô.

4.2.2. Phát triển lực lượng sản xuất của Thủ đô gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh

Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại là cơ sở vật chất quan trọng để thực hiện hiệu quả việc kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP, AN. Theo quan điểm của kinh tế chính trị học, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế, đồng thời tạo ra nền tảng vật chất – kỹ thuật để bảo đảm tiềm lực QP, AN của quốc gia. Trong điều kiện mới, khi KH, CN và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại càng có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao tiềm lực tổng hợp của đất nước.

Đối với TP Hà Nội, phát triển lực lượng sản xuất không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân mà

còn góp phần trực tiếp tăng cường tiềm lực kinh tế phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Là trung tâm kinh tế lớn của cả nước, Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế dựa trên tri thức, KH, CN và đổi mới sáng tạo. Nếu được định hướng đúng đắn và gắn kết chặt chẽ với yêu cầu bảo đảm QP, AN, sự phát triển của lực lượng sản xuất tại TP sẽ tạo ra nguồn lực vật chất quan trọng để xây dựng và củng cố tiềm lực QP của quốc gia.

Mặt khác, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển nhanh chóng của KH, CN và kinh tế số cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với AN kinh tế và AN quốc gia. Vì vậy, việc phát triển lực lượng sản xuất của TP cần được thực hiện theo hướng vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa bảo đảm kiểm soát được các yếu tố có thể ảnh hưởng đến QP, AN. Điều này đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với quản lý nhà nước hiệu quả, nhằm bảo đảm quá trình phát triển của lực lượng sản xuất luôn gắn với mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia và giữ vững ổn định chính trị – xã hội.

Nội dung giải pháp, trước hết, cần thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao và hàm lượng KH, CN lớn. Hà Nội cần ưu tiên phát triển các lĩnh vực như công nghiệp CNC, công nghiệp hỗ trợ, CNTT, trí tuệ nhân tạo, dịch vụ tài chính, logistics và các ngành dịch vụ tri thức. Việc phát triển các ngành kinh tế này không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế Thủ đô mà còn tạo điều kiện hình thành các năng lực CN và sản xuất có thể phục vụ cho nhiệm vụ QP, AN khi cần thiết.

Thứ hai, tăng cường phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo và nâng cao tiềm lực KH, CN của TP. Hà Nội là nơi tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học và trung tâm KH, CN lớn của cả nước, vì vậy cần phát huy tối đa tiềm năng của các cơ sở này trong việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao CN phục vụ phát triển kinh tế. Đồng thời, cần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, hình thành các trung tâm đổi mới

sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, qua đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên tri thức.

Thứ ba, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại. Trong điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng cao là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đẩy mạnh đào tạo và thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư và lao động kỹ thuật có trình độ cao, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế hiện đại. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao tiềm lực KH, CN phục vụ QP, AN.

Thứ tư, cần phát triển khu vực doanh nghiệp theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp của Hà Nội cần được hỗ trợ để đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và mở rộng thị trường. Đồng thời, cần tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhằm thúc đẩy quá trình chuyển giao CN và phát triển sản xuất dựa trên tri thức. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực doanh nghiệp sẽ tạo ra nguồn lực kinh tế quan trọng, góp phần tăng cường tiềm lực QP, AN của Thủ đô.

Để thực hiện hiệu quả việc phát triển lực lượng sản xuất gắn với bảo đảm QP, AN, trước hết Hà Nội cần xây dựng chiến lược phát triển kinh tế dựa trên KH, CN và đổi mới sáng tạo. Chiến lược này cần xác định rõ các ngành kinh tế mũi nhọn và các lĩnh vực CN ưu tiên, đồng thời gắn kết chặt chẽ với mục tiêu xây dựng tiềm lực kinh tế phục vụ QP, AN.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển lực lượng sản xuất. Thành phố cần tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đổi mới CN, mở rộng sản

xuất và tham gia vào các mạng lưới sản xuất toàn cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thu hút đầu tư, cần chú trọng kiểm soát các yếu tố có thể ảnh hưởng đến AN kinh tế và AN quốc gia.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học và cộng đồng doanh nghiệp trong việc phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thủ đô. Sự liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể này sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đồng thời góp phần nâng cao năng lực KH, CN phục vụ cả mục tiêu phát triển kinh tế và bảo đảm QP, AN.

Chú trọng việc nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò của việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN. Khi nhận thức này được quán triệt đầy đủ trong quá trình hoạch định và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, việc phát triển lực lượng sản xuất của TP sẽ không chỉ tạo ra tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần củng cố vững chắc tiềm lực QP, AN của đất nước.

Việc thực hiện giải pháp này cần dựa trên các công cụ chính sách như chính sách phát triển KH, CN, chính sách thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và các cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo. Trong quá trình phân bổ nguồn lực, Nhà nước giữ vai trò định hướng phát triển các ngành kinh tế chiến lược và đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, trong khi doanh nghiệp đóng vai trò chủ thể trong phát triển sản xuất và ứng dụng CN. Hiệu quả thực hiện giải pháp có thể được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế có hàm lượng KH, CNC, mức độ phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao và khả năng đóng góp của khu vực kinh tế Thủ đô vào tiềm lực kinh tế phục vụ QP, AN.

4.2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ, hiện đại và có tính lưỡng dụng

Kết cấu hạ tầng KT-XH là một bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất xã hội, đóng vai trò tạo lập nền tảng vật chất cho sự phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Trong kinh tế chính trị học, sự phát triển của kết cấu hạ tầng có mối quan hệ chặt chẽ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và có tác động trực tiếp đến hiệu quả tổ chức các hoạt động KT-XH. Đối với các đô thị lớn, đặc biệt là Thủ đô của một quốc gia, hệ thống kết cấu hạ tầng không chỉ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm QP, AN.

Trong bối cảnh mới, khi các thách thức về AN truyền thống và phi truyền thống ngày càng gia tăng, việc phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng lưỡng dụng trở thành một yêu cầu quan trọng. Hạ tầng giao thông, hạ tầng thông tin – truyền thông, hạ tầng logistics, hạ tầng năng lượng và các công trình đô thị lớn nếu được quy hoạch và xây dựng theo hướng lưỡng dụng sẽ góp phần nâng cao khả năng cơ động của lực lượng QP, tăng cường khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Đối với TP Hà Nội, việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và có tính lưỡng dụng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, đồng thời là một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước, Hà Nội cần có hệ thống hạ tầng hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, với vị trí chiến lược của Thủ đô trong thế trận QP của cả nước, hệ thống hạ tầng của thành phố cần được xây dựng theo hướng có khả năng phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ bảo đảm QP, AN trong mọi tình huống.

Nội dung chủ yếu của giải pháp, trước hết, tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống hạ tầng giao thông của TP theo hướng đồng bộ, hiện đại và kết nối hiệu quả với các địa phương trong vùng Thủ đô và các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Việc phát triển các tuyến đường vành đai, các trục giao

thông hướng tâm, hệ thống đường cao tốc và hệ thống giao thông công cộng hiện đại sẽ không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế mà còn góp phần nâng cao khả năng cơ động chiến lược của lực lượng QP trong những tình huống cần thiết.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển hạ tầng logistics và hệ thống trung tâm phân phối hàng hóa của Hà Nội. Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng gắn kết chặt chẽ với các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, hệ thống logistics đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Việc xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, kết nối với các cảng hàng không, các tuyến đường cao tốc và các khu công nghiệp sẽ góp phần giảm chi phí vận chuyển, nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế Thủ đô, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm hậu cần trong các tình huống QP, AN.

Thứ ba, cần phát triển mạnh mẽ hạ tầng số và hạ tầng thông tin – truyền thông của TP. Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số đang diễn ra mạnh mẽ, hạ tầng số trở thành một trong những yếu tố quan trọng của kết cấu hạ tầng hiện đại. Việc xây dựng hệ thống hạ tầng số đồng bộ, an toàn và hiện đại sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế số, chính quyền số và đô thị thông minh. Đồng thời, nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm AN mạng, AN thông tin và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền trong các tình huống khẩn cấp.

Thứ tư, cần phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng, cấp nước và môi trường theo hướng bền vững và có khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Hệ thống cung cấp điện, nước sạch và xử lý môi trường của TP cần được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, bảo đảm khả năng hoạt động ổn định và liên tục trong mọi điều kiện. Việc xây dựng các hệ thống dự phòng và nâng cao khả năng bảo vệ các công trình hạ tầng quan trọng sẽ góp phần bảo đảm AN năng lượng và AN môi trường của Thủ đô.

Để thực hiện hiệu quả việc phát triển kết cấu hạ tầng lưỡng dụng của Thủ đô, trước hết cần tăng cường lồng ghép các yêu cầu về QP, AN trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy hoạch phát triển hạ tầng. Các quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị, quy hoạch năng lượng và quy hoạch hạ tầng số cần được xây dựng theo hướng bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với yêu cầu củng cố QP, AN.

Đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển hạ tầng của TP. Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các hình thức hợp tác công – tư trong đầu tư xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng. Việc huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng quan trọng, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của TP với các lực lượng QP, công an trong quá trình quy hoạch, xây dựng và quản lý các công trình hạ tầng quan trọng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan sẽ giúp bảo đảm rằng các công trình hạ tầng của TP không chỉ phục vụ hiệu quả cho phát triển KT-XH mà còn đáp ứng tốt các yêu cầu về QP, AN.

Nâng cao năng lực quản lý và vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng của TP theo hướng hiện đại và thông minh. Việc ứng dụng các CN số trong quản lý giao thông, quản lý đô thị và quản lý hạ tầng kỹ thuật sẽ góp phần nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống hạ tầng, đồng thời tăng cường khả năng giám sát và ứng phó với các tình huống liên quan đến QP, AN.

Việc thực hiện giải pháp này đòi hỏi sử dụng các công cụ chính sách như quy hoạch phát triển hạ tầng, chính sách đầu tư công, cơ chế hợp tác công – tư và các chính sách khuyến khích huy động nguồn lực xã hội cho phát triển hạ tầng. Việc phân bổ nguồn lực cần ưu tiên cho các công trình hạ tầng chiến lược, các tuyến giao thông trọng điểm, hạ tầng số và các công trình có khả năng phục vụ đồng thời cho phát triển kinh tế và nhiệm vụ QP, AN. Hiệu quả

của giải pháp có thể được đánh giá thông qua mức độ phát triển đồng bộ của hệ thống hạ tầng, khả năng kết nối vùng của TP và mức độ đáp ứng yêu cầu lương dụng của các công trình hạ tầng trong các tình huống QP, AN.

4.2.4. Tăng cường bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh xã hội và quản lý không gian phát triển đô thị

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, phát triển kinh tế luôn gắn liền với yêu cầu bảo đảm ổn định chính trị – xã hội và AN quốc gia. Đối với các đô thị lớn, đặc biệt là Thủ đô của một quốc gia, vấn đề AN kinh tế và AN xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi mọi biến động KT-XH trên địa bàn đều có thể tác động lan tỏa đến phạm vi toàn quốc và thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế.

Từ góc độ kinh tế chính trị học, AN kinh tế không chỉ liên quan đến việc duy trì sự ổn định và bền vững của nền kinh tế mà còn gắn với khả năng kiểm soát các nguồn lực chiến lược, bảo đảm chủ quyền kinh tế và hạn chế các nguy cơ gây mất ổn định xã hội. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, sự gia tăng của các dòng vốn đầu tư, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số và sự mở rộng nhanh chóng của không gian đô thị đã làm xuất hiện nhiều thách thức mới đối với công tác bảo đảm AN kinh tế và quản lý xã hội.

Đối với TP Hà Nội, đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng của các hoạt động đầu tư, kinh doanh đã tạo ra nhiều động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Song, quá trình này cũng đặt ra nhiều vấn đề cần được quản lý chặt chẽ như: kiểm soát các hoạt động đầu tư có yếu tố nước ngoài trong các lĩnh vực nhạy cảm, quản lý đất đai và không gian đô thị, bảo đảm AN trật tự trong quá trình phát triển đô thị và xử lý các vấn đề xã hội phát sinh. Nếu không được quản lý hiệu quả, những vấn đề này có thể tạo ra các rủi ro về AN kinh tế, gây mất ổn định xã hội và ảnh hưởng đến nhiệm vụ bảo đảm QP, AN của Thủ đô.

Do đó, tăng cường bảo đảm AN kinh tế, AN xã hội và quản lý hiệu quả không gian phát triển đô thị là một trong những giải pháp quan trọng nhằm thực hiện hiệu quả việc gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn tới.

Nội dung chủ yếu của giải pháp, trước hết, cần tăng cường bảo đảm AN kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế của TP. Nó đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là các hoạt động đầu tư có yếu tố nước ngoài trong các lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược như CNC, hạ tầng kỹ thuật, tài chính – ngân hàng và viễn thông. Việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực nhạy cảm sẽ góp phần hạn chế những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến chủ quyền kinh tế và AN quốc gia.

Thứ hai, cần tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đất đai và không gian phát triển đô thị của Thủ đô. Trong điều kiện quỹ đất ngày càng hạn chế và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, việc quản lý chặt chẽ đất đai và quy hoạch đô thị có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của TP. Công tác quy hoạch và quản lý không gian đô thị cần được thực hiện theo hướng bảo đảm sự cân đối giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và yêu cầu QP, AN.

Thứ ba, tăng cường bảo đảm AN xã hội và ổn định chính trị trên địa bàn Thủ đô. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng có thể kéo theo những vấn đề xã hội như chênh lệch thu nhập, di cư lao động, áp lực đối với hệ thống hạ tầng và các vấn đề an sinh xã hội. Nếu không được giải quyết kịp thời và hiệu quả, những vấn đề này có thể trở thành những yếu tố gây mất ổn định xã hội. Do đó, cần thực hiện đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân và củng cố sự đồng thuận xã hội.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả quản lý đô thị và tăng cường năng lực dự báo, phòng ngừa các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến AN kinh tế và AN xã hội. Việc ứng dụng các CN hiện đại trong quản lý đô thị, xây dựng đô thị thông minh và tăng cường hệ thống giám sát, cảnh báo sớm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền TP, đồng thời giúp kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề có thể ảnh hưởng đến ổn định KT-XH.

Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, trước hết cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế và cơ chế quản lý nhà nước về AN kinh tế và quản lý đô thị của TP. Các quy định pháp luật và cơ chế quản lý cần được xây dựng theo hướng bảo đảm sự minh bạch, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu kiểm soát các rủi ro đối với AN quốc gia.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của TP với các lực lượng QP, công an trong công tác bảo đảm AN kinh tế và quản lý xã hội. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế của Thủ đô.

Đẩy mạnh việc ứng dụng KH, CN và chuyển đổi số trong công tác quản lý đô thị và quản lý kinh tế. Việc xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn, các nền tảng quản lý đô thị thông minh và các hệ thống giám sát KT-XH sẽ giúp nâng cao năng lực quản lý và dự báo của chính quyền TP, từ đó góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững của nền kinh tế Thủ đô.

Chú trọng phát huy vai trò của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong việc bảo đảm AN kinh tế và ổn định xã hội. Sự tham gia tích cực của xã hội trong quá trình phát triển kinh tế sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo ra nền tảng xã hội vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội.

Việc thực hiện giải pháp này cần dựa trên các công cụ chính sách như quản lý đầu tư, quản lý đất đai và quy hoạch đô thị, chính sách an sinh xã hội và các cơ chế kiểm soát rủi ro trong quá trình phát triển kinh tế. Quá trình phân bổ nguồn lực cần bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, đồng thời gắn phát triển kinh tế với ổn định xã hội và bảo vệ môi trường. Hiệu quả của giải pháp có thể được đánh giá thông qua mức độ ổn định KT-XH của Thủ đô, hiệu quả quản lý không gian phát triển đô thị và khả năng kiểm soát các nguy cơ ảnh hưởng đến AN kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4.2.5. Xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc gắn với phát triển kinh tế

Khu vực phòng thủ địa phương là một bộ phận quan trọng trong thể trận QP toàn dân và AN nhân dân của đất nước. Việc xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc không chỉ có ý nghĩa đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc mà còn góp phần tạo lập môi trường ổn định, an toàn cho phát triển KT-XH.

Từ góc độ kinh tế chính trị học, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN là mối quan hệ biện chứng, trong đó phát triển kinh tế tạo ra tiềm lực vật chất cho QP, AN; đồng thời, sự ổn định về chính trị và AN là điều kiện quan trọng để duy trì môi trường phát triển kinh tế bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, khi các thách thức về AN ngày càng đa dạng và phức tạp, việc xây dựng khu vực phòng thủ địa phương cần được thực hiện gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế và quản lý không gian phát triển.

Đối với TP Hà Nội, yêu cầu này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa và đối ngoại quan trọng của cả nước, Hà Nội giữ vị trí chiến lược trong thể trận QP của quốc gia. Mọi vấn đề về QP, AN phát sinh trên địa bàn Hà Nội không chỉ tác động trực tiếp đến sự ổn định của TP mà còn có ảnh hưởng

lớn đến tình hình chính trị – xã hội của cả nước và thường thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế.

Do đó, việc xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc gắn với phát triển kinh tế không chỉ nhằm nâng cao khả năng bảo vệ Thủ đô trong mọi tình huống mà còn góp phần tạo dựng nền tảng AN ổn định cho sự phát triển lâu dài của TP và của cả quốc gia.

Nội dung chủ yếu của giải pháp, trước hết, tiếp tục củng cố và hoàn thiện thể trận QP toàn dân gắn với thể trận AN nhân dân trên địa bàn Thủ đô. Việc xây dựng khu vực phòng thủ cần được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và QP, AN, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc lồng ghép các yêu cầu về QP, AN trong quá trình quy hoạch và phát triển kinh tế của TP.

Thứ hai, tăng cường xây dựng tiềm lực kinh tế của khu vực phòng thủ Thủ đô. Tiềm lực kinh tế là nền tảng vật chất quan trọng của khu vực phòng thủ, quyết định khả năng bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và huy động nguồn lực trong các tình huống QP, AN. Việc phát triển mạnh mẽ các ngành kinh tế có hàm lượng KH, CNC, các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp QP và các lĩnh vực kinh tế chiến lược sẽ góp phần nâng cao tiềm lực kinh tế của Thủ đô, đồng thời tạo cơ sở vật chất cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, cần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ khu vực phòng thủ theo hướng đồng bộ và có tính lưỡng dụng. Các công trình giao thông, thông tin – truyền thông, năng lượng và logistics cần được quy hoạch và xây dựng theo hướng vừa phục vụ phát triển KT-XH vừa có khả năng đáp ứng yêu cầu QP, AN trong các tình huống khẩn cấp. Điều này sẽ góp phần nâng cao khả năng cơ động của lực lượng vũ trang và bảo đảm hiệu quả công tác hậu cần trong khu vực phòng thủ.

Thứ tư, cần chú trọng xây dựng tiềm lực chính trị – tinh thần của khu vực phòng thủ Thủ đô. Sự ổn định về chính trị và sự đồng thuận xã hội là nền

tăng quan trọng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ QP, AN. Do đó, cần tiếp tục tăng cường công tác giáo dục QP – AN cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao nhận thức của xã hội về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; đồng thời phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Thủ đô.

Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, trước hết cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự quản lý của chính quyền TP trong việc xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô. Các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH của TP cần được xây dựng và triển khai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ với yêu cầu củng cố QP, AN.

Đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của TP với các lực lượng quân đội và công an trong quá trình xây dựng và vận hành khu vực phòng thủ. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ QP, AN, đồng thời bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường đầu tư cho các công trình và dự án có ý nghĩa quan trọng đối với khu vực phòng thủ của Thủ đô. Việc đầu tư này cần được thực hiện theo hướng kết hợp giữa nguồn lực của Nhà nước với sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng và củng cố tiềm lực QP của TP.

Chú trọng nâng cao năng lực dự báo chiến lược và khả năng ứng phó với các tình huống QP, AN trong bối cảnh mới. Việc xây dựng các phương án phòng thủ, tăng cường diễn tập khu vực phòng thủ và nâng cao năng lực quản lý khủng hoảng của chính quyền TP sẽ góp phần bảo đảm rằng Thủ đô luôn sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức AN trong tương lai.

Để triển khai giải pháp này, cần sử dụng các công cụ chính sách như quy hoạch khu vực phòng thủ, chính sách đầu tư cho các công trình lưỡng dụng và cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương với các lực lượng QP, AN. Việc phân bổ nguồn lực cần kết hợp giữa ngân sách nhà nước với các

nguồn lực xã hội nhằm xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở hạ tầng phục vụ khu vực phòng thủ của Thủ đô. Hiệu quả thực hiện giải pháp có thể được đánh giá thông qua mức độ hoàn thiện của thể trận QP toàn dân trên địa bàn thành phố, khả năng huy động nguồn lực kinh tế cho nhiệm vụ QP và mức độ sẵn sàng của khu vực phòng thủ Thủ đô trong các tình huống AN, QP.

Tóm lại, hệ thống giải pháp nhằm tăng cường phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội được xây dựng theo một logic kinh tế chính trị thống nhất và có tính hệ thống. Trước hết, việc hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp tạo khuôn khổ chính trị – pháp lý cho sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với nhiệm vụ QP, AN. Trên cơ sở đó, phát triển lực lượng sản xuất của Thủ đô gắn với yêu cầu bảo đảm QP, AN sẽ tạo ra nền tảng vật chất – kỹ thuật cho cả phát triển kinh tế và củng cố tiềm lực QP. Đồng thời, phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ và có tính lưỡng dụng sẽ hình thành không gian phát triển bền vững và nâng cao khả năng bảo đảm QP, AN trong các tình huống cần thiết. Việc tăng cường bảo đảm AN kinh tế, AN xã hội và quản lý hiệu quả không gian phát triển đô thị góp phần duy trì môi trường ổn định cho sự phát triển của Thủ đô. Trên nền tảng đó, xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc gắn với phát triển kinh tế trở thành sự kết tinh của toàn bộ quá trình kết hợp giữa phát triển kinh tế với củng cố QP, AN, bảo đảm cho Hà Nội phát triển nhanh, bền vững và giữ vững vai trò trung tâm chính trị – kinh tế của cả nước. Các giải pháp nêu trên không chỉ được xác định ở phương diện định hướng phát triển mà còn cần được cụ thể hóa bằng hệ thống công cụ chính sách, cơ chế phân bổ nguồn lực và tiêu chí đánh giá phù hợp. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng và điều tiết quá trình kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN đồng thời bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào quá trình phát triển.

4.3. KIẾN NGHỊ VỀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ TĂNG CƯỜNG GẮN KẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các giải pháp nêu trên bao gồm cả những nội dung thuộc thẩm quyền trực tiếp của chính quyền TP Hà Nội và những nội dung cần sự hỗ trợ, điều chỉnh chính sách từ Trung ương. Do đó, để bảo đảm tính khả thi của các giải pháp, cần phân định rõ trách nhiệm của chính quyền TP trong tổ chức thực hiện các chính sách phát triển KT-XH gắn với bảo đảm QP, AN; đồng thời kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương hoàn thiện hệ thống thể chế và chính sách ở tầm quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Thủ đô thực hiện nhiệm vụ này.

Cụ thể, giải pháp 4.2.1. Hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp, thẩm quyền của TP Hà Nội là rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch đô thị gắn với yêu cầu QP, AN; ban hành cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và lực lượng QP, công an trong thẩm định các dự án kinh tế; xây dựng quy trình đánh giá yếu tố QP, AN trong các dự án đầu tư lớn của TP; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và quản lý đất đai. Nhưng, có các nội dung vượt thẩm quyền của TP cần xác định địa chỉ để kiến nghị gồm Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an để hoàn thiện hệ thống pháp luật về kết hợp kinh tế với QP, AN; sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Đầu tư theo hướng tăng cường kiểm soát yếu tố AN; ban hành cơ chế đặc thù cho Thủ đô trong quản lý không gian chiến lược.

Giải pháp 4.2.2, thuộc thẩm quyền của TP Hà Nội gồm: xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp CNC; phát triển các khu CNC, trung tâm đổi mới sáng tạo của Thủ đô; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp – trường đại học – viện nghiên cứu; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ kinh tế tri thức và công nghiệp CNC.

Vượt thẩm quyền của TP như xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp QP và công nghiệp CNC ở tầm quốc gia; chính sách thu hút và quản lý FDI trong các ngành CN chiến lược; chính sách phát triển các ngành công nghiệp nền tảng của quốc gia cần xác định địa chỉ để kiến nghị ở cấp Trung ương gồm Chính phủ, Bộ KH và CN, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính...

Để làm rõ hơn tính khả thi và phân cấp thực hiện của các giải pháp nêu trên, bảng 4.1 dưới đây là khái quát hệ thống giải pháp theo các chủ thể thực hiện và cấp chính sách.

Bảng 4.1: Tổng hợp các giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội

Giải pháp	Nội dung chủ yếu	Chủ thể thực hiện	Cấp chính sách
4.2.1. Hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp trong phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh	Rà soát và hoàn thiện quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch đô thị của Thủ đô gắn với yêu cầu QP, AN; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với lực lượng QP, công an trong thẩm định và quản lý các dự án kinh tế; nâng cao hiệu quả quản lý đất đai và không gian phát triển đô thị	UBND thành phố Hà Nội; các sở, ngành của thành phố; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan.	Thành phố và Trung ương
4.2.2. Phát triển lực lượng sản xuất của Thủ đô gắn với yêu cầu bảo đảm QP, AN	Phát triển các ngành kinh tế có hàm lượng KH, CNC; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học	UBND TP Hà Nội; doanh nghiệp; các cơ sở nghiên cứu và đào tạo; Bộ KH và CN; Bộ Tài chính	Thành phố và Trung ương
4.2.3. Phát triển kết cấu hạ	Phát triển hệ thống giao thông, logistics, hạ tầng số và hạ tầng đô thị	UBND TP Hà Nội; các doanh	Thành phố và

tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại và có tính lưỡng dụng	thông minh; lồng ghép yêu cầu QP, AN trong quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng; tăng cường kết nối hạ tầng của Hà Nội với vùng Thủ đô và các vùng kinh tế trọng điểm.	ngành đầu tư hạ tầng; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ QP	Trung ương
4.2.4. Tăng cường bảo đảm AN kinh tế, AN xã hội và quản lý không gian phát triển đô thị	Kiểm soát các hoạt động đầu tư và sử dụng đất đai trong các lĩnh vực nhạy cảm; tăng cường quản lý đô thị và ổn định xã hội; thực hiện các chính sách an sinh xã hội; ứng dụng CN số trong quản lý đô thị và quản lý kinh tế	UBND TP Hà Nội; các sở, ngành; lực lượng công an; Bộ Công an; Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước	Thành phố và Trung ương
4.2.5. Xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc gắn với phát triển kinh tế	Củng cố thể trận QP toàn dân gắn với thể trận AN nhân dân; phát triển tiềm lực kinh tế của khu vực phòng thủ; xây dựng các công trình hạ tầng lưỡng dụng; nâng cao nhận thức QP, AN của cán bộ và nhân dân	UBND TP Hà Nội; Bộ Tư lệnh Thủ đô; lực lượng quân đội và công an; Bộ QP	Thành phố và Trung ương

Tiểu kết Chương 4

Chương 4 đã tập trung luận giải các quan điểm, mục tiêu và hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường gắn phát triển kinh tế với bảo đảm QP, AN của TP Hà Nội trong giai đoạn tới. Trên cơ sở phân tích bối cảnh mới và yêu cầu phát triển của Thủ đô, chương đã làm rõ vai trò của việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng lưỡng dụng, hiện đại; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; đồng thời bảo đảm AN kinh tế và TTATXH trong quá trình phát triển. Các giải pháp được đề xuất có tính hệ thống, khả thi và phù hợp với đặc thù của Hà Nội, góp phần tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững gắn với củng cố QP, AN trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Luận án “Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội” được triển khai trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành, liên hệ thực tiễn và phân tích kinh tế chính trị. Sau quá trình nghiên cứu, luận án có các kết luận chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đã hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng. Mối quan hệ này vừa mang tính tất yếu khách quan, vừa mang đặc trưng xã hội, lịch sử, được quy định bởi vị trí, vai trò của Hà Nội trong chiến lược phát triển đất nước. Trên cơ sở phân tích khung lý thuyết kinh tế chính trị, luận án khẳng định phát triển kinh tế là nền tảng vật chất để xây dựng tiềm lực QP, AN; ngược lại, QP- AN vững chắc tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế bền vững. Đây là sự gắn kết biện chứng, không thể tách rời.

Thứ hai, luận án đã phân tích và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội giai đoạn 2015-2025. Thành phố đã đạt nhiều kết quả quan trọng: tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp, dịch vụ, CNC; hạ tầng lưỡng dụng từng bước hình thành; các đô thị thông minh, khu công nghiệp CNC gắn với AN, QP được triển khai; phong trào toàn dân bảo vệ AN Tổ quốc được củng cố. Đồng thời, Hà Nội cũng đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tiếp nhận CN hiện đại, góp phần gia tăng tiềm lực kinh tế - quân sự.

Thứ ba, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, bất cập: hệ thống pháp lý, cơ chế chính sách còn chưa đồng bộ; sự phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương trong gắn kết phát triển kinh tế với QP, AN đòi

khi còn lỏng lẻo; tiềm lực KH&CN QP chưa thật sự tương xứng; nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như CN số, trí tuệ nhân tạo, AN mạng còn thiếu và phân tán; nhận thức xã hội về gắn kết kinh tế với QP, AN tuy đã nâng lên nhưng chưa đồng đều. Đây là những điểm nghẽn cần khắc phục để Hà Nội phát triển nhanh, bền vững và an toàn trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt.

Thứ tư, trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước giai đoạn 2026 - 2035, luận án đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ: (i) Hoàn thiện thể chế, quy hoạch và cơ chế phối hợp trong phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN; (ii) Phát triển lực lượng sản xuất của Thủ đô gắn với yêu cầu bảo đảm QP, AN; (iii) Phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại và có tính lưỡng dụng; (iv) Tăng cường bảo đảm AN kinh tế, AN xã hội và quản lý không gian phát triển đô thị; (v) Xây dựng khu vực phòng thủ Thủ đô vững chắc gắn với phát triển kinh tế. Các giải pháp trên không chỉ được xác định ở phương diện định hướng phát triển mà còn cần được cụ thể hóa bằng hệ thống công cụ chính sách, cơ chế phân bổ nguồn lực và tiêu chí đánh giá phù hợp.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả nêu một số kiến nghị với cấp Trung ương và cấp TP Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho việc thực thi có hiệu quả các giải pháp tăng cường phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của Thủ đô trong giai đoạn 2026-2035.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Mạnh Cường (2025), Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại thành phố Hà Nội, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, 28/08/2025.
2. Nguyễn Mạnh Cường (2025), Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở một số thành phố và kinh nghiệm đối với Thủ đô Hà Nội, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/phat-trien-kinh-te-gan-voi-bao-dam-quoc-phong-an-ninh-o-mot-so-thanh-pho-va-kinh-nghiem-doi-voi-thu-do-ha-noi-7124.html?gidzl=UYJ9UL2ROYjwFC1vNenW9Nqmod11YsqXPMIOT4NORdDIQCmYJzWwScnXoYz6YcqhDJJFU6KIYPDbMPXZ9G>, 7/9/2025.
3. Nguyễn Mạnh Cường (2025), “Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh – nhân tố bảo đảm sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Kinh tế và quản lý*, (85), tr.29-34.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Huy Ánh (2025). *Hà Nội cần đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống thông tin địa lý và công trình xây dựng*, <https://nguoidothi.net.vn/>, 21/07/2025
2. Trung tướng, PGS, TS Nguyễn Văn Bạo (2024): *Kết hợp phát triển KT-XH với quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, Đề tài KH cấp Nhà nước mã số KX.04.30/21-25 (2024).
3. Bộ Công an. (2020). *Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm an ninh, trật tự giai đoạn 2015–2020*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội..
4. Bộ Công Thương. (2022). *Báo cáo thường niên ngành Công Thương 2021–2022*. Nxb Công Thương.
5. Bộ Quốc phòng. (2020). *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về khu vực phòng thủ*. Hà Nội
6. Bộ Quốc phòng. (2021). *Báo cáo thường niên về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh*. Hà Nội.
7. Bộ Quốc phòng. (2022). *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2022*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Bộ Quốc phòng (2025). *Thông tư số 86/2025/TT-BQP ngày 7/8/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2020/TT-BQP ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ*, Hà Nội
9. Bộ Khoa học và công nghệ. (2022). *Báo cáo thường niên KH, CN và Đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2022*. Hà Nội: Nxb KH và Kỹ thuật, Hà Nội
10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). *Báo cáo số 7765/BC-BKHĐT ngày 24/9/2024 về tình hình tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư*

theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, <https://thuvienphapluat.vn/>.

11. Bộ Tài chính, *Công khai Ngân sách nhà nước*, <https://ckns.mof.gov.vn/>
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2022*. NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
13. Bộ Thông Tin và Truyền Thông. (2023). *Báo cáo An toàn thông tin mạng Việt Nam 2022*. Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông.
14. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (2015–2024), *Báo cáo tổng kết công tác quốc phòng, quân sự địa phương hằng năm*.
15. Công an TP. Hà Nội. (2023). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*. Hà Nội
16. Chính phủ (2018). *Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 Về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng*, Hà Nội
17. Chính phủ (2021). *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021; Dự kiến kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022*. Hà Nội. 19/10/2021.
18. Cục Đầu tư nước ngoài. (2023). *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2022*. Bộ KH&ĐT
19. Cục Thống kê Thành phố Hà Nội (2025). *Niên giám Thống kê Thành phố Hà Nội 2024*, Hà Nội.
20. Lê Mạnh Cường (2023). *Phát triển kinh tế trên địa bàn các Khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ kinh tế phát triển, bảo vệ tại Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
21. Đảng bộ thành phố Đà Nẵng (2020). *Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP Đà Nẵng lần thứ XXII (2020)*, Đà Nẵng
22. Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh (2020). *Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP. HCM lần thứ XI (2020). Quy hoạch chung TP. HCM đến năm 2040, tầm nhìn 2060*.

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 82
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 14/4/2013 về Hội nhập quốc tế*, Hà Nội
26. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 44 ngày 24 /11/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, Hà Nội
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 149
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia*, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương. (2019). *Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị Về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*. Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr. 108, 141, 155, 157-161, 172, 203-204, 217-217, 245, 260.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập II)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội

34. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2023). *Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tập II*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Phạm Đình Đạt (2015), *Xây dựng phát triển kinh tế-xã hội gắn với đảm bảo an ninh-quốc phòng ở Phú Quốc* đề tài cấp Bộ năm 2015 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
38. Hà Nội: *Thực hiện hiệu quả việc kết hợp phát triển KT-XH gắn với quốc phòng - an ninh*, <https://chinhsachcuocsong.vnnet.vn/>, 03/07/2023
39. Hà Nội *cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045*, <https://moitruong.net.vn/>, 13/08/2025
40. TS.KTS Nguyễn Văn Hải và ThS.KTS Lưu Quang Huy (2025), Hà Nội: *Dòng chảy 50 năm quy hoạch xây dựng của thủ đô ngàn năm tuổi*, <https://www.tapchikientruc.com.vn/>, 04/07/2025
41. PGS, TS Lương Thanh Hân (2024), *Kết hợp phát triển KT-XH với quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong bối cảnh mới*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, Truy cập 08/5/2024
42. Ngọc Hân (thực hiện) (2024). *Huy động sức mạnh tổng hợp, tiếp tục xây dựng Thủ đô Hà Nội thành khu vực phòng thủ vững chắc*, <https://www.qdnd.vn/>, 02/12/2024
43. TS Đặng Xuân Hoan (2020), *Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh - Từ góc độ quản lý nhà nước*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, Cập nhật 19/7/2020
44. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản phối hợp Thành ủy Đà Nẵng (2024). Hội thảo KH quốc gia: *Bảo đảm an ninh phi truyền thống trong bối cảnh hiện nay*, Đà Nẵng, ngày 20/12/2024.

45. HĐND thành phố Hà Nội (các khóa XV–XVII), *Các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn*.
46. HĐND thành phố Hà Nội (2021). *Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*, Hà Nội
47. Đại tá, TS. Bùi Quang Huy và Trung tá Nguyễn Văn Hoạt (2022), *Phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng – an ninh trong tình hình mới*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, 04/01/2022.
48. Hoa Hương (2025). *Bàn giải pháp tăng cường tăng trưởng kinh tế cao nhất cho Hà Nội*. <https://hanoimoi.vn/>, 07/03/2025.
49. Nguyễn Ngọc Khánh (2024), *Phát triển kinh tế bền vững gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị bảo vệ tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
50. Thượng tướng, PGS, TS. Trần Việt Khoa (2022), *Nâng cao nhận thức và năng lực tổ chức thực tiễn kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường quốc phòng - an ninh trong tình hình mới*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, 13/06/2022
51. J.M.Keynes (1936), *Những nguyên lý tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền* (sách dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1994
52. V.I. Lênin, *Toàn tập, Tập 36*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 204, 217, 238-239.
53. V.I. Lênin, *Toàn tập, Tập 43*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 253.
54. Kiều Linh: *Hà Nội tích cực xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong bối cảnh mới* (2022), <https://www.tapchiconsan.org.vn/>, 7/11/2022
55. Hoàng Long, *Hà Nội: Kết hợp nhiệm vụ quốc phòng – an ninh và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới*, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchiconsan.org.vn/>, 17/3/2025.
56. C. Mác và Ph Ăngghen (1995). *Toàn tập, (tập 3)*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 11, 33-38.

57. C. Mác và Ph Ăngghen (1995). *Toàn tập (tập 4)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 464-465.
58. Mác, C. & Ăngghen, Ph. (1993). *Toàn tập (tập 13)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 14-16
59. C. Mác và Ph Ăngghen (1994). *Toàn tập (tập 20)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 235, 241.
60. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập, (tập 23)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 266-267, 271, 863 – 865, 908 - 909
61. Phan Văn Mãi (2023). *Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh*, <https://tapchiquptd.vn/>, 09/02/2023
62. Tuệ Minh, *Thủ đô Hà Nội: Nâng cao nhận thức về đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>
63. Bùi Văn Nam, Nguyễn Xuân Yêm chủ biên (2015), *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phòng, chống tội phạm góp phần đảm bảo an ninh, trật tự ở Việt Nam*, tập 1 và 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
64. Lê Văn Nam (2014), *Phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở một số tỉnh biên giới phía bắc*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị bảo vệ tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
65. TS. Nguyễn Minh Phong (2021). *Toàn cảnh kinh tế Hà Nội trong bối cảnh dịch Covid-19: Những giải pháp phục hồi và phát triển hậu dịch*, <https://tapchinganhang.gov.vn/>, 12/10/2021
66. Quốc hội. (2022). *Báo cáo giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016–2020*. Hà Nội
67. 6 nhóm giải pháp ứng phó nguy cơ, thách thức an ninh phi truyền thống, *Hội thảo KH cấp quốc gia: Tầm nhìn mới, cơ hội mới xây dựng Thủ đô Hà Nội văn hiến - văn minh - hiện đại, TP. kết nối toàn cầu*, <https://hanoimoi.vn/>, 08/10/2024

68. PGS, TS Nguyễn Hồng Sơn (2022). *Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Sự đột phá về lý luận và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, 04/03/2022.
69. Sở Công an thành phố Hà Nội (2015–2024), *Báo cáo công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn*.
70. Thành ủy Hà Nội (2015), *Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/5/2015 về tăng cường quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*. Hà Nội.
71. Thành ủy Hà Nội. (2020). *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ TP. Hà Nội*. Hà Nội.
72. Thành ủy Hà Nội (2021). *Thông báo số 428 - TB/TU ngày 27/7/2021, Về Kết luận của Thường trực Thành ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn TP.*, <https://storage-vnportal.vnpt.vn/>
73. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/202, Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội
74. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 Phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội
75. Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
76. PGS.TS Trần Quốc Toàn. (2024). *Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển mới*, <https://hvtcand.bocongan.gov.vn/>, 7/2/2024.
77. Tổng cục Chính trị (2013), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội

78. Tổng cục Thống kê. (2023). *Niên giám Thống kê Việt Nam 2023*. Hà Nội: NXB Thống kê, tr 103.
79. TS Hồ Quang Tuấn (Trung tướng Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng) (2024). *Phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại, lưỡng dụng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, ngày 09/3/2024.
80. Nguyễn Thị Ánh Tuyết và Phạm Thị Hồng Điệp (2024). *Phân tích thực trạng AN năng lượng tại Việt Nam sử dụng chỉ số ESI và mô hình RCA*. Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 325 tháng 7/2024, tr 11-21
81. UBND thành phố Hà Nội (2016–2024), *Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016–2020; 2021–2025*.
82. UBND thành phố Hà Nội (2019), *Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 28/6/2019 về thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ trên địa bàn thành phố Hà Nội*.
83. UBND thành phố Hà Nội. (2020). *Đề án xây dựng TP. thông minh Hà Nội giai đoạn 2018–2025, tầm nhìn đến 2030*. Hà Nội.
84. UBND thành phố Hà Nội. (2020). *Báo cáo tình hình thực hiện các dự án hạ tầng trọng điểm trên địa bàn gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh*. Hà Nội.
85. UBND thành phố Hà Nội. (2021). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2020 và phương hướng năm 2021*. Hà Nội
86. UBND thành phố Hà Nội. (2021). *Báo cáo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045*. Hà Nội
87. UBND thành phố Hà Nội. (2022). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*. Hà Nội

88. UBND thành phố Hà Nội (2025). *Báo cáo số 06/BC-CTK ngày 02/01/2025 về Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 Hà Nội*, <https://ubnd-hanoi.mediacd.vn>
89. Bạch Hồng Việt, Lê Việt Hùng (2019). *Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí KH xã hội Việt Nam, số 12 -2019, tr 97-104.
90. Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc phòng. (2023). *Dự báo tình hình quốc phòng, an ninh khu vực và thế giới đến năm 2035*. Hà Nội
91. Viện Chiến lược và KH CN (2023). *Đổi mới sáng tạo và ứng dụng CN lưỡng dụng ở Việt Nam*. Hà Nội
92. Thượng tá, TS. Trịnh Xuân Việt, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, *Kết hợp phát triển KT-XH với quốc phòng, an ninh và đối ngoại thời kỳ Đổi mới: Thành tựu, hạn chế và một số định hướng*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, <https://kinhtevadubao.vn/>, 16/01/2024.
93. Thái Vũ (2022). *Quốc hội tiến hành giám sát tối cao về quy hoạch*, <https://tapchitoaan.vn/>, 30/05/2022.

Tài liệu tiếng Anh

94. Allison, G. (2017). *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides's Trap?* Boston: Houghton Mifflin Harcourt
95. Barry Buzan (1991), *People, States and Fear*, Harvester Wheatsheaf, 1991, p. 22
96. *Beijing City Master Plan (2016–2035)* – People's Government of Beijing Municipality. *China's National Defense White Paper* (2019).
97. *Biosecurity Law of the People's Republic of China* (2020).
98. Booth, K. (Ed.). (2005). *Critical Security Studies and World Politics*. Boulder, CO: Lynne Rienner Publishers
99. Campbell, K. M., & Sullivan, J. (2019). *Competition Without Catastrophe: How America Can Both Challenge and Coexist With China*. *Foreign Affairs*, 98(5), 96-110.

100. *China's National Cybersecurity Strategy* (2016).
101. *China's Military-Civil Fusion Strategy – Center for Security and Emerging Technology (CSET)*.
102. Dan Zeevi (2025). *An Overview of Vietnam Defence 2024*, <https://defense-update.com/>, Feb 2, 2025
103. Dani Rodrik (2007), *One Economics, Many Recipes: Globalization, Institutions, and Economic Growth*, Publisher: Princeton University Press, Publisher: Princeton and Oxford, ISBN: 9780691129518 (hardcover), 9780691141176 (paperback)
104. *Development Plan for the Zhongguancun National Innovation Demonstration Zone. BDA official site – Beijing Economic-Technological Development Area Management Committee*
105. Duffield, M. (2014). *Global Governance and the New Wars: The Merging of Development and Security*. Zed Books. Uk.
106. Dr MM Jayawardena (2013), *A conceptual framework to study national defence and economic development*, International Journal of Education and Research, Vol.1 No.3 March 2013. www.ijern.com/images/March-2013/07.dpf
107. Josselin Drof, Alfredo R. Paloyo (2014), *Assessing the regional economic impacts of defense activities a survey of methods*, First published: 28 March 2014 <https://doi.org/10.1111/joes.12062>
108. Farid Abushzada (2022/2023), *Dynamic panel data analysis: The relationship between spending on national defence and economic growth*, <https://unitesi.unive.it/handle/20.500.14247/9333>
109. Graham Harrison (2010), *The Politics of Development: A Survey*, Publisher Routledge, New York, Graham Harrison, ISBN: 9780415468475 (paperback).
110. Government of the Russian Federation. (2017). *Strategy for Economic and Social Development of Moscow until 2030*. Retrieved from

- [government.ru]. Presidential Decree No. 400 validating the National Security Strategy of the Russian Federation, <http://publication.pravo.gov.ru>, 02 July 2021
111. Hannah Galvin (2010), *The impact of defence spending on the economic growth of developing countries: A cross-section study*, Pages 51-59 | Published online: 17 Sep 2010, <https://www.tandfonline.com>
 112. Ha-Joon Chang, (2002), *Kicking Away the Ladder Development Strategy in Historical Perspective*, Sách điện tử, <https://antheppress.com/>, Code: 9781843310273, July 2002
 113. H. Sonmez Atesoglu et al (2007), *Defence spending and economic growth*, Defence Economics, Published online: 19 Oct 2007, <https://www.tandfonline.com/>
 114. *Hoa Lac Hi-Tech Park to be transformed into sci-tech city*, Vietnam+VietnamPlus), 06/03/2025.
 115. IMF. (2023). *World Economic Outlook: Global Fragmentation*. Washington, DC
 116. IMF. (2025, July 29). *World Economic Outlook Update*, July 2025. <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2025/07/29/world-economic-outlook-update-july-2025>
 117. IQAir. (2023). *World Air Quality Report 2022*. Retrieved from <https://www.iqair.com>
 118. Isiaka Akande Raifu & Alarudeen Aminu (2023). The impact of military spending on economic growth in MENA: evidence from quantile regression, *Future Business Journal*, Article number: 7 (2023).
 119. Kissinger, H. (2022). *Leadership: Six Studies in World Strategy*. New York: Penguin Press.
 120. Sr. Col. Dương Văn Hùng (Institute for Defence Strategy), (2021). *Building and developing a modern, dual-purpose defence industry of*

- Vietnam to meet the requirements of national construction and protection*, <https://tapchiquptd.vn/>, August 24, 2021
121. Kim, Y., & Park, H. (2018). Dual-use infrastructure and national security: The case of South Korea. *Defense Studies*, 18(4), 450–468
 122. Lucia Retter, Erik Frinking, Stijn Hoorens, Alice Lynch, Fook Nederveen and William Phillips (2019), *Relationships between the economy and national security Analysis and considerations for economic security policy in the Netherlands*, <https://repository.wodc.nl/>
 123. Mark Van Eker (2023). *Data Analysis of the Air Quality (PM2.5) before, during and after the COVID-19 Pandemic lockdowns in Hanoi and Ho Chi Minh City, Vietnam*, <https://www.researchgate.net/>
 124. Markusen, A., & Costigan, S. S. (1999). *Arming the Future: A Defense Industry for the 21st Century*. Council on Foreign Relations Press
 125. McKinsey & Company. (2024). *The future of work after COVID-19 and the acceleration of automation*. McKinsey Global Institute. <https://www.mckinsey.com>
 126. *China's National Cybersecurity Strategy* (2016) và *Biosecurity Law of the People's Republic of China* (2020).
 127. *Made in China 2025 Plan* – State Council of the People's Republic of China. *China's Military-Civil Fusion Strategy* – Center for Security and Emerging Technology (CSET).
 128. MA Anwar, Z Rafique, SA Joiya (2012), *Defense spending-economic growth nexus: A case study of Pakistan*, Pakistan Economic and Social Review, 2012 – JSTOR, Vol. 50, No. 2 (Winter 2012), pp. 163-182 (20 pages), <https://www.jstor.org/stable/43855779>
 129. MA Adebakin, L Raimi (2012), *National security challenges and sustainable economic development: Evidence from Nigeria*, Journal of Studies in Social Sciences, Vol 1, No 1, 2012 - infinitypress.info

130. Morgenthau, Hans J. (1948), *Politics among Nations. The Struggle for Power and Peace* (Sixth Edition), McGraw-Hill, 1985
131. MK Hassan, M Waheeduzzaman... (2003), *Defense expenditure and economic growth in the SAARC countries*, The Journal of Social, Political, and Economic Studies; Washington Vol. 28, Iss. 3, (Fall 2003): 275-293, <https://www.proquest.com/openview>.
132. Muhammad Azam, "Does military spending stifle economic growth? The empirical evidence from non-OECD countries" (2020), <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2020.e05853>
133. OECD. (2022). *Trade Policy Implications of Digital Trade*. Paris: OECD Publishing
134. OECD (2023). *International Cooperation in Education and Research: Policy Directions*. Paris: OECD Publishing.
135. OECD. (2025, June). *Global Economic Outlook shifts as trade policy uncertainty weakens growth*. <https://www.oecd.org/en/about/news/press-releases/2025/06/global-economic-outlook-shifts-as-trade-policy-uncertainty-weakens-growth.html>
136. *Outline of the National Innovation-Driven Development Strategy – State Council of China* (2016). *China's Thousand Talents Plan – Center for Strategic and International Studies* (CSIS).
137. *Policy digest April 2013*, <https://vietnamlawmagazine.vn/>, 04/26/2013.
138. Porter, M. E. (1990). *The Competitive Advantage of Nations*. Harvard Business Review.
139. R Smith, J Fontanel (2008), *International security, defence economics and the powers of nations, War, peace and security*, ISBN: 978-0-4445-3244-2, eISBN: 978-1-84950-535-2
140. Rati Ram (1993), *Conceptual linkages between defense spending and economic growth and development: A selective review*, Defense Spending And Economic Growth, 1st Edition, eBook: ISBN 9780429040863

141. Samuelson, Paul A., and William D. Nordhaus. 2009. *Economics*. 19th ed. New York: McGraw-Hill, page 12.
142. Sr. Col. Dương Văn Hùng (Institute for Defence Strategy), (2021). *Building and developing a modern, dual-purpose defence industry of Vietnam to meet the requirements of national construction and protection*, <https://tapchiquptd.vn/>, August 24, 2021
143. Tan, A. (2017). *Singapore's Defence and Security Strategy: Maintaining Resilience in a Globalized World*. Routledge
144. Todaro & Smith (2015), *Economic Development*, Twelfth edition published 2015 (print and electronic), United Kingdom, Web: www.pearson.com/uk
145. Uk Heo & Min Ye (2016). "Defense Spending and Economic Growth around the Globe: The Direct and Indirect Link" , Pages 774-796, Published online: 15 Apr.
146. Walter Block (2003), *National Defense and the Theory of Externalities, Public Goods, and Clubs*. The myth of national defense: Essays on the theory ..., 2003, <https://rothbardbrasil.com/>
147. World Bank Group Ministry of Planning and Investment of Vietnam (2016). *Vietnam 2035 Toward Prosperity, Creativity, Equity, and Democracy*. <https://documents1.worldbank.org/>
148. World Bank. (2022). *Climate Risk Country Profile: Vietnam*. Washington, D.C.
149. World Economic Forum. (2023). *The Future of Jobs Report 2023*. WEF, <https://www.weforum.org/reports/the-future-of-jobs-report-2023>.
150. World Bank (2023), *Securing Development: Economic Strategies for Resilience in Uncertain Times*, p. 23
151. World Bank. (2023). *Vietnam Macro Poverty Outlook*. Washington, DC: World Bank.

152. World Bank. (2025, June). *Global Economic Prospects*, <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects>, June 2025
153. W. Robert J. Alexander (2007), *The impact of defence spending on economic growth: A multi- sectoral approach to defence spending and economic growth with evidence from developed economies*, Defence Economics, Published online: 19 Oct 2007, <https://doi.org/10.1080/10430719008404677>
154. UNDP (1994) – Human Development Report và Barry Buzan (1991), *People, States and Fear: An Agenda for International Security Studies in the Post-Cold War Era*, Publisher: Harvester Wheatsheaf, Place of publication: London, UK.
155. UNDP (2022), *Human Development Report*, p. 49
156. UNDP Vietnam (2022), *Human Security and Sustainable Development: Strengthening the Nexus in Vietnam*, p.10.
157. UNDP (2022). *Human Development Report 2022: Uncertain Times, Unsettled Lives*. New York: United Nations Development Programme, p 57.
158. UN-Habitat. (2022). *World Cities Report 2022: Envisaging the Future of Cities*. Nairobi: United Nations Human Settlements Programme.
159. United Nations (UN). (2023). *Climate Change 2023: Synthesis Report*. Geneva
160. V. L Elliott, Paul Collier, Håvard Hegre and Anke Hoeffler (2003), *Breaking the Conflict Trap: Civil War and Development Policy*, January 2003, DOI: 10.1596/978-0-8213-5481-0, Publisher: World Bank, Oxford University Press, Code: 0821354817.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Các đợt kiểm tra, sơ kết, tổng kết tiêu biểu của Hà Nội giai đoạn 2015-2025

Thời gian	Nội dung kiểm tra/sơ kết/tổng kết	Cơ quan chủ trì	Ý nghĩa, kết quả chính
2015	Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW (2008) về xây dựng khu vực phòng thủ	Thành ủy Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thủ đô	Đánh giá tiềm lực khu vực phòng thủ, điều chỉnh quy hoạch thể trận QP, AN gắn với phát triển kinh tế Thủ đô.
2016	Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU (2012) về công tác QP, AN trong tình hình mới	UBND TP, Bộ Tư lệnh Thủ đô	Phát hiện hạn chế trong phối hợp giữa kinh tế và QP, kiến nghị hoàn thiện cơ chế phối hợp.
2018	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW (2008)	Thành ủy Hà Nội	Đưa ra giải pháp xây dựng “thể trận QP toàn dân gắn với thể trận AN nhân dân” phù hợp với phát triển kinh tế đô thị.
2020	Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ TP (2015-2020)	Thành ủy Hà Nội	Đánh giá việc lồng ghép nhiệm vụ QP, AN trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong quản lý đô thị và đầu tư hạ tầng.
2021	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 05-CTr/TU (2021-2025) về QP, AN, đối ngoại	Thành ủy Hà Nội	Tập trung vào AN chính trị, trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh dịch COVID-19, phát hiện nhiều bất cập về AN phi truyền thống.
2022	Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW và kiểm tra công tác xây dựng khu vực phòng thủ	Bộ Tư lệnh Thủ đô, Ban Chỉ đạo Khu vực phòng thủ TP	Bổ sung giải pháp ứng phó với thách thức an ninh mạng, dịch bệnh, đô thị hóa nhanh.
2023	Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW (lần 2)	Thành ủy Hà Nội, Quân khu Thủ đô	Khẳng định kết quả gắn kết kinh tế với QP, AN; kiến nghị Trung ương bổ sung cơ chế tài chính, nguồn nhân lực cho khu vực phòng thủ Thủ đô.

2024	Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ TP Hà Nội (2020-2025)	Thành ủy Hà Nội	Đánh giá kết quả bước đầu, điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN.
2025	- Tổng kết công tác năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026 (tổ chức chiều 29/12/2025) - Đại hội Đảng bộ TP Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030 (từ 15-17/10/2025)	Thành ủy Hà Nội Thành ủy Hà Nội	-Đây là lần đầu tiên Hà Nội tổ chức một hội nghị tổng kết chung, kết hợp trực tiếp và trực tuyến toàn thành phố, thay thế cho hàng nghìn hội nghị riêng lẻ của các cấp, ngành. Nội dung đánh giá kết quả KT-XH, QP-AN và đưa ra định hướng chiến lược cho năm tiếp theo. Thể hiện tinh thần đổi mới phương thức tổng kết, đánh giá và triển khai nhiệm vụ, hướng đến hiệu quả, thống nhất trong hệ thống chính trị. -Đây là hoạt động chính trị quan trọng nhất năm, trong đó có đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ trước và đề ra định hướng chiến lược phát triển KT-XH, QP-AN của Thủ đô trong nhiệm kỳ mới; có tác động trực tiếp đến định hướng kết hợp phát triển kinh tế với củng cố QP-AN trong giai đoạn tiếp theo.

Nguồn: Các tài liệu chính thống của Thành ủy, UBND Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an TP Hà Nội và thu thập của tác giả.

**Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu phát triển hạ tầng số của Hà Nội
giai đoạn 2015-2024**

Chỉ tiêu	2015	2020	2024
Tỷ lệ phủ sóng mạng 4G (%)	50%	95%	100%
Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G (%)	0%	10%	50%
Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet (%)	60%	80%	95%
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (%)	10%	30%	60%
Tỷ lệ cơ quan nhà nước kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (%)	40%	70%	100%
Số lượng cơ sở dữ liệu chuyên ngành được tích hợp vào nền tảng chia sẻ dữ liệu Thành phố	5	15	30
Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình (%)	20%	40%	46,3%
Tỷ lệ cơ quan nhà nước sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử thống nhất (%)	30%	70%	100%
Tỷ lệ cán bộ công chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản (%)	25%	60%	90%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử (%)	30%	70%	95%

Nguồn: Dựa trên các thông tin công khai và kế hoạch của Thành phố Hà Nội

**Phụ lục 3: Kết quả công tác giáo dục quốc phòng, an ninh tại Hà Nội
giai đoạn 2015-2025**

Nội dung	Số liệu minh họa	Nguồn
Bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho cán bộ, đảng viên (đối tượng 2, 3, 4)	Từ năm 2021, Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đã tổ chức bồi dưỡng cho hơn 1.000 học viên thuộc các đối tượng này; kết quả 100% đạt loại khá, giỏi.	Báo Quân đội Nhân dân
Giáo dục QP, AN trong hệ thống giáo dục phổ thông và đại học	Hơn 4.000 trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học trên toàn quốc đã nâng cao chất lượng môn học giáo dục QP, AN cho hơn 3,3 triệu học sinh, sinh viên, học viên.	Báo Nhân Dân
Bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho cán bộ, viên chức cấp cơ sở (đối tượng 4)	Ví dụ: Huyện Đan Phượng đã tổ chức lớp bồi dưỡng cho 120 cán bộ, viên chức thuộc đối tượng 4 trong năm 2023.	Quốc phòng Thủ đô
Bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho chức sắc, chức việc tôn giáo	Quân khu 4 đã tổ chức lớp bồi dưỡng cho 130 vị chức sắc, chức việc các tôn giáo.	Đảng Cộng sản Việt Nam
Ứng dụng CN thông tin trong giáo dục QP, AN	Triển khai các lớp học trực tuyến, hội thi kiến thức QP, AN theo mô hình số hóa, giúp mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả giáo dục.	Thông tin tổng hợp
-Đào tạo sinh viên cấp đại học -Đào tạo sinh viên thực hành	-Khai mạc Khóa 155 GDQP-AN cho hơn 3.000 sinh viên từ các trường: Đại học Ngoại ngữ, ĐH Y tế Công cộng, CĐSP Trung ương tại Trung tâm GDQP&AN - ĐHQG Hà Nội. -Chương trình GDQP-AN tháng 6/2025 tại Trung tâm GDQP&AN - ĐHQGHN thu hút gần 500 sinh viên Trường ĐH Khoa học XH và NV hoàn thành khóa huấn luyện 28 ngày (thực hành + lý thuyết).	qpan.vnu.edu.vn https://ussh.vnu.edu.vn/, July 10, 2025.

Phụ lục 4

**Minh họa công tác giáo dục quốc phòng, an ninh
tại Hà Nội (2015-2025)**

Chỉ tiêu	Nội dung minh họa
Số lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức QP, AN	Năm 2023, toàn quốc đã bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho gần 383.000 lượt đối tượng, trong đó Hà Nội là một trong những địa phương trọng điểm thực hiện nhiệm vụ này. Báo Nhân Dân điện tử+2 https://baomoi.com +2 baodaknong.vn +2
Số học sinh, sinh viên được học môn QP, AN	Hơn 3,3 triệu học sinh, sinh viên, học viên tại hơn 4.000 trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học trên toàn quốc được nâng cao chất lượng môn học giáo dục QP, AN. Báo Nhân Dân điện tử+2 https://baomoi.com +2 baodaknong.vn +2
Số lớp bồi dưỡng tập trung cho cán bộ các cấp tại Hà Nội	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho 7 lớp tập trung (6 lớp đối tượng 3, 1 lớp đối tượng 2) và mở 4 lớp tại các cơ quan bộ, ban, ngành với tổng số hơn 1.000 học viên; kết quả 100% đạt loại khá, giỏi. QĐND
Số lớp bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức cấp cơ sở	Huyện Đan Phượng đã tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức QP, AN cho 120 cán bộ, viên chức thuộc đối tượng 4 trong thời gian 4 ngày, từ 22/8 đến 25/8/2023. quocphongthudo.vn +1 QĐND+1
Số lượng trung tâm giáo dục QP, AN trên toàn quốc	38 trung tâm giáo dục QP, AN được chỉ đạo nâng cao chất lượng giảng dạy, trong đó Hà Nội có Trung tâm Giáo dục QP, AN khu vực 1 phục vụ cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.

**Phụ lục 5: Kết quả đạt được về quốc phòng, an ninh
của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2025**

Năm/Giai đoạn	Kết quả nổi bật	Nguồn dẫn
2015-2016	Hoàn thành Quy hoạch thể trận QP toàn dân và thể trận AN nhân dân trên địa bàn Thủ đô; củng cố 100% xã, phường, thị trấn có lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu.	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (2016), Báo cáo tổng kết công tác QP-AN 2015.
2017	Triển khai hiệu quả các kế hoạch bảo đảm AN chính trị trong dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, giữ vững AN chính trị, TTATXH.	UBND TP Hà Nội (2017), Báo cáo chính trị HĐND TP.
2018	Hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ cấp TP.; xây dựng CSDL quản lý QP, AN.	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (2018), Báo cáo tổng kết diễn tập KVPT
2019	Bảo đảm tuyệt đối an toàn cho Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều tại Hà Nội, khẳng định năng lực bảo đảm AN ở tầm quốc tế.	Bộ Công an (2019), Thông cáo báo chí.
2020	Ứng phó hiệu quả với dịch Covid-19 gắn với bảo đảm AN y tế, AN trật tự; duy trì ổn định chính trị - xã hội.	UBND TP Hà Nội (2020), Báo cáo tình hình KT-XH.
2021	Bảo đảm AN, an toàn tuyệt đối cho Đại hội XIII của Đảng và bầu cử Quốc hội khóa XV, HĐND các cấp.	Bộ Công an (2021), Báo cáo công tác TTATXH.
2022	Tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, AN nhân dân; diễn tập “Ứng phó AN phi truyền thống” quy mô cấp TP.	Bộ Tư lệnh Thủ đô (2022).
2023	Hà Nội được đánh giá là địa phương đi đầu trong xây dựng “Thể trận QP toàn dân gắn với thể trận AN nhân dân trong thể trận lòng dân”.	Bộ Quốc phòng (2023), Hội nghị tổng kết QP-AN toàn quốc.

Năm/Giai đoạn	Kết quả nổi bật	Nguồn dẫn
2024	Sơ kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Hà Nội khẳng định vai trò trung tâm trong bảo đảm AN chính trị và TTATXH của cả nước.	Thành ủy Hà Nội (2024), Báo cáo sơ kết 10 năm NQ 28.
2025	-Hội nghị tổng kết do UBND thành phố Hà Nội tổ chức (31/12/2025). Thủ đô đã hoàn thành toàn diện nhiệm vụ QP địa phương năm 2025, với sự chuẩn bị, tổ chức và điều hành hiệu quả mọi mặt công tác QP-AN. -Bảo đảm AN chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng trong năm 2025 (từ hội nghị QP đến các hoạt động lớn của TP).	-Thành phố Hà Nội hoàn thành toàn diện nhiệm vụ QP địa phương năm 2025, https://quocphongthudo.vn/, 31/12/2025. - Bảo đảm AN, an toàn hơn 2.000 sự kiện chính trị, văn hóa, ngoại giao trọng đại, https://www.qdnd.vn/, 31/12/2025

Phụ lục 6**Kết quả tiêu biểu trong kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN (Hà Nội 2015-2025)**

Lĩnh vực	Kết quả chính	Ý nghĩa đối với QP, AN	Nguồn tham khảo
Quy hoạch phát triển KT-QP	Hà Nội đưa quan điểm “kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH với QP-AN” vào Quy hoạch Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; nhấn mạnh mỗi bước phát triển kinh tế là tăng cường tiềm lực QP-AN.	Tạo nền tảng định hướng chiến lược cho phát triển kinh tế song hành cùng cố AN, đảm bảo Thủ đô an toàn trong mọi tình huống, giảm thiểu rủi ro, tận dụng thời cơ phát triển bền vững.	(1)
Phát triển KT-XH gắn với củng cố tiềm lực	Duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định, GRDP tăng đều và nguồn lực tăng lên cho đầu tư phát triển các lĩnh vực; chú trọng duy trì ổn định chính trị - AN - xã hội.	Môi trường ổn định tạo điều kiện đảm bảo AN chính trị trên địa bàn, bảo vệ hiệu quả lợi ích KT-XH, nâng cao dự trữ tài chính cho QP	(2)
Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương	Lực lượng vũ trang Thủ đô được củng cố toàn diện, sẵn sàng chiến đấu, huy động hàng trăm nghìn lượt cán bộ chiến sĩ, hoàn thành các nhiệm vụ huấn luyện, trực chiến và bảo vệ AN các sự kiện lớn	Góp phần đảm bảo AN - trật tự ngay cả khi thành phố phát triển mạnh kinh tế và tổ chức nhiều hoạt động quốc tế, trong nước, tăng cường khả năng phản ứng trước các tình huống phức tạp.	(3)
Tuyển chọn và xây dựng lực lượng dự bị	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm, bàn giao hàng nghìn thanh niên cho Quân đội và Công an; nâng cao chất lượng công dân nhập ngũ và xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ.	Đảm bảo đủ nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trong các tình huống bất ngờ đồng thời là yếu tố ổn định xã hội, giữ vững trật tự khi tăng tốc phát triển kinh tế.	(3)
Giáo dục,	Đã tổ chức hàng trăm lớp bồi	Nâng cao nhận thức cộng	(4)

nâng cao nhận thức QP-AN	đường kiến thức QP-AN cho hàng chục nghìn lượt đối tượng, tăng cường hiểu biết về bảo vệ Tổ quốc và vai trò của QP-AN trong phát triển xã hội	đồng về quan hệ gắn kết giữa phát triển kinh tế và AN, tạo sự đồng thuận xã hội, giảm thiểu rủi ro về bất ổn xã hội, củng cố nền QP toàn dân	
Đầu tư hạ tầng chiến lược kinh tế kết hợp AN.	Phát triển hạ tầng trọng điểm như sân bay, cảng, giao thông kết nối vùng được đầu tư mở rộng nhằm tăng cường kinh tế; nhiều công trình được thiết kế/điều chỉnh phục vụ cả mục tiêu AN-QP (ví dụ mở rộng sân bay Nội Bài, cầu và đường huyết mạch).	Hạ tầng lưỡng dụng tăng khả năng huy động lực lượng, duy trì hoạt động kinh tế - AN trong tình huống khẩn cấp; đồng thời tạo nền tảng tăng trưởng kinh tế bền vững.	(5)
Củng cố khu vực phòng thủ, ứng phó thiên tai, AN phi truyền thống	Lực lượng vũ trang Thủ đô phối hợp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hiệu quả (thu hút hàng nghìn lượt cán bộ chiến sĩ tham gia), tăng cường khả năng hỗ trợ dân sự.	Nâng cao khả năng bảo vệ, huy động lực lượng trong mọi tình huống, tạo sự tin cậy trong cộng đồng, bảo đảm ổn định AN nội bộ khi phát triển KT-XH.	(3)
Đối ngoại, hợp tác QP-KT	Tăng cường đối ngoại QP, hợp tác với lực lượng vũ trang các địa phương bạn, củng cố hợp tác mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài vào Hà Nội.	Mở rộng quan hệ quốc tế, gia tăng hợp tác trong các lĩnh vực chiến lược, tạo điều kiện phát triển kinh tế đồng thời tăng cường AN, QP theo định hướng đa phương.	(6)

Nguồn:

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế gắn với bảo đảm QP, AN tại TP phố Hà Nội, <https://www.quanlynhanuoc.vn/>, 28/08/2025.

(2) Tập trung cao độ phát triển KT-XH, đảm bảo QP-AN và nâng cao đời sống của nhân dân Thủ đô, <https://qptd.com.vn/08/07/2025>.

(3) TP Hà Nội hoàn thành toàn diện nhiệm vụ QP địa phương năm 2025, <https://quocphongthudo.vn/>, 31/12/2025.

(4) TP Hà Nội: Bảo đảm AN, an toàn hơn 2.000 sự kiện chính trị, văn hóa, ngoại giao trọng đại, <https://www.qdnd.vn/>, 31/12/2025.

(5) Hanoi adopts growth vision for 2025-2030, <https://hanoitimes.vn/>, Nov 07, 2025.

(6) Tăng cường xây dựng tiềm lực quốc phòng và sức mạnh tổng hợp, xây dựng thành phố Hà Nội thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, <https://quocphongthudo.vn/>, 18/10/2025.

Phụ lục 7

Việc giám sát lồng ghép giữa phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN tại Hà Nội trong giai đoạn 2015-2025 tuy đã được đưa vào các nghị quyết, kế hoạch nhưng trong thực tế triển khai vẫn còn mang tính hình thức, thể hiện:

Khía cạnh	Biểu hiện cụ thể tại Hà Nội
1. Thiếu tiêu chí đánh giá cụ thể	Hầu hết các báo cáo giám sát kinh tế - xã hội định kỳ cấp TP chưa có chỉ tiêu, tiêu chí riêng về lồng ghép QP, AN.
2. Chưa phân định rõ trách nhiệm	Trách nhiệm giám sát giữa HĐND, các sở ngành và cơ quan quân sự - công an còn chồng chéo, thiếu phối hợp hiệu quả.
3. Thiếu cơ chế xử lý sau giám sát	Kết luận giám sát chưa dẫn đến kiến nghị điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch hoặc phân bổ lại nguồn lực cụ thể.
4. Đánh giá định tính là chủ yếu	Phần lớn nội dung giám sát lồng ghép QP, AN chỉ dừng ở việc “ghi nhận đã tích hợp”, ít kiểm tra hiệu quả thực tế.
5. Minh chứng từ các dự án cụ thể	Một số dự án giao thông và KCN tại huyện Quốc Oai, Thạch Thất chưa được thẩm định yếu tố QP, AN rõ ràng.

Phụ lục 8

Kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý thể chế hóa kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo QP, AN của TP Hà Nội

Nội dung	Hiện trạng pháp lý	Kiến nghị hoàn thiện
1. Quy định trách nhiệm lồng ghép QP, AN trong quy hoạch và đầu tư	Chưa có quy định bắt buộc và rõ ràng trong Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng	Sửa đổi, bổ sung luật và nghị định liên quan để quy định <i>bắt buộc lấy ý kiến cơ quan QP, AN</i> trong mọi quy hoạch, dự án thuộc khu vực chiến lược
2. Phối hợp liên ngành trong thẩm định dự án	Phụ thuộc chỉ đạo hành chính, không có quy trình pháp lý thống nhất	Ban hành <i>Thông tư liên tịch</i> giữa Bộ KHĐT - QP - Công an về phối hợp đánh giá, thẩm định dự án có yếu tố QP, AN
3. Hướng dẫn đánh giá tác động QP, AN	Chưa có bộ tiêu chí và quy trình đánh giá thống nhất	Xây dựng <i>Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động QP, AN</i> đối với các dự án đầu tư, đặc biệt là hạ tầng, công nghiệp, FDI
4. Tích hợp QP, AN vào chương trình phát triển KT-XH	Quy định tại Nghị định 21/2019/NĐ-CP nhưng còn chung chung	Cụ thể hóa nội dung QP, AN trong <i>Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm</i> và các chiến lược ngành của địa phương
5. Phân định trách nhiệm giữa sở ngành - quân đội - công an	Chưa rõ ràng, dễ chồng chéo hoặc bỏ sót	Xây dựng quy chế phối hợp 3 bên ở cấp tỉnh/TP, có phân công trách nhiệm cụ thể, cơ chế họp định kỳ
6. Kiểm tra, giám sát lồng ghép QP, AN trong phát triển	Thiếu chế tài kiểm tra, giám sát	Bổ sung quy định về <i>báo cáo định kỳ lồng ghép QP, AN</i> trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế